AAS
VĂN-PHÒNG KHAI-THUẾ
American Asian Services
Tel: (818) 609-1872
TAX YEAR 1990
ROYAL HOME REALTY
18601 SHERMAN WAY, RESEDA, CA
(818) 705-4000
CÔNG TY ĐỊA ỐC ĐẦU TIÊN
VÙNG SAN FERNANDO VALLEY
VÀ PHỤ CẬN
CÔNG TY MUA BÁN NHÀ ĐẤT UY TÍN VÀ CÓ KHẢ NĂNG
NHẤT VÙNG SAN FERNANDO VALLEY DƯỚI SỰ ĐIỀU HÀNH
CỦA ÔNG NGUYỄN HUY ĐỘNG VÀ CÁC CỘNG SỰ VIÊN
18601 Sherman Way #A Reseda, CA 91335

TẬP SAN PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT SỐ 6

PHẬT-GIÁO THỐNG-NHỨT

SỐ 6

Xuân Canh Ngọ 1990

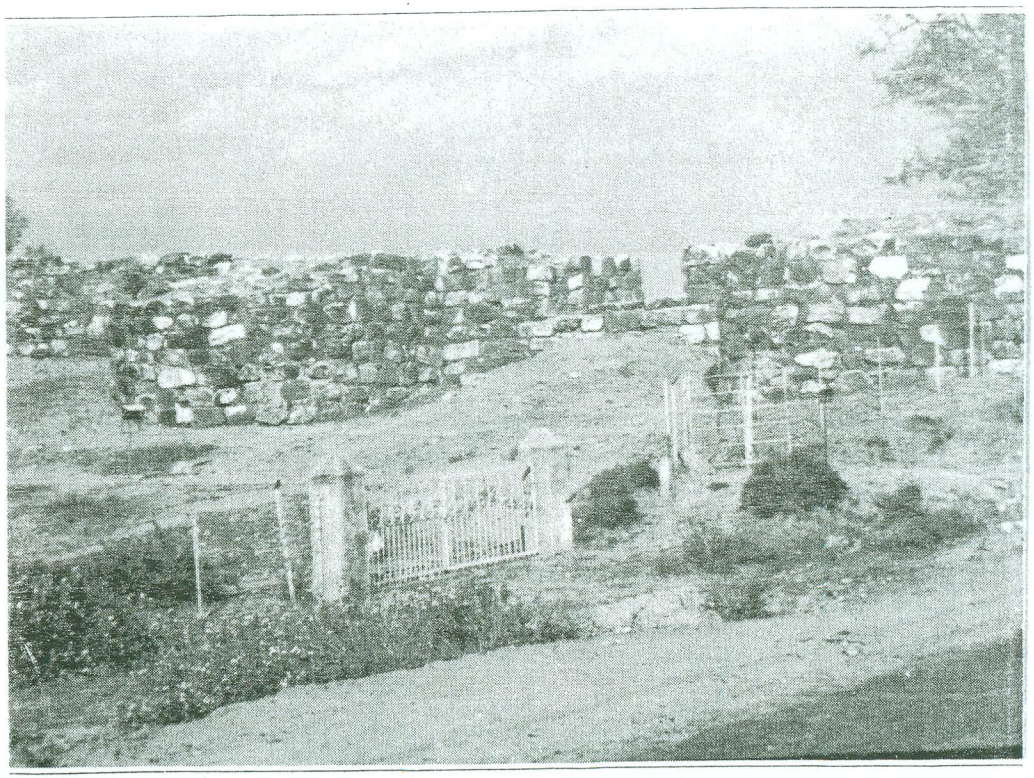

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
TẠI HOA KỲ

HƯỚNG VỀ

PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

9250 Columbus Ave.
Sepulveda Ca 91343
(818) 893-5317
(818) 894-9929

LOS ANGELES

LỘ TRÌNH HƯỚNG DẪN ĐI FREEWAY

-TỪ SAN FRANCISCO hay FRESNO :

Lấy Free-way 5 South, exit Osborn, quẹo mặt --- gặp Nordhoff quẹo mặt --- gặp Sepulveda Blvd quẹo mặt --- gặp Tupper quẹo mặt, P.H.V. nằm ngay góc đường Tupper và Columbus. Hoặc lấy Free-way 405 South, exit Nordhoff quẹo trái --- gặp Sepulveda Blvd quẹo trái --- gặp Tupper St. quẹo mặt --- gặp Columbus Ave là tới P.H.V.Q.T.

TỪ SAN DIEGO :

Lấy Free-way 405 North Bakersfield, exit Nordhoff quẹo mặt --- gặp Sepulveda Blvd quẹo trái --- gặp Tupper quẹo mặt --- gặp Columbus Ave tới P.H.V.Q.T.

TỪ DOWNTOWN LOS ANGELES :

Lấy Free-way 101 West, rồi lấy Free-way 101 North, rồi lấy Free-way 405 North Bakersfield, exit Nordhoff quẹo mặt, gặp Sepulveda Blvd quẹo trái, gặp Tupper St. quẹo mặt, gặp Columbus Ave tới P.H.V.Q.T. Hoặc lấy Free-way 5 North, exit Osborn quẹo trái, gặp Nordhoff quẹo mặt, gặp Sepulveda quẹo mặt, gặp Tupper quẹo mặt, gặp Columbus Ave tới P.H.V.Q.T.

XIN LƯU Ý :

Xin vui lòng theo lộ trình hướng dẫn trên để dễ dàng đến P.H.V., vì đường Columbus bị cắt quãng.

PHẬT-GIÁO THỐNG-NHỨT

SỐ 6

Xuân Canh Ngọ 1990

Chủ Trương : **GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT TẠI HOA KỲ**

Điều Hành : **Thượng Tọa Thích-Trí-Chơn**

VỚI SỰ CỘNG TÁC

Thượng Tọa Thích-Đức-Niệm * T.T. Thích-Trí-Chơn * T.T. Thích-Nguyên-Đạt * Minh-Đức-Hoài-Trinh * Võ-Thành-Thân * Tịnh-Minh * Thiện-Bửu * Diệu-Nga * Trần-Chung-Ngọc * Thái-Văn-Bá * Phạm-Phú-Hải * Diệu-Phụng * Minh-Thành * Hồng-Liên.

Quản Lý : **Thích-Nữ Diệu-Tánh**

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ
9250 Columbus Ave.
Sepulveda, CA 91343 - U.S.A.
Tel. (818) 893-5317

Thư từ ngân phiếu ủng hộ xin đề : PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

TRONG SỐ NÀY :

Câu Chuyện Ngày Xuân 1
Con Đường Thống Nhất Phật Giáo 22
Lịch Sử Thánh Tích Phật Giáo Tại Ấn-Độ 27
Sám Hối Cuối Năm 50
Một Lời Chúc Tết Hay Là Như Ý Châu 55
Mỗi Phật Tử Phải Là Một Vị Bồ Tát 59
Lạc Bến (THƠ) 65
Thời Pháp Tân Niên 66
Niềm Vui Chánh Niệm 76
Cư Sĩ Và Vấn Đề Thực Hành Phật Pháp 80
Hoài Nghi Và Niềm Tin 94
Nỗi Buồn Thiếu Phụ 98
Như Cá Cạn Nước Nào Có Vui Chi 107
Vài Nét Về Lễ Tấn Phong 111
Lá Thư Tỵ Nạn 115
Tin Tức Phật Sự 118
Tri Ân 144
Hình Ảnh Sinh Hoạt 145
Quảng Cáo 163

HÌNH BÌA :

Di tích cổng phía Nam Thành Vương Xá (Ấn Độ) nơi đức Phật thường lui tới hoằng pháp khi còn tại thế.

Ảnh: TT. Thích Trí Chơn

CÂU CHUYỆN NGÀY XUÂN

Thưa quý vị !

Hôm nay quý vị vân tập về đây, ngay ngắn ngồi đối diện tôi, trước ngôi Tam-Bảo Phật đài, nghe bài thuyết pháp cuối năm, để rồi chút nữa đây thành tâm cùng làm lễ Giao-Thừa, đón mừng năm mới, hái lộc đầu xuân, vui mừng ngày Tết.

Thưa quý vị ! Nói đến tết, trước hết, tết gợi cho ta cái ý niệm năm hết, kết thúc tất cả cái gì cũ, đã chất chồng tròn đủ một tuổi đời và chúng ta sẽ tiếp nhận thêm một tuổi mới với hy vọng những điều may mắn mới mẽ trong năm mới. Như trẻ con cởi chiếc áo cũ, vui mừng mặc lên người chiếc áo mới với nụ cười trong trẻo thích thú. Nhưng tất cả ý niệm về xuân tết cũ mới đều là sản phẩm của con người, do con người tạo ra và đặt để cho nó, kinh qua thời gian lâu dài và trải qua lớp lớp thế hệ, để rồi hình thành quan niệm suy tư tập quán truyền thống.

Tôi nói sản phẩm, dù là sản phẩm thuộc lãnh vực tinh thần, chẳng hạn như ngày

tết, thì đó cũng là do tâm thức con người tạo ra. Mà xưa nay những hiện tượng thực tế cho ta thấy, bất cứ cái gì do con người tạo ra cũng đều là không chân thật. Bởi chính ngay cái nhân thân mạng và tâm thức của con người cũng vốn là huyễn mộng. Chúng ta đang sống trong canh trường đại mộng, nặng mang bầu vọng thức thiên kiến biên chấp, nên không có cái gì chân thật trường tồn. Chẳng hạn tết của người Đông phương không giống tết của người Tây phương cả về thời gian, cung cách trang hoàng lẫn đến phương diện thưởng thức xuân tết. Bởi tâm chúng sanh bất đồng, nên tạo ra cảnh sắc hiện tượng khác biệt. Tâm chúng sanh hư vọng sai biệt, nên hình thành sản phẩm không giống nhau, không chơn thật cả nội dung lẫn hình thức.

Quả thực thế. Chẳng nói chi xa, chỉ trong ba ngày xuân tết là đủ hiển bày hết thực trạng thầm kín của nhân thế. Thật vậy, tinh thần và tâm tư của người trong cùng một giống nòi mà cách thức đón tết khác nhau. Nguyên do của sự khác nhau là tùy theo tuổi tác, tùy theo hoàn cảnh mà hình thành quan niệm suy tư không giống nhau. Quý vị có biết chăng ? Biết bao người xót xa tủi hận trong ngày tết bên cạnh những người vui cười hỷ hạ tiệc tùng linh đình với cảnh gia đình hạnh

phúc đoàn viên, quyến thuộc đoàn tụ, đón mừng xuân tết. Đó là khái lược nói về hiện trạng thế gian. Trong cùng một chủng tộc quốc gia mà mỗi lần xuân tết đến cũng đã không giống nhau rồi, nói chi đến tha quốc dị chủng ! Hễ cái gì đã không giống không đồng thì không chân thật, không bền chắc trường tồn, đương nhiên không phải là chân lý. Không phải chân lý thì sẽ phải đổi thay. Hễ đã đổi thay thì phải bị mai một, theo lẽ tuần hoàn hoại diệt. Mà hễ còn dính mắc trong vòng thành trụ hoại diệt chuyển thay thì còn phải liên lụy buồn phiền khổ đau. Tâm thức còn bị ngoại cảnh chuyển, thì cuộc sống sẽ không yên, không thể nào đạt được chân lý an nhiên tự tại :

Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Hôm qua sân trước một cành mai.

Không đạt chân lý an nhiên tự tại thì lẽ nào được vô ngại trước cảnh thịnh suy thăng trầm, thông dông buông thả trước trạng thái lưu chuyển không ngừng của cuộc đời :

Xá chi suy thịnh cuộc đời
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành.

Tâm còn gai gốc thì còn dính mắc buồn khóc xót thương, còn bị cuốn lôi theo

dòng đời cuộn chảy, không thể nào thoát xác định tâm nhìn thấy cái vẻ đẹp trường tồn chân thật của vạn vật ngày xuân :

Các pháp xưa nay vốn tự như
Không sanh không diệt cũng chẳng hư
Xuân đến trăm hoa đều rộn nở
Oanh vàng liễu thắm hót xuân cười.

Vậy thì người Phật tử chúng ta đối với xuân tết phải như thế nào mới đầy đủ ý nghĩa thưởng xuân ? Thưa quý vị ! Tính đến nay, tôi đã trãi qua mười cái tết trên xứ Mỹ nầy. Mười cái tết đi qua đã cho tôi bài học đáng giá về cuộc đời, về kiếp người, nhất là thân phận kiếp người tha hương về lẽ sống. Mười cái tết Việt-Nam trên đất Hoa-Kỳ đi qua trong đời tôi, đã làm cho tôi ý thức rõ ràng về tình người, nhận chân được :

Cuộc hồng trần xoay vần quá ngán
Kiếp phù sanh tụ tán chán chường.
Tình đời thương ghét ghét thương
Ái tình danh lợi làm vương vấn lòng.

Hôm nay là ngày vui, sao tôi lại nói chi những lời có vẻ bi quan chán đời thế kia ? Xin thưa quý vị ! Đạo Phật là đạo như thật, phải trực diện với sự thật để từ đó nhận chân thực trạng hoàn cảnh và tâm tình nhân thế.

Phải nghĩ thật, nói thật, hiểu như thật, và làm thật, mới phân định chơn giả, bỏ tà theo chánh. Bởi thế, nên nói đạo Phật là đạo của lẽ sống chân thật, đạo của con người tiến bộ. Người Mỹ giúp đở tha nhân theo tánh tự nhiên phát xuất từ cõi lòng mà không cần nghĩ đến đền ơn đáp nghĩa. Còn Phật tử chúng ta đã biết nào là nhân quả luân hồi quả báo, tu để thành Phật thành thánh hiền, tụng kinh, ăn chay, lần chuỗi, nhưng lại nhiều tánh ích kỷ so đo tính toán. Kinh Phật dạy nên từ bi hỷ xả lợi tha bố thí, trong lúc đó chúng ta lại nhiều ganh tỵ keo kiết tham hận. Thậm chí có người hứa cúng dường xây chùa đúc tượng làm việc từ thiện, sau đó lại đổi ý quên lời. Lại có hạng người nếu có đóng góp cho Phật Pháp chút ít công của, thì kể công kể nghĩa. Có kẻ còn lợi dụng hơi hám chùa nọ thầy kia tự khoe mình đã từng làm phước đức công lao Phật sự to tát. Nếu có cộng tác với bà con bạn bè chẳng bao lâu sau đó vì lợi nhỏ bứt ngang bỏ cuộc. Rồi có những kẻ giàu có mà tự dối lòng mình, mà cứ ngửa tay xin tiền xã hội để dành dụm cho con mua nhà sắm xe. Đâu có biết tiền xã hội là tiền để tế bần, do mồ hôi nước mắt của người dân lao tâm lao lực đóng góp. Người xuất gia ở chùa sớm hôm kinh kệ, trì trai giới hạnh gia công tu hành, với mục đích ngoài

việc cầu thành đạo quả, phần lớn còn phải lo trả ơn đàn na thí chủ cúng dường để cho mình được an tâm tu hành. Kinh nói : "Kim sanh bất liễu đạo, phi mao đới giác hoàn". Có nghĩa là người tu hành đời nầy không tinh tấn liễu đạo giác ngộ, thì đời sau sẽ phải làm súc vật mang lông đội sừng trả nợ áo cơm cho người thí chủ. Tu hành không chơn chánh, không chuyên cần tinh tấn để cầu được giác ngộ giải thoát mà còn phải mắc quả báo như thế, huống chi kẻ tham tâm lãnh tiền xã hội tế bần, hoặc lợi dụng chùa để tư lợi quyền danh, thì quả báo trầm trọng biết dường nào !

Thậm chí có kẻ đầu tròn áo vuông mà lại lòng đầy danh lợi, quên bản nguyện sơ tâm xuất gia cầu đạt đạo giác ngộ giải thoát. Lại sanh tà tâm bám chức hám danh đến độ không bằng cấp tự nói có bằng cấp, chưa xứng được đại chúng suy tôn thì tự tôn danh chức, tự xưng chứng đắc thánh quả ! Đâu có biết kinh dạy rằng : "Nhược phàm phu tự ngôn chứng thánh ... danh đại vọng ngữ kỳ tội cực trọng". Nghĩa là kẻ phàm phu tự xưng mình đã chứng thánh ... thì đó là đại vọng ngữ, quả báo tội đọa rất nặng. Người tu học Phật đặt trọng tâm nơi vun bồi đức hạnh, tạo công đức lành, xa lánh lợi danh. Đạo đức và giác ngộ giải thoát vượt ngoài bằng cấp danh vị. Đó là

lý do mà Thái-Tử Tất-Đạt-Đa bỏ lại sau lưng tất cả phú quý danh vọng quyền uy để sống đời tăng sĩ thanh bần lạc đạo. Nay tự nhận mình là đệ tử Phật, nguyện học theo Phật, chúng ta có thực hành theo Phật chưa ? Ấy thế mà có kẻ vì tự ái, nghĩ mình mất lợi danh quyền hành nơi chùa viện, xoay ra hủy báng sư tăng, xuyên tạc phá phách sự thanh tịnh cửa thiền. Nếu vì xây dựng hạng ngụy tăng tà hạnh lợi dụng chùa viện làm chỗ lợi dưỡng cầu danh, mà họ hành động như thế thì đấy là điều đáng khen, đáng ca ngợi tinh thần can đảm vì đạo pháp của họ. Nhưng sự thật thì không phải thế, mà vì họ mê lợi hám danh. Nghĩ cho cùng, Phật nào có bảo chúng ta đem tâm trần tục lợi danh xây chùa, hành đạo, thờ Ngài đâu ? Sao kẻ phàm tâm lạm xưng là Phật tử, tự đâm đầu tạo chi cái nhân hắc ám, làm kiếp ký sinh trùng rúc rĩa cây cổ thụ đạo pháp lở vỏ héo cành thế kia ? Người tin kính Phật mà không e ngại quả báo luân hồi quả là người tự để đời mình lăn sâu xuống hố thẳm. Vậy tết là dịp để cho Phật tử chúng ta tự kiểm thảo suốt một năm qua, đã hưởng trọn một tuổi đời. Tự vấn lòng xem, vậy ta đã thêm gì đạo đức tự lợi, lợi tha, để rút ngắn đường xa đến bầu trời quang đãng an lạc của đức Di-Lặc chưa ?

Khi tôi hành đạo chạm trán với đời, từ đó tôi đích thực thể nghiệm lời Phật dạy. Ngày xưa, cái tuổi còn ngây thơ, ở chùa chuyên tâm tu học, sớm khuya kinh kệ, không hề biết việc đời, tôi chỉ nghe các bậc sư trưởng giảng và chỉ biết suôn lời Phật dạy : Thế gian mộng huyễn, tâm người vô thường. Thế thôi ! Nhưng ngày nay, nhất là trải qua mười năm hành đạo ở xứ Mỹ nầy đầy chông gai trăm đắng ngàn cay, trùng trùng chướng duyên oan trái, tôi đã hiểu được thế nào là thế thái nhơn tình. Tôi đã nếm được ý nghĩa "trên đường chân lý không phải lúc nào cũng có hoa và bướm". Mười cái tết ở đây, đã là cơ hội thể nghiệm về lời Phật dạy, về lời các bậc thầy đã khuyên tôi, và từ đấy vun bồi cho tôi cái đức tánh kiên nhẫn trong cuộc đời ế độ kham nhẫn nầy, để từ đó tôi vững chí hành đạo. "Trên đời không việc gì khó, khó hay không tại lòng mình. Có chí thì nên". Điều điển hình nhất là làm cho tôi suy gẩm nhiều về lẽ vô thường.

Vô thường đã kéo lôi, đã chi phối tất cả mọi hiện tượng tâm lý cũng như vật lý thế gian. Một thực trạng điển hình gần gủi nhất, đó là nhìn lại chính bản thân tôi. Tấm hình trên tay tôi còn ghi dấu chụp ngày 16-6-1979, ngày tôi vừa đến phi trường Los Angeles, và

xuân tết năm ấy, tôi thấy cái gì cũng đẹp. Đẹp như từ trên máy bay nhìn đèn đêm thành phố Los Angeles. Giờ đây nhìn lại tấm hình ngày ấy còn ghi rõ nét sắc diện tôi tròn trịa nở nang, da mặt hồn nhiên măng tơ căng nhựa sống, vóc người phấp pháp với nụ cười tươi vô tư lự chào đón mọi người. Với tâm hồn thư thới lúc nào cũng như hoa nở trước gió xuân. Nhưng tết thứ mười nầy, đứng trước gương soi lại chính mình, đối chiếu với tấm hình chụp cách đây mười xuân tết, thì đã khác xa đi nhiều lắm. Mái tóc đen, má tròn đầy, mắt trong sáng, răng đều đặn trắng ngà, nụ cười hồn nhiên như hoa nở của thuở nào, nay đã âm thầm theo từng cái tết lặng lẽ ra đi ! Giờ đây chỉ còn lại trên người tôi tóc bạc, má cóp, da nhăn, mắt mờ, răng giả và nụ cười hồn nhiên đã biến dạng đi tự lúc nào không hay ! Nay chỉ còn lại tâm hồn thanh thảng vô tư thoạt có thoạt không !

Thưa quý vị ! Tôi tưởng cái tết đầu tiên ở Hoa-Kỳ sẽ là niềm hy vọng an lành sáng sủa, thuận duyên hành đạo, và đời tôi sẽ được cuộc sống thanh thảng thoải mái trong những năm kế tiếp. Nên lúc đó tôi cảm thấy không gian bao la quang đãng, trời trong không khí mát lành như không bợn nhiễm ô, dòng đời phẳng lặng chẳng mấy nổi chông gai.

Và lúc đó, tôi cảm thấy đâu đâu cũng đầy hoa đời tươi nở, ai ai cũng cởi mở cõi lòng đón chào niềm nở trong tình người dân tộc. Nên tai tôi lúc nào cũng nghe văng vẳng âm điệu trong trẻo ngọt ngào tình tự quê hương, nồng hậu tình người đồng bào ruột thịt trong tình đạo từ bi. Và đâu đây lúc nào cũng trổi lên nhạc lòng tha thiết tiếng gọi đàn đùm bọc lẫn nhau "người trong một giống phải thương nhau cùng". Lúc ấy tâm tư tôi hồn nhiên như những thiên thần dạo đờn dâng hoa cúng Phật. Lòng trào dâng niềm hy vọng vô biên tưởng chừng ngày về quê hương gần lắm. Bởi tin tưởng sức mạnh đoàn kết "lá lành đùm lá rách". Bởi trong tôi học đòi tâm nguyện vị tha của đức Phật, mang tâm hạnh hành xả đến Hoa-Kỳ, trước tiên là mong có dịp phục vụ đồng bào và đạo pháp, hầu để chia xẻ phần nào nỗi đau xót vết thương lòng của kiếp sống tỵ nạn vong quốc, uất hận nghẹn ngào phải bỏ đất mẹ ra đi tha hương. Mang tâm hồn trong trắng của một sinh viên còn trinh nguyên cõi lòng hồn nhiên với nhiệt tình phục vụ cao độ, với hy vọng tiếp tay với đồng bào để xây dựng cuộc sống mới hiền hòa tương thân tương kính.

Thưa quý vị, thật tình lòng tôi sống dậy niềm tin tưởng mãnh liệt như thế. Trong

thời gian đó, một vị cao tăng từ phương xa ghé qua thăm đã nói với tôi : "Với học thức đức hạnh như thầy ở Đài-Loan rất tốt, được người quý mến, sao không ở ; thật đáng tiếc ! Chỉ có những kẻ thiếu phước mới làm lãnh tụ Phật-Giáo Việt-Nam". Lúc đó, tôi không có một khái niệm gì về nghĩa của danh từ lãnh tụ, nên câu nói kia không làm cho tôi ngạc nhiên suy nghĩ gì cả. Bởi lòng tôi có một ước ao đơn giản, đến đây chỉ với mục đích là để có dịp phục vụ đạo pháp và đồng bào ruột thịt thế thôi. Nhưng hành đạo sau mười cái tết, ngày nay suy gẫm lời của vị cao tăng kia quả thật là một bài học đáng giá. Kinh qua mười năm hành đạo, âm thầm kiểm điểm, thấy mình dốc hết năng lực và thời gian cho lý tưởng đại nghĩa, với hy vọng đồng bào có đời sống tinh thần sáng sủa thoải mái trong những ngày còn sống gởi trên đất khách quê người, tạo lực lượng đoàn kết để rút ngắn ngày trở lại quê hương. Nhưng cho đến nay, trải đã mười lăm năm rồi mà ánh sáng đường về đất mẹ chưa thấy xuất hiện, tình đồng hương ngày một thêm chia rẽ, đạo pháp càng phân ly, tình trạng đồng bào ruột thịt các trại tỵ nạn lại ngày thêm khốn đốn khốc liệt tuyệt vọng não nề ! Làm gì đây ? Tại sao ta sanh ra đời làm chi không nhằm thời, phải bất lực nhìn đồng

loại một cách thương tâm, nhìn thực trạng đạo pháp mà lòng âm thầm ray rức như thế nầy ?

Trước thực trạng cảnh đời, trước tình người rời rạc, tôi đã ngao ngán. Vì thế đã có lúc thật lòng chán nản muốn tìm nơi ẩn dật niệm Phật cho đến hết đời. Nhưng gương đức Phật suốt 49 năm trời hoằng pháp lợi sanh đã gặp không biết cơ mang là cảnh gay go nguy khó, nhưng không lúc nào tỏ ra mỏi mệt, cho đến trước khi vào Niết-Bàn, Ngài vẫn còn giảng bài pháp Di-Giáo cuối cùng. Cộng thêm vào đó, các pháp hữu và Phật tử cảm tình thương thân đã thạnh tình khuyến khích, nên rồi tôi lại tiếp tục nghiệp phục vụ chúng sanh.

Nghĩ cho cùng cũng lạ thật ! Thưa quý vị ! Hai chữ thế gian gồm trong ý nghĩa nôm na không phải là thế ngay, nên bày ra cũng lắm tuồng huyễn hóa. Vậy mà đã hấp dẫn nhận chìm biết bao lớp người thế hệ nầy đến thế hệ khác, khiến cho nhân loại ngày đêm lặn hụp trong vũng bùn danh lợi dục tình, sanh ra lắm chuyện tranh chấp hủy hoại lẫn nhau, mặc dù hiện trạng thương đau sống đời tầm gởi tủi nhục vẫn còn nhan nhản đó. Kẻ phàm tục bị nhiễm trùng nhục vọng danh lợi thị phi đã đi sâu vào giòng máu vong bản từ lâu, họ bỏ đạo ông cha sống phi dân tộc vọng ngoại, vô đạo đức đã đành. Đằng nầy, kẻ

tự xưng mình là Phật tử, biết đi chùa lạy Phật ăn chay, nhiều lúc còn giảng đạo lý vanh vách cho người khác nghe nữa, mà lại tìm danh kiếm lợi trong cửa chùa, được thì yên, không được thì quàng xiên gây rối. Thật đáng đau buồn cho đạo pháp gặp phải tình trạng thế nhân đạo tâm suy vi. Nghĩ cho cùng, hạng người nầy đã lầm lẫn ý nghĩ phục vụ đạo pháp. Tinh thần phục vụ đạo pháp chính là một hình thức của bổn phận người Phật tử công quả hộ đạo, đồng thời cũng là nhân tố cơ hội tốt để tu tâm dưỡng tánh hành thiện bồi dưỡng phước đức. Chớ nào phải phục vụ để được có chức tước quyền hành như thế gian ? Vì không nhận định rõ đâu là thế pháp và Phật Pháp, đâu là thế sự và Phật sự. Lại không tin sâu nhơn quả nghiệp báo, nên để phàm tâm lấn át Phật tâm. Người đem tà niệm hành đạo, nên khi hết chức vụ thì cảm thấy mất quyền danh lợi dưỡng, để tâm tham sân trào dâng chế ngự, tự xa lánh ngôi Tam-Bảo, rồi tạo ồn náo cửa chùa, dèm pha xuyên tạc sư tăng đạo hữu, đồng thời dùng lời dèm pha kéo lôi xúi dục người khác cũng bỏ thầy bỏ chùa như mình. Phật dạy : "Tin ta mà không hiểu ta là hủy báng ta". Hạng người nầy quả thật là trùng trong sư tử.

Đã nhận mình là Phật tử thì phải

biết vâng lời Phật dạy mà tu sữa tâm tánh hành vi, chứ không phải chỉ mang cái danh Phật tử suôn. Tu là sửa tâm chỉnh tánh. Hành là cải thiện hành vi, thực hành đúng lời Phật dạy, từ bi hỷ xả vị tha. Nên việc tu hành của Phật tử là nghĩa cử cách mạng. Cách mạng là sữa đổi lối sống. Sống cho xứng với lý đạo chơn thường, hợp với lẽ phải hầu thăng hoa cuộc sống. Cách mạng là bỏ cái cũ, trừ cái thối tha lạc hậu để đổi lấy cái mới tiến bộ. Tu hành là sữa đổi tâm tánh hành vi xấu ác, để có đời sống đạo đức với ước mong trở thành người đạo đức thanh cao. Tu hành là sữa đổi cải tiến từ con người tâm lượng nhỏ hẹp, đạo đức thấp kém, để trở thành con người tâm lượng quảng đại, đạo đức cao dày. Tu hành là sữa đổi từ con người tham lam sân hận si mê, để trở thành con người từ bi hỷ xả trí huệ. Mục đích của sự tu là để chuyển tâm sữa tánh, chuyển phàm thành thánh. Chứ chẳng phải tu bằng hình danh sắc tướng để được người khen. Hiểu và thực hành như thế mới thật sự là người Phật tử chơn chánh. Người Phật tử chơn chánh chính là người làm cuộc cách mạng toàn triệt về thân tâm để tiến đến thánh thiện, nhằm đạt đến đích của sự giác ngộ giải thoát. Có như thế, người Phật tử mới có hy vọng lìa phàm nhập thánh. Bằng không

mãi mãi trôi nổi trong bể khổ trầm luân. Thế nên nói đến Phật tử là nói đến người đang làm cách mạng thân tâm, người đang tập sống đời sống đạo đức. Nói đến Phật tử tự nhiên cho mọi người cái ý niệm : Đó là người đang sống trong tĩnh thức, sống trong chánh niệm, không ngừng nổ lực cải thiện đời sống, cải tiến thân tâm, sống với lòng vị tha, mở ra một chân trời mới xây dựng hạnh phúc cho mình và quốc gia nhân loại. Danh từ Phật tử cao quý như vậy, nên khiến cho người bàng quang có khái niệm về người Phật tử là người sống hiền hòa vị tha, sống theo tiếng gọi của Thích-Ca Mâu-Ni, đem tình thương và đạo từ bi, ánh sáng trí huệ trãi khắp cho nhân thế. Với ý nghĩa chân thiện mỹ của danh từ Phật tử trãi suốt mấy ngàn năm lịch sử không bị hoen ố. Vậy Phật tử chúng ta làm được phần nào cho tương xứng với danh từ Phật tử chưa ? Và chúng ta đã thể hiện tâm nguyện lành thiện mà đức Phật ước mong nơi chúng ta chưa ? Nếu chưa thì ta không nên lần lựa tự dối lòng, dối Phật nữa. Ta phải gấp rút lập chí phát nguyện sống đời vị tha hành thiện ngay trong ngày xuân tết nầy. Bằng không, ta lại mãi tiếp tục dối lòng lạm xưng Phật tử.

Xuân tết là thời gian kết thúc việc cũ, là khởi điểm cho hành trình mới, là dịp

đón nhận thêm tuổi đời, và kiếp sống cũng theo đó rút ngắn. Là Phật tử, chúng ta đứng trước thực trạng đó, nhất là thêm một lần xuân tết lại rút ngắn đi mạng sống của ta, nên phải tự vấn lòng, tự kiểm điểm một năm qua ta đã có tiến bộ nào trên lộ trình Phật dạy : "Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành" chưa ? Nếu một năm qua ta đã không làm lợi ích gì cho chính bản thân gia đình xã hội quốc gia nhân loại trên đường thánh thiện lợi tha, đó là ta lảng phí thì giờ thờ ơ với lời Phật dạy. Tự xét, ta đã biết bao lần tụng lời Phật dạy, và cũng đã lắm lần nghe lời Phật khuyên gạt bỏ phàm tâm. Đồng thời cũng đã biết bao lần ta đọc lời phát nguyện xả mình hy sinh cho nhân loại của các Bồ-Tát. Có phải thế không thưa quý vị ? Thế thì trong năm mới nầy ta cũng cứ đành tiếp tục nguyên trạng sống tự dối nữa ư ? Như thế thì ta quá tự phụ khả năng Phật tánh của ta lắm !?

Tụng kinh đọc sám là hàm ý nghĩa nhắc nhở ta noi gương theo gót chân Phật và Bồ-Tát thực hành tâm nguyện của quý Ngài. Vậy ta đã thực hành phần nào chưa ? Nếu chưa có được phần nào, thì ta ngày ngày tụng niệm làm chi cho phí thì giờ, mòn hư kinh sách ! Nếu hằng ngày tụng kinh đọc sám nguyện mà ta vẫn là ta còn nguyên vẹn tham

sân si ích kỷ bỏn sẻn kiêu căng, như thế tụng đọc kinh sám cùng với đời sống ta chẳng ăn nhằm gì nhau cả, còn lâu lắm mới kết duyên Bồ-Đề. Tâm nguyện hướng về bến bờ giác ngộ hãy còn xa vời, và lộ trình giải thoát hãy còn mù khơi thăm thẳm. Như thế chiếc thuyền đời của ta còn bồng bềnh dịu vợi giữa biển cả trầm luân chưa có bến đổ. Tụng kinh niệm Phật tọa thiền là phương tiện trực tiếp nhắc nhở cho ta tu tâm sữa tánh hành thiện để tiến bộ trên quang lộ giác ngộ giải thoát. Chứ không phải tụng kinh niệm Phật tọa thiền bằng hình thức suôn là được thành đạo chứng quả. Xây cất chùa, lập Phật hội là tạo môi trường cơ duyên phương tiện để cho ta và bạn hữu hành xả tu tâm, chứ nào phải để tranh chấp quyền danh lợi dưỡng được người khen tặng ăn trên ngồi trước. Mang tâm tranh chấp hơn thua lợi dưỡng để xây chùa làm Phật sự thì đó chỉ là tổ phá hại đạo pháp, là cơ hội tốt để cho Ma-Vương có dịp xâm nhập lũng đoạn chánh đạo chơn truyền. Cây đạo pháp cũng từ đó bị lung lay nghiêng ngã. Bởi cái nhân hơn thua danh lợi, thì nhất định phải đưa đến cái quả tranh chấp tỵ hiềm phá hoại. Nhơn quả như bóng theo hình như gương chiếu ảnh. Người Phật tử không phân minh nhận định như thế thì vô tình biến mình làm

băng cassette, máy tivi, dẫn đường đi đến quyến thuộc của ma vương. Như thế là ta đắc tội lạm dụng trong hàng Phật tử, làm hư hoại khả năng chơn tâm Phật tánh của mình.

Đứng trước hiện tượng đau lòng nầy thường xảy ra trong dòng sanh mệnh Phật-Giáo, tưởng cũng nên báo động cho mọi người mang tâm thao thức về tiền đồ Phật-Giáo, mà cũng chính là tiền đồ hành đạo của mỗi tự thể cá nhân, để biết mà cẩn trọng trong việc hành xử. Đó chẳng qua là sự lộng hành của một số người lạm xưng là Phật tử rồi tự tung tự tác trong các hoạt động Phật sự. Việc nầy bắt nguồn từ những người không hiểu Phật Pháp, hám lợi mưu danh, yếu kém đạo hạnh, thiếu vắng sức tin sâu nhân quả nghiệp báo, không đủ tâm thành với Tam-Bảo, mà chỉ vịn vào danh tước thế gian hiện tại hoặc còn lại cái đã vang bóng một thời, lợi dụng nắm giử chức vụ điều hành trong ngôi Tam-Bảo, rồi từ đó sanh tâm kiêu mạn quản lý luôn cả sư tăng. Thầy thuận tình chiều ý mình thì cho thầy là tốt, thầy có tu. Một mai thầy không chìu nỗi sức, trái ý mình, thì hủy báng thầy, chó thầy là bất chánh, thiếu đạo hạnh, rồi bịa đặt đủ điều thị phi, gây ồn náo cửa thiền môn thanh tịnh bấy nay. Trước cảnh đó, thầy phải ra đi. Kinh luật dạy rằng :

"Xưa có vị Tỳ-Kheo trẻ chê vị Tỳ-Kheo già tụng kinh ồ ề như tiếng chó sủa. Vị Tỳ-Kheo già biết được khuyên. Vị Tỳ-Kheo trẻ liền thành tâm sám hối nên khỏi tội đọa địa ngục, nhưng sau đó phải năm trăm kiếp làm thân chó. Kiếp cuối cùng được Ngài Xá-Lợi-Phất cứu cho". Cổ đức nói : "Ôi ! Luận người ở đời búa để trong miệng, sở dĩ hại mình do lời nói ác". Đâu có biết lời Phật dạy : "Cư sĩ tại gia là người thân cận ngôi Tam-Bảo hộ đạo". Có nghĩa là đức Phật khuyên người cư sĩ nên khéo thu xếp việc gia đình để có dịp gần gủi ngôi Tam-Bảo tạo cơ duyên công quả hộ đạo tu học, đồng thời giúp phương tiện cho tăng bảo hành đạo hoằng pháp lợi sanh, chớ đâu phải hộ trì Tam-Bảo rồi ỷ có công, lạm quyền hành trong chốn chùa viện. Dù là tăng hay cư sĩ, hễ đã đem phàm tâm lòng tục phục vụ đạo pháp, thì đạo pháp cũng biến thành phi đạo pháp, tức là đạo pháp bị tục hóa chỉ còn là đạo danh lợi. Ấy là đạo của Ma-Vương chứ không phải đạo Phật nữa. Đạo pháp vốn là chân lý cách mạng tiến bộ. Nay tôi thành tâm khẩn thiết đem vạn triệu lòng thành xin đừng lợi dụng danh nghĩa "tiến bộ hợp thời" mà ngụy trang cải cách sửa kinh đổi luật để thích hợp với hành vi dục tình lợi dưỡng hưởng thụ của mình, thì đó là điều tai họa bất hạnh lớn

lao của đạo pháp.

Để khỏi phụ khả năng Phật tánh thánh thiện của ta ; để khỏi bị quyền danh lợi dưỡng làm mờ mắt mà rơi vào tà tâm ác hạnh ; để khỏi đắc tội với bốn ơn nặng ; để khỏi luống phí thời gian vô ích thì ngay trong ngày xuân tết nầy, ngày đầu năm mới, Phật tử chúng ta dõng mãnh tới trước Phật đài, thành tâm phát nguyện từ đây quyết chí noi gương theo Phật, tin sâu nơi khả năng Phật tánh của mình, mạnh dạn phát nguyện tinh tấn xả bỏ ích kỷ tham sân si, thực hành hạnh từ bi hỷ xả sống đời vị tha. Nguyện lấy tâm Phật làm tâm mình ; lấy hạnh Phật làm hạnh nình ; lấy nguyện Phật làm nguyện mình. Nguyện kể từ xuân tết nầy trở đi chuyên tâm trì giới thanh tịnh, dõng mãnh tinh tấn sống đời sống đạo hạnh. Đồng thời phát nguyện dù sống bất cứ hoàn cảnh nào cũng luôn luôn nhớ Phật, nhớ lời Phật dạy, dốc lòng hành thiện. Nguyện đem công đức tạo được hồi hướng cho quê hương sớm thoát cảnh rách nát đói nghèo, cho dân tộc sớm thoát cảnh đọa đày khốn khổ, và cho pháp giới chúng sanh sớm ngày giác ngộ. Ấy là chúng ta trang nghiêm tịnh độ. Được như thế mới là ý nghĩa xuân tết của người Phật tử.

Tết là tượng trưng cho hy vọng mới

mẻ tốt tươi, vui cười hỷ hạ, rộng mở chan hòa với nguồn sống của vạn vật, bản thể bao la của đất trời. Đức Phật Di-Lặc ra đời trong ngày xuân tết mang nụ cười hỷ xả buông thả hết cõi lòng, hòa điệu cùng nguồn sống vạn loại.

Phật tử chúng ta nên tập mở rộng lòng ra, nguyện tinh tấn sống đời vị tha, để chan hòa với nụ cười hỷ xả bất diệt của đức Di-Lặc. Cũng xin đặc biệt lưu ý, muốn đạt được đời sống vị tha nụ cười hỷ xả, chúng ta nên thành tâm thật ý quyết chí thực hành lời Phật dạy để tránh mắc cái bệnh lý thuyết "năng thuyết bất năng hành". Có thực hành mới đạt thành kết quả, mới hy vọng thoát khỏi tình trạng chim vẹt nói tiếng người, kẻ đếm bạc cho ngân hàng, kẻ giử bò cho chủ, thùng thiếc cũ rích rỗng không, và mới mong có cơ hội thoát ra ba cõi nhà lửa. Được như thế chúng ta thực sự sống và hưởng trọn mùa xuân Di-Lặc vạn hạnh như ý.

THÍCH-ĐỨC-NIỆM

CON ĐƯỜNG THỐNG NHẤT PHẬT GIÁO NỞ HOA

Hồng Diệm

Sự thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ đến nay đã hơn một năm, thời gian hãy ngắn ngủi, còn sớm để cân nhắc những thành quả hoạt động cũng như ý lực của Giáo Hội. Tuy vậy, G.H. PGVNTN tại Hoa Kỳ ngày một thêm khởi sắc qua các công tác Phật sự liên tục ở phương diện cơ sở và hoằng pháp cùng với tâm nguyện được hợp nhất của chư tăng và các đạo hữu có tâm thuộc tổ chức.

Như chúng ta đều biết, Phật giáo Việt Nam trong quá khứ tại quê nhà, phải đương đầu với bao nhiêu thế lực từ bên ngoài Phật giáo để vừa được sống còn, vừa phát triển và góp phần vào việc xây dựng quốc gia, nên Phật giáo Việt Nam đã không thừa tiềm lực để có những chương trình hoạt động hoằng pháp ra hải ngoại như các nước Phật giáo bạn: Trung Hoa, Nhật Bản, Tích Lan, Thái Lan, v.v.. Phật giáo Việt Nam chỉ quanh quẩn trên mãnh đất chiến tranh mù khói để cùng chia xẻ với quốc dân những nhọc nhằn khốn đốn trong những cơn sóng gió của lịch sử. Hình ảnh Phật giáo Việt Nam có mặt một nơi nào đó ngoài

lòng đất mẹ, chẳng qua hoàn cảnh đặc biệt đưa đẩy. Trường hợp chi bộ Phật giáo Việt Nam thống nhất tại Nhật Bản được thành lập và hoạt động vào những thập niên 1970, 1980, trụ sở đặt tại thành phố Đông Kinh. Một sự đưa đẩy khác, Phật giáo Việt Nam xa rời quê hương, ào ạt ra xứ ngoài sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 trong một hoàn cảnh bi thương của quốc gia Việt Nam.

Phật giáo Việt Nam vốn đã không sẵn có những cơ cấu tổ chức từ trước ở hải ngoại, nên khi tị nạn, Phật giáo Việt Nam phải mất nhiều thì giờ để vừa gây phong trào, vừa cố tâm gầy dựng những cơ sở tín ngưỡng để vừa duy trì niềm tin của người Phật tử tị nạn, vừa qui tụ những người mới trong vùng đất lạ mà nó đã có truyền thống tín ngưỡng thần quyền cố hữu nghìn đời. Như vậy, ngay buổi đầu tị nạn, Phật giáo Việt Nam không thể nào có đủ những yếu tố căn bản để thực hiện những chương trình hoằng pháp, việc tu học rộng lớn, những sắp xếp nhân sự. Chư tăng tị nạn ra ngoại quốc được bao nhiêu và thành phần ra sao? Gôm lại những tâm huyết sống chết cho đạo còn được mấy ai? Vậy mà mười bốn năm qua, một cách tổng quát, Phật giáo Việt Nam đã đạt được những thành quả trong hoàn cảnh tị nạn, về các phương diện, cơ sở tuy khiêm nhường nhưng đáng kể, và tinh thần tích cực của người Phật tử, đặc biệt là thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam sinh trưởng ở xứ người cũng được ảnh hưởng phần nào đạo lý.

Phật giáo Việt Nam tại quê nhà đã bị người cộng sản đàn áp, tiêu diệt về mọi mặt dưới các hình thức, nếu không có sự âm ỉ tiếp tay giúp đỡ của cộng đồng Phật tử tị nạn từ bên ngoài, thử hỏi Phật giáo Việt Nam tại quê nhà còn bi

đất tới chừng nào? Giúp đở có vận động hay lẻ tẻ và cảm tình, dưới nhiều hình thức, vẫn là những đóng góp cần thiết "Một miếng khi đói bằng một gói khi no". Những hộp thuốc, những xấp vải, những món tiền, những cánh thư, những gói quà v.v.. từ các quốc gia gởi về cho người ruột thịt, cho tình đạo hữu, cho nghiã bạn bè, thầy trò, cho các ngôi chùa từ thành thị đến làng quê hẻo lánh, đã bồi bổ biết bao nhiêu tình tự và đạo tâm của người Phật tử bị siết chặt bởi chủ nghiã vô thần. Sự giúp đở của cộng đồng Phật tử tị nạn cho cộng đồng Phật tử tại quê nhà tuy không thành tổ chức, không được thống kê nhưng là một sự giúp đở đáng kể trường kỳ và cần thiết. Như vậy tiềm năng ấy có được từ đâu, nếu không muốn kể là sự duy trì, nuôi dưỡng lòng tin người Phật tử qua các ngôi chùa, ở công tác hoằng pháp của tăng già hải ngoại, đặc biệt là hàng tăng sĩ Việt Nam tị nạn với hai bàn tay trắng, chỉ có một tâm nguyện dấn thân phục vụ, sống chết với lý tưởng, cảm thông nổi khốn khổ của đồng bào tại quê nhà và đồng bào tị nạn. Người viết sử Phật giáo Việt Nam tị nạn mai nầy, nên dành những trang sử xứng đáng cho tăng tín đồ Phật giáo Việt Nam tị nạn, vì họ là thế hệ dẫn đầu cho phong trào Phật giáo Việt Nam hải ngoại được mở ra, họ là những đứa con tự khôn lớn của GHPGVNTN tại quê nhà. Đề cập như vậy không có nghiã người Phật tử tị nạn chúng ta lấy làm mãn nguyện và say sưa trên những công đức hoằng đạo, nhưng để lưu ý đến một số thành phần, đặc biệt mang danh Phật tử, cho rằng "các thầy không làm gì". Những thành quả của Phật giáo Việt Nam tị nạn trong 14 năm kẻ trước người sau đủ để trả lời các thầy cũng đã làm gì, cũng đã đóng góp những gì với hàng Phật tử tại gia. Rồi, đời sống độc thân, nổ lực tu tập, hướng

đến giải thoát của các thầy là một việc làm to lớn trong đời người, sao bảo các thầy không làm gì. Rồi cũng có thành phần khác nại cớ là thiếu thầy tốt sách hay, và lập ra hình thức tổ chức, nhóm gọi là nhóm học Phật có tính cách thách thức, ngã mạn. Trong xã hội hiện đại,con người có chiều hướng gần lại và liên kết để sinh tồn tiến bộ, thay thế những chính sách cạnh tranh cực độ trong qúa khứ, và nhất là tinh thần Phật giáo, người Phật tử chân chính, thực tình thương đạo, thương các thầy đã dành cả cuộc đời cho đạo, họ nên dùng khả năng củu mình vào việc xây dựng, đóng góp chung mới phải. Nếu không cộng tác chung với tình huynh đệ trong một đại gia đình con Phật, họ có quyền sinh hoạt riêng tư, việc ấy càng được cổ võ, miễn là họ nhằm vào việc góp phần xây dựng Phật giáo, tu sửa đạo tâm. Đằng nầy, họ không làm như vậy, họ tỏ ra thiếu cảm thông và thiếu xây dựng!

Trong thời gian Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại Hoa kỳ được thành lập, Giáo hội cũng đã nhiều lần bàn thảo, dự trù những Phật sự tương lai cũng như ghi nhận những ý kiến xây dựng hay thiếu xây dựng để từ đó, Giáo hội bước những bước tiến vững chải hơn. Dư luận cho rằng quí thầy không làm gì cũng là một dư luận không thể bỏ qua để tìm xem những thành phần thiếu xây dựng ấy đang muốn gì? Họ muốn đưa quí thầy về đâu?

Sau khi có nền móng về tổ chức, về cơ sở, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ còn phải bước tới những bước về lập trường, về đường lối, những chương trình hoạt động có tính chất ngắn hạn vã dài hạn, đặc biệt là đào tạo, nuôi dưỡng thành phần nhân sự tâm huyết, có

tinh thần thực tế, hi sinh cho đại nghiã, chịu làm việc,chứ không nói suông để duy trì và khai triển những gì vốn đã tạo dựng từ hai bàn tay trắng của tăng ni tín đồ, Giáo hội nên nghiên cứu phương cách tốt đẹp nào đó vào sự áp dụng hành đạo trong xã hội mới vốn nhiều thành phần tâm lý phức tạp, nghiã là Giáo Hội vận dụng bằng mọi phương thức để mỗi ngày giáo hội có một thế đứng vững mạnh hơn trong lòng cộng đồng Phật giáo Việt Nam tị nạn, và mọi ý thức thiếu xây dựng bên trong hay bên ngoài tổ chức cũng sẽ tan đi như mây mù vọng tưởng. Khi đó, G.H. PGVNTN tại Hoa Kỳ mới hoàn thành phần nào nhiệm vụ khó khăn lúc ban sơ và nhìn thấy "Con đường thống nhất Phật giáo Việt Nam nở hoa".

THÍCH TRÍ CHƠN

Lịch sử các thánh tích Phật Giáo tại Ấn Độ

THÀNH VƯƠNG XÁ (RAJAGAHA) NƠI ĐỨC PHẬT THƯỜNG LUI TỚI HOẰNG PHÁP KHI CÒN TẠI THẾ

Thành Vương Xá, một trong những thành cổ nhất trên thế giới, là kinh đô của vương quốc Ma Kiệt Đà (Magadha), dưới quyền trị vì của vua Tần Bà Xa La (Bimbisara: 543-491 trước Tây Lịch) thời Phật còn tại thế. Đây cũng là một thánh tích Phật Giáo quan trọng vì là nơi xưa kia đức Thế Tôn thường lui tới hoằng pháp, đã trải qua ở đây năm mùa kiết hạ an cư và hóa độ cho hai đạo sĩ Bà La Môn trở thành đại đệ tử xuất gia của Ngài là đại đức Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên.

Vương Xá còn đặc biệt nổi tiếng với tu viện Trúc

Lâm (Veluvana) do vua Tần Bà Xa La xây cất đầu tiên để dâng cúng cho đức Phật và giáo đoàn của Ngài làm nơi thường trú hoằng pháp; núi Linh Thứu (Gijjhakuta) nơi đức Thế Tôn đã thuyết giảng các bộ kinh lớn của đại thừa Phật Giáo như Diệu Pháp Liên Hoa (Saddharma-pundarika Sùtra), Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội (Surangama Samadhi Sùtra) v..v..và hang núi Thất Diệp (Saptaparni Cave) là nơi đã tổ chức đại hội kết tập kinh điển Phật Giáo lần thứ nhất, không lâu sau ngày đức Phật nhập Niết Bàn.

I. NGUỒN GỐC ĐỊA DANH VÀ LỊCH SỬ KIẾN TẠO CỔ THÀNH VƯƠNG XÁ

Vương Xá, danh từ Pali gọi "Rajagaha" (tiếng Sanskrit: Rajagriha), ngày nay có tên "Rajgir", một thành phố nhỏ nằm cách xa đường bộ làng Nalanda 13 cây số, khoảng 40 dặm (miles) thành phố Gaya và 64 dặm thị trấn Patna, thủ phủ của tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ.

Theo các học giả cho biết, thành có tên Rajagaha hay Vương Xá vì nó do các vua chúa lập nên, và mỗi nhà tại đây được xây cất như một cung điện. Danh từ "Raja" nghĩa là "Vương" và "Gaha" nghĩa là "Xá" (túc nhà ở), gọi chung là "Vương Xá".

Vương Xá (Rajagaha) ngày xưa trước thời đức Phật ra đời (thế kỷ thứ 6 trước tây lịch) có rất nhiều

địa danh. Tập Sử Thi (Epic) Ràmàyana của Ấn Độ chép rằng thành Vương Xá do vua Vasu, con thứ tư của thần Brahma (Phạm Thiên) lập nên và đặt tên là Vasumati. Theo tài liệu trong tập Mahàbhàrata và Puràna, thành có tên Bàrhadrathapura do vua Brihadratha xây dựng. Sau này, người kế vị ông ta là Jarasandha, một trong những vị vua có thế lực nhất thời đó.

Nhưng theo một số tài liệu trong vài kinh điển của đạo Kỳ Na (Jainism) và Phật Giáo ghi chép bằng tiếng Phạn (Sanskrit) cũng như tập "Tây Du Ký" (Si Yu Ki) của ngài Huyền Trang, Vương Xá xưa kia được gọi tên Kusàgrapura có nghĩa là "thành của loài cỏ hiên ngang" (City of the superior grass) vì tại đây người ta thấy cây cỏ đặc biệt này mọc khắp nơi.

Thêm nữa, sử liệu trong tập Sasanavamsa (Lịch Sử Phật Giáo) do Pannasàmi, nhà sư Miến Điện viết năm 1861 cho biết người đã thành lập thành Vương Xá là vua Mandhàtà. Ngài Phật Minh (Buddhaghosa), nhà đại luận sư Phật Giáo (sinh tại Ấn độ vào thế kỷ thứ 5 sau tây lịch) thì bảo rằng thành có 32 cửa chính và 64 cửa phụ; còn tài liệu ghi chép trong luật tạng (Vinaya Pitaka) lại nói vào ban đêm cửa thành này luôn đóng kín, và sau khi cửa thành đã đóng thì không một ai, kể cả nhà vua, được phép vào.

Sau cùng, theo giáo sư Rhys Davids (1843-1922), Vương Xá (Rajagaha) đúng ra gồm có hai thành phố: một kinh thành cũ mang tên Giribbaja (tiếng Pali) hay

Girivraja (tiếng Sanskrit) với các ngọn đồi bao quanh do vua Mahagovinda kiến tạo trước kia, và một kinh thành mới được xây dựng sau này ở phía dưới chân đồi bởi vua Bimbisara hay Tần Bà Xa La (nhưng có thuyết lại bảo rằng do vua Ajatasattu - A Xà Thế, lập nên), và thành này mới đích thực là thành Vương Xá (Rajagaha) ngày nay có tên "Rajgir".

Tưởng nên biết thêm Giribbaja là kinh đô xưa nhất của vương quốc Magadha (Ma Kiệt Đà) và sở dĩ có tên gọi như vậy là vì thành Giribbaja được bao bọc xung quanh bởi nhiều ngọn đồi (the enclosure of hills). Theo tài liệu ghi chép trong kinh tạng Phật Giáo tiếng Pali, tên năm ngọn đồi đó là: Vibhara, Pandava, Vepulla, Gijjhakuta (Linh Thứu Sơn) và Isigili.

II. VƯƠNG XÁ THỜI ĐỨC PHẬT TẠI THẾ

A/ KINH ĐÔ VƯƠNG QUỐC ANGA-MAGADHA

Vào thời đức Phật (thế kỷ thứ 6 trước tây lịch), xứ Anga (Ương Già), một trong 16 tiểu quốc của Ấn Độ xưa kia bị triều đình Magadha (Ma Kiệt Đà) đánh chiếm sát nhập chung vào, và Rajagaha (Vương Xá) bấy giờ trở thành thủ đô chung của vương quốc Anga-Magadha, dưới quyền trị vì của vua Tần Bà Xa La (Bimbisara: 543-491 trước tây lịch) và con là A Xà Thế

(Ajatasattu: 491-459 trước T.L.)

Ngày nay Anga-Magadha thuộc các quận Patna, Gaya, Bhagalpur và Monghyr, tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ. Theo các học giả Dr. B.C.Law, Dr. Malalasekera và Spence Hardy, trích dẫn tài liệu ghi ghép trong kinh tạng Phật Giáo Nam Tông cho biết, vào thời đức Phật tại thế, vương quốc Magadha (gồm cả Anga) có chu vi rộng khoảng 2,300 dặm (miles) với 80,000 ngôi làng và dân số 180 triệu.

B/ SINH HOẠT CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ

Vương quốc Ma Kiệt Đà (Magadha) nói chung và riêng thủ đô Vương Xá (Rajagaha) dưới thời cai trị của các vua Tần Bà Xa La và A Xà Thế, đã trở thành một trung tâm trọng yếu về chính trị cũng như kinh tế. Trong thời gian này, thế lực chính trị, quân sự của vua Tần Bà Xa La và A Xà Thế rất mạnh. Vua Tần Bà Xa La (Bimbisara) đánh chiếm xứ Anga (Ương Già), còn A Xà Thế (Ajatasattu) đã nhiều lần gây chiến với vua Ba Tư Nặc (Pasenajit) nước Kiều Tát La hay Kosala (nay là quận Berar, tiểu bang Madhya Pradesh, miền trung Ấn Độ) và thị tộc Ly Xa (Licchavi) thuộc tiểu quốc Vajji (nay là quận Muzaffarpur, tiểu bang Bihar, đông bắc Ấn).

Vua Tần Bà Xa La đã kết hôn với công chúa Kosala-Devi (Vi Đề Hy), con vua Mahakosala, nước Kiều Tát La (Kosala). Vi Đề Hy là em gái vua Ba Tư

Nặc và sau này bà ta trở thành thân mẫu của vua A Xà Thế. Triều đình Magadha bấy giờ không những giao hảo với xứ Kosala mà còn kết thân với vua Pukkusàti nước Gandhara (nay là quận Peshawar và Rawalpindi, thuộc Pakistan - Hồi Quốc), và vua Rudràyana ở thị trấn Roruka, kinh đô xứ Sovira (nay là quận Eder, tiểu bang Gujarat, miền tây Ấn Độ).

Về mặt kinh tế, thời ấy Rajagaha (Vương Xá) được xem như một trong sáu thị trấn lớn nhất của Ấn Độ, năm thành phố kia là Campa (Chiêm Ba), Saketa, Kosambi (Kiều Thường Di), Savatthi (Xá Vệ) và Baranasi (Ba La Nại). Vì vậy, nơi đây đã trở thành địa điểm giao thương trọng yếu và gặp gỡ của những tay buôn đến từ các tiểu quốc lân cận.

Sau đây là khoảng cách đường bộ từ Vương Xá đi các thị trấn khác:

Vương Xá (Rajagaha) cách xa Takshasila (thủ đô của Gandhara) khoảng 476 dặm (miles); thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ): 180 dặm; Savatthi (kinh đô nước Kosala): 135 dặm; Kusinara (xứ Mallas): 75 dặm và Nalanda (nay thuộc quận Patna, tiểu bang Bihar): 7 dặm.

Tài liệu ghi chép rải rác trong kinh tạng Phật Giáo còn cho biết bấy giờ các thương gia thường đi ngang hoặc ghé Vương Xá để mua và bán những hàng hóa của họ. Các nhà thương mãi tại Vương Xá cũng thích qua buôn bán ở Roruka (nay thuộc tiểu bang Gujarat, miền tây Ấn Độ). Nhiều người ở Magadha cũng như

Vương Xá làm ăn khá phát đạt và giàu có. Chẳng hạn ông Sankha được nhắc đến trong câu chuyện tiền thân Asampadàna Jataka (số 131) là một chủ ngân hàng có số vốn 800 triệu đồng (80 crores). Chúng ta cũng được kể lại qua tập chú giải Petavatthu (Ngạ quỹ sự) rằng có một thương gia khác ở thành Vương Xá quá giàu đến nỗi mỗi ngày ông tiêu xài hết 1,000 đồng tiền. Và trong luật tạng (Vinaya Pitaka) đã ghi lại cho biết trên đường từ Rajagaha (Vương Xá) đến thành phố Andhakavinda ở Magadha đôi lúc người ta thấy có tới 500 cỗ xe bò chở đầy những hũ đường lớn đi ngang qua.

C/ TRUNG TÂM HỘI HÈ, ĐÌNH ĐÁM

Vương Xá cũng là nơi hàng năm có nhiều tế lễ, hội hè. Trong luật tạng (Vinaya Pitaka) ghi chép một hôm đức Phật ghé lại ở Kalandakanivapa tại thành Vương Xá, bấy giờ gặp lúc dân chúng đang tổ chức ngày hội vui gọi là Giraggasamajja với hàng chục ngàn người tụ họp trong cả trăm ngôi vườn để đàn ca, múa hát và trình diễn văn nghệ. Các đám rước, hội hè ấy rất phổ thông đối với người dân sống ở thành Vương Xá vào thời đức Phật còn tại thế như đã được thấy ghi lại trong các mẫu chuyện tiền thân (Jataka) của Ngài. Vì đó là dịp cho mọi tầng lớp dân chúng gặp gỡ vui chơi, ăn thịt, uống rượu thỏa thích.

Chúng ta cũng đọc thấy qua cuốn Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) một ngày hội khác được tổ chức tại

Vương Xá trong đó có 500 cô trinh nữ cúng dường cho đại đức Ca Diếp (Mahakassapa) một chiếc bánh và ngài đã hoan hỷ nhận lấy. Ngoài ra, còn có ngày hội gọi là Nakkhattakila hay "Cuộc chơi của những ngôi sao" (Sport of the stars) mà phần đông người tham dự là hạng giàu có ở thành Vương Xá, kéo dài suốt cả tuần lễ.

D/ VƯƠNG XÁ VỚI CÔNG CUỘC HOẰNG HÓA CỦA ĐỨC PHẬT

Vương Xá là nơi đức Phật, sau khi chứng đạo giác ngộ, đã thường lui tới hoằng pháp, hóa độ rất nhiều người từ hạng vua chúa, quý tộc, tu sĩ ngoại đạo, kỹ nữ cho đến hạng dân chúng hạ tiện. Dưới đây là một số nhân vật đã được đức Phật hóa độ, trở thành những đệ tử xuất gia và tại gia của Ngài:

1. Vua Tần Bà Xa La (Bimbisara)

Theo tập Mahavamsa (Đại sử của Tích Lan), Bimbisara là con vua Bhati và hoàng hậu Bimbi, nhưng theo sử liệu của Phật Giáo Tây Tạng, thân sinh của Bimbisara là vua Mahapaduma, người đã truyền ngôi cho Bimbisara lúc thái tử mới được mười lăm tuổi. Vua Tần Bà Xa La sống cùng thời với đức Phật và kém thua Ngài năm tuổi.

Kinh Pabbajja chép rằng vua Tần Bà Xa La gặp

đức Phật (bấy giờ đang còn là Sa Môn Siddhattha - Tất Đạt Đa) lần đầu tiên khoảng bảy năm trước khi Ngài thành Đạo. Một hôm, nhà vua từ cửa sổ nơi cung điện nhìn thấy sa môn Siddhattha đang đi khất thực hướng về đồi Pandava ở thành Vương Xá, nhà vua sai các quan triều thần đến tiếp kiến để mời sa môn về hoàng cung nhưng người đã từ chối. Cuối cùng, vua Tần Bà Xa La đích thân đến gặp, đàm đạo với Siddhattha. Sau khi biết người là hoàng tử con vua Tịnh Phạn (Suddhodana) nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu) bỏ nhà đi tu, nhà vua rất mến phục. Ông yêu cầu Siddhattha nên chấm dứt cuộc sống tu hành về hợp tác cai trị vương quốc Ma Kiệt Đà (Magadha) và nhà vua sẵn sàng hiến tặng cho Siddhattha một nửa đất nước của mình; nhưng sa môn Siddhattha vẫn từ chối không nhận. Sa môn nói rằng vì mong sớm tìm ra đạo giải thoát để tự độ mình, cứu giúp chúng sanh mà người đành phải dứt bỏ cuộc đời vương giả, xa lìa vợ con thân yêu và chấp nhận sống theo lối tu hành khổ hạnh ép xác. Sa môn Siddhattha cũng hứa với Tần Bà Xa La rằng sau khi tìm ra được Đạo Lớn, người sẽ trở lại Vương Xá để thăm và dạy đạo cho nhà vua.

Cho nên để giữ lời hứa, sau khi tìm ra đạo Giác Ngộ, chuyển pháp luân tại Vườn Nai (Lộc Uyển), đức Phật trước tiên đã đi Vương Xá (Rajagaha) để hoằng pháp. Ngài đến trú ở đền Supatittha tại Latthivana hay "Rừng Kè" (Palm Grove) bên ngoài thành Vương Xá (nay cách khoảng hai dặm phía bắc thị trấn Tapovana

trong quận Gaya, tiểu bang Bihar).

Hay tin, vua Tần Ba Xa La cùng với một trăm hai chục nghìn người gồm các đại thần, hoàng tộc, tu sĩ Bà La Môn và dân chúng khắp nơi kéo đến đảnh lễ đức Phật. Nhân dịp này, Ngài thuyết cho nhà vua và mọi người hiểu biết về những giáo lý căn bản như bốn sự thật (Tứ Diệu Đế), lý nhân duyên sinh, tự tính vô thường, vô ngã của năm uẩn và vạn vật v.v...Nghe xong, vua Tần Bà Xa La cùng với một trăm mười nghìn người đã phát tâm xin Phật làm lễ quy y Tam Bảo và tất cả liền chứng được quả Tu Đà Hoàn (Sotapannas), quả thứ nhất trong bốn quả Thánh.

Sau đó, nhà vua đã cung thỉnh đức Phật và Tăng chúng về hoàng cung để cúng dường trai tăng. Ngài hoan hỷ nhận lời. Bấy giờ, vua trời Đế Thích cải dạng làm một thanh niên ca hát, tán dương đức Phật để cùng đi theo hầu Ngài trở về cung điện. Khi đức Phật thọ trai xong, vua Tần Bà Xa La truyền mang ra một cái bình bằng vàng. Nhà vua tự tay làm lễ rót nước trong bình lên tay đức Phật và trịnh trọng tuyên bố:

- Bạch đức Thế Tôn, cũng như nước trong chiếc bình vàng này chảy vào tay Ngài, khu vườn Trúc Lâm (Veluvana) kể từ hôm nay đã được trầm dâng cúng cho Ngài và giáo đoàn của Ngài xử dụng làm nơi thường trú để hoằng pháp.

Đức Phật hoan hỷ nhận lãnh. Và để đánh dấu sự kiện lịch sử này, theo tài liệu ghi chép trong câu chuyện

tiền thân (Jataka) Mahanaradakassapa (số 544), bấy giờ khắp mặt đất đều rung chuyển. Kể từ đó cho đến ngày đức vua từ trần, khoảng ba mươi bảy năm sau, vua Tần Bà Xa La (Bimsisara) đã hết lòng ủng hộ đức Phật và giáo đoàn của Ngài trong công cuộc hoằng truyền chánh pháp tại khắp vương quốc Ma Kiệt Đà (Magadha).

2. Đại Đức Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên

Ngài Xá Lợi Phất (Sariputta) sinh tại Nalanda (cách Vương Xá bảy dặm), con ông Vanganta và bà Rùpasàri. Ngài Mục Kiền Liên (Moggallana) sinh tại Kolitagàma (cũng gần Vương Xá) con bà Moggali. Cả hai thuộc dòng dõi Bà La Môn, kết bạn thân với nhau từ nhỏ. Một hôm hai người rủ nhau đi coi hát và qua tuồng tích đổi thay trên sân khấu, cả hai nhận thức được cuộc sống vô thường ở thế gian, nên quyết định bỏ nhà đi tu, tìm thầy học đạo. Đầu tiên, hai ông đến xin tu học với đạo sĩ Sanjaya Belatthiputta (Tán Nặc Gia Tỳ Xá Lê Tử), một lãnh tụ giáo đoàn của hai trăm năm mươi vị du sĩ (gọi là paribbàjakas) nổi tiếng bấy giờ tại thủ đô Vương Xá. Về sau, hai người tiếp tục đi khắp nhiều vương quốc trong toàn cõi Ấn Độ mong tìm các đại chân sư khác để học đạo, nhưng cuối cùng vẫn không gặp được ai. Rồi cả hai chia tay nhau mỗi người đi một ngả, nhưng hẹn là ai chứng đạt được đạo giải thoát trước thì phải thông báo và chỉ dẫn cho người kia

biết.

Một hôm, ngài Xá Lợi Phất trông thấy sa môn Assaji (A Thấp Bà Trí) đang đi khất thực trong thành Vương Xá. Assaji là người sau cùng trong số năm vị đệ tử xuất gia đầu tiên, được đức Phật khai ngộ cho ở Vườn Nai (Lộc Uyển) gần thành Ba La Nại (Baranasi). Thấy phong độ tự tại và giải thoát của Assaji, ngài Xá Lợi Phất vô cùng cảm phục và thầm nghĩ chắc chắn đây là một vị tu sĩ đã chứng đạo giác ngộ. Ngài Xá Lợi Phất liền đi theo Assaji, đến gần cúi đầu chào và lễ phép hỏi:

- Thưa ngài, ngài đã xuất gia tu học với ai? Ai là thầy của ngài và vị đạo sư ấy đã dạy giáo pháp gì?

Ông ta trả lời:

- Tôi tu học dưới sự hướng dẫn của đức Phật, xuất thân từ giòng họ Thích Ca (Sakya). Hiện người đang ở nơi đền Supatittha trong Rừng Kè, bên ngoài thành Vương Xá.

Nghe đến danh hiệu đức Phật, ngài Xá Lợi Phất mừng rỡ, thưa tiếp:

- Thầy của ngài dạy giáo pháp gì, xin ngài hoan hỷ cho tôi biết sơ qua một chút.

Sa môn Assaji từ tốn đọc cho ngài Xá Lợi Phất nghe một bài kệ mà đức Phật đã dạy như sau:

"Muôn vật từ duyên sanh
Lại từ duyên mà diệt
Bậc giác ngộ tuyệt vời
Đã từng thuyết như vậy".

Nghe xong bài kệ, ngài Xá Lợi Phất liền chứng được sơ quả Tu Đà Hoàn. Ông ta vội vàng tìm đến báo tin và đọc lại cho người bạn Mục Kiền Liên nghe bài kệ nói trên. Sau khi nghe bài kệ ngài Mục Kiền Liên cũng chứng quả Tu Đà Hoàn. Rồi cả hai quyết định tới gặp đức Phật để xin xuất gia. Trước khi đi, hai người đến báo cho vị thầy cũ là đạo sư Sanjaya và hai trăm năm mươi vị du sĩ, bạn đồng tu với họ trước kia được biết với hy vọng tất cả đều nghe và cùng đi theo họ đến gặp Phật. Sau khi nghe cả hai trình bày về giáo lý cao siêu nhiệm mầu của đức Thế Tôn, đạo sư Sanjaya hoàn toàn phản đối (có tài liệu nói rằng sau này Sanjaya đã bị thổ huyết chết) nhưng hai trăm năm mươi vị du sĩ đồng ý đi theo.

Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đưa họ đến Rừng Kè. Gặp Phật, mọi người đều sụp xuống lạy và cầu xin được xuất gia. Ngài hỏi thăm, khuyến khích các vị du sĩ, dạy cho họ về giáo lý bốn sự thật và chấp thuận cho tất cả cạo tóc làm tỳ kheo, gia nhập đoàn thể tăng già. Về sau, hai đại đức Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên trở thành hai đệ tử lớn của đức Phật: ngài Xá Lợi Phất với trí tuệ bậc nhất còn ngài Mục Kiền Liên có nhiều thần thông bậc nhất.

3. Hoàng Hậu Khema

Sinh trưởng trong một gia đình quý tộc ở thành

phố Sagala, thủ đô vương quốc Madda (nay là thị trấn Sialkot, tiểu bang Punjab, miền bắc Ấn Độ), hoàng hậu Khema rất có nhan sắc, và sau này, bà trở thành chính cung (vợ chánh) của vua Tần Bà Xa La (Bimbisara).

Bấy giờ đức Phật đang trú ở tu viện Trúc Lâm, hãnh diện với sắc đẹp kiều diễm của mình, hoàng hậu Khema không muốn đến gặp Ngài, vì bà nghe người ta bảo rằng đức Phật rất khinh thường sắc đẹp thể xác của nữ giới. Vua Tần Bà Xa La, vì muốn hoàng hậu đến viếng thăm đức Thế Tôn nên nhà vua đã truyền lệnh cho các thi sĩ làm thơ ca tụng cảnh trí đẹp đẽ, huy hoàng của tu viện Trúc Lâm; và cuối cùng, do sự thúc đẩy, khuyến khích của chồng, một hôm bà tới yết kiến đức Phật. Khi thấy hoàng hậu Khema đến, Ngài dùng thần thông làm hiện ra một nữ thần có sắc đẹp gấp trăm lần hơn bà ta; trong khi ấy hoàng hậu nhìn lại thấy thân hình của mình dần dần biến đổi từ lúc còn trẻ xinh đẹp sau trở nên già, da mặt nhăn nheo xấu xí, và cuối cùng bà ngã lăn xuống đất nằm bất động.

Nhìn cảnh tượng ấy, bà Khema thất kinh hoảng sợ, đức Phật bấy giờ thuyết giảng cho hoàng hậu thấy rõ về sự mong manh tàn tạ của sắc đẹp nữ giới và cuộc sống vô thường ở thế gian. Ngay lúc đó, bà liền chứng đắc quả A La Hán. Về sau, với sự đồng ý của vua Tần Bà Xa La, hoàng hậu Khema được đức Phật nhận cho đi tu làm tỳ kheo ni và trở thành một trong những đệ tử lớn đứng hàng đầu bên nữ chúng xuất gia của Ngài.

4. Y sĩ Jivaka

Jivaka, vị thầy thuốc và nhà giải phẫu lừng danh thời Phật tại thế, là con của Salavati, một cô gái làng chơi nổi tiếng tại thành Vương Xá. Sau khi sinh Jivaka, cô Salavati đặt đứa bé trong chiếc giỏ và cho người đem liệng nơi đống rác. Sáng nọ, hoàng tử Abhaya, con vua Tần Bà Xa La trên đường đi vào hoàng cung bắt gặp đứa trẻ nằm giữa những con quạ đen bu quanh, ông ta mang về nhà nuôi. Vì khi tìm thấy, đứa nhỏ còn sống nên Abhaya đặt tên nó là "Jivaka".

Lớn lên, Jivaka tự ý đi Takkasila (nay thuộc Hồi Quốc) học nghề thầy thuốc trong bảy năm với giáo sư Disapamokha. Sau khi nhận thấy Jivaka đã thông thạo có thể xử dụng các loại lá cây để chữa lành bệnh nhân, thầy của Jivaka khuyên ông ta nên trở về quê làm nghề thầy thuốc giúp đỡ mọi người. Trên đường trở lại Vương Xá, bệnh nhân đầu tiên mắc chứng đau đầu kinh niên mà Jivaka đã chữa lành là vợ của một nhà triệu phú ở thành phố Saketa (cách Xá Vệ bốn mươi chín dặm) và ông được thưởng mười sáu ngàn đồng tiền vàng, một chiếc xe ngựa với hai người tớ trai. Khi đến Vương Xá, Jivaka mở phòng khám bệnh và đã chữa lành bệnh cho vua Tần Bà Xa La. Ông được vua ban thưởng cho nhiều đồ nữ trang của năm trăm vị cung phi, nhưng Jivaka từ chối không nhận. Về sau ông được triều đình bổ nhiệm làm y sĩ chính thức cho nhà vua và đức Phật cùng với giáo đoàn của Ngài.

Jivaka rất kính trọng đức Phật. Một hôm Ngài bị đau, cần dùng thuốc xổ, ông lấy ba nắm hoa sen nhúng vào nước có ngâm thuốc trao cho đức Phật, và bảo Ngài ngửi những bông sen ấy rồi đi tắm nước ấm. Đức Phật đã làm theo lời chỉ dẫn của Jivaka, sau đó Ngài cảm thấy trong người khỏe ra và hết bệnh. Ngày nọ, Jivaka dâng cúng đức Phật một chiếc áo choàng bằng lụa đắt tiền do vua Pajjota xứ Ujjeni (nay là thành phố Malwa) hiến tặng nhờ ông chữa lành bệnh cho nhà vua. Sau này đức Phật đã hồi hướng phước báu một buổi giảng pháp của Ngài cho công đức cúng dường trên của Jivaka, nhờ vậy mà ông chứng đắc được quả tu đà hoàn. Từ đó, ông xin Phật làm lễ quy y Tam Bảo, và mỗi ngày hai lần Jivaka vào tu viện Trúc Lâm thăm Ngài.

Về sau, thấy tu viện Trúc Lâm hơi xa cách nên Jivaka đã phát tâm dựng nên ngôi tịnh xá mới ngay trong vườn xoài (ambavana) của ông với nhiều phòng ở và tiện nghi cần thiết để cúng dường cho đức Phật và tăng chúng làm nơi thường trú hoằng pháp độ sanh. Jivaka được đức Phật tán dương như một trong những đệ tử hộ pháp đắc lực đứng hàng đầu trong chúng thiện nam cư sĩ tại gia bấy giờ tại thành Vương Xá.

5. Thương gia Sudatta

Cư sĩ Sudatta (Tu Đạt), là con của nhà triệu phú Sumana ở thành Savatthi tức Xá Vệ (thủ đô nước Kosala - Kiều Tát La) thời Phật tại thế. Vì hay trợ cấp,

giúp đỡ cho những kẻ cô đơn nghèo khổ nên ông được dân chúng trong làng tặng cho biệt danh "Anathapindika" nghĩa là "Cấp Cô Độc". Sudatta lập gia đình với cô Punnalakkhana, có bốn con: một trai và ba gái.

Vợ của Sudatta là em của một nhà triệu phú ở thành Vương Xá. Ngày nọ, khi Sudatta đến Vương Xá buôn bán, ông ta thấy gia đình ông anh vợ mình đang bận rộn lo nấu nướng như có tiệc cưới để chuẩn bị lễ cúng dường trai tăng cho đức Phật và tăng chúng vào ngày hôm sau. Nghe tin như thế, Sudatta cũng muốn gặp đức Phật nên hỏi ông anh vợ:

- Vậy bây giờ em muốn đến gặp Phật có được không?

Ông anh trả lời:

- Bửa nay không đi được , nhưng sáng mai thì em có thể tới viếng thăm Ngài.

Vì nóng lòng muốn gặp Phật nên suốt đêm hôm ấy Sudatta bồn chồn không ngủ được và thức dậy đến ba lần để xem trời đã sáng chưa. Cuối cùng, Sudatta đứng dậy xô cửa ra đi trong đêm tối, hướng về Sitavana hay "Rừng Lạnh" (Hàn Lâm), nơi đức Phật đang ẩn cư, cách không xa tu viện Trúc Lâm.

Khi Sudatta đến nơi, các vị thiên thần mở cổng cho ông vào, nhưng bên ngoài trời vẫn còn tối đen. Sudatta sợ hãi đến dựng tóc gáy, muốn trở lui; nhưng bỗng từ không trung vọng lên tiếng nói:

- "Nếu có người phát tâm bố thí một trăm ngàn thớt voi, ngựa, cỗ xe và thiếu nữ trang sức đẹp đẽ, phước

đức ấy của họ cũng không bằng một phần mười sáu phước đức tạo ra do sự kính lễ, cúng dường ngôi Tam Bảo. Hỡi nhà triệu phú! Duyên lành đã tới, hãy kiên trì tinh tấn, đừng thối chuyển".

Rồi bóng đêm tan biến và trời sáng ra. Nỗi lo sợ của Sudatta cũng bớt đi. Nhưng trời tối đen trở lại và ông ta lại sợ hãi, muốn đi lui. Từ hư không lại vọng ra lời khích lệ, Sudatta nghe ba lần như vậy. Cuối cùng, Sudatta mạnh dạn tiến vào Silavana (Rừng Lạnh). Bấy giờ trời mới bắt đầu hừng sáng. Sudatta nhìn thấy đức Phật đang đi hành thiền trong sân. Sudatta tiến lại gần quỳ xuống lạy Ngài. Đức Phật mời ông ta ngồi, giảng cho Sudatta nghe về đạo lý bốn sự thật, nhân duyên sinh, tự tính vô thường, vô ngã của vạn vật v.v...Nghe xong, Sudatta liền đắc quả tu đà hoàn, được đức Phật làm lễ truyền tam quy ngũ giới và nhận ông ta làm đệ tử cư sĩ tại gia.

Để tạ ơn Phật, Sudatta cung thỉnh Ngài và Tăng chúng ngày hôm sau đến nhà người anh vợ của ông thọ trai do ông trực tiếp đứng ra lo trang trải tổ chức cúng dường. Sau lễ trai tăng, Sudatta cũng thỉnh cầu đức Phật và giáo đoàn của Ngài mùa hè năm tới sẽ về an cư kiết hạ tại thành Savatthi (Xá Vệ). Đức Phật, sau khi tham khảo ý kiến với các vị đệ tử lớn, đã hoan hỷ nhận lời.

6. Đạo sĩ lõa thể Jambuka

Sinh trưởng trong một gia đình giàu có tại thành Vương Xá, nhưng ngay từ nhỏ ông ta đã không dùng thức ăn gì được ngoài phẩn uế. Lớn lên, vì không bao giờ chịu mặc quần áo nên cha mẹ gửi ông đến học đạo với các nhà tu khổ hạnh lõa thể Ajivakas. Sau một thời gian chung sống, các vị này biết Jambuka có tật xấu thích ăn đồ dơ nên đuổi ông ta đi. Jambuka đến ở nơi một hốc đá phía sau thành Vương Xá, sống tại đây năm mươi lăm năm và tiếp tục tu khổ hạnh, lõa thể, ban ngày chỉ đứng một chân còn ban đêm thì đi tìm xơi phẩn uế của thiên hạ.

Sáng nọ, trong khi nhập định đức Phật quán biết nhân duyên chứng đạo giải thoát của Jambuka sắp tới nên Ngài tìm đến ở trong một hang đá kế cận nơi Jambuka đang sống. Vào nửa đêm, Jambuka thấy ba lần núi đồi rực sáng khi các vua trời Đế Thích, Phạm thiên đến viếng thăm và đảnh lễ đức Phật. Hôm sau, ông tới gặp nhờ Ngài giải thích về hiện tượng xảy ra trong đêm qua. Sau khi nghe đức Phật cho biết lý do là các vua trời đã đến lễ bái Ngài, Jambuka vô cùng kính phục, nghĩ rằng đức Phật chắc hẳn là một đấng siêu nhân, vô cùng cao quý.

Nhân dịp này, đức Phật khuyên Jambuka nên từ bỏ lối tu khổ hạnh sai lầm đó và thuyết giảng cho biết rằng vì tiền kiếp Jambuka đã tạo ác nghiệp phỉ báng một vị Thánh Tăng nên ngày nay ông phải chịu quả báo sống đọa đày như thế. Vào lúc ấy, nhìn nơi mình đang trần truồng Jambuka cảm thấy mắc cỡ và xấu hổ,

đức Phật liền trao cho ông ta một chiếc khăn choàng tắm để che thân. Nghe xong bài pháp, Jambuka xin theo Phật thọ giới xuất gia và liền chứng đắc quả A La Hán. Dân chúng khắp nơi kéo đến cúng dường cho Jambuka. Bấy giờ đại đức biểu diễn thần thông cho bà con xem và đến quỳ lạy đức Phật để xác nhận trước mọi người rằng ông là đệ tử của Ngài.

7. Thanh niên cùi Suppabuddha

Vào lúc đức Phật đang ở tu viện Trúc Lâm tại thành Vương Xá, Suppabuddha là một thanh niên mắc bệnh cùi lại nghèo rách mồng tơi, không một đồng dính túi. Bữa nọ, thấy đông đảo bà con ngồi xúm quanh tại một khoảnh đất bên vệ đường, Suppabuddha tưởng rằng người ta đang phát chẩn cho kẻ nghèo, anh định tới để xin ăn. Nhưng khi lại gần Suppabuddha mới biết là mọi người đang ngồi nghe đức Phật thuyết pháp. Anh ta sung sướng cũng muốn được nghe giáo lý nên đã ngồi xuống chỗ cuối cùng gần đám đông.

Đức Phật, nhận biết trình độ hiểu đạo của Suppabuddha nên Ngài đã thuyết giáo lý thích hợp về bốn sự thật (tứ diệu đế). Nghe xong, anh ta liền chứng quả tu đà hoàn. Trong lúc Suppabuddha chờ mọi người giải tán ra về để tới đảnh lễ tạ ơn đức Phật; bấy giờ vua trời Đế Thích muốn thử đức tin của anh nên đã hiện ra cải dạng làm người thường đến gần trao tặng cho Suppabuddha rất nhiều châu báu tiền bạc và bảo anh

nên phỉ báng, đừng quy y Tam Bảo. Nhưng Suppabuddha đã quở trách vua Đế Thích cải dạng đó là điên rồ, không sáng suốt và bảo rằng anh ta cũng chẳng cần ham muốn tiền bạc của cải gì hơn nữa vì anh hiện đã có những kho tàng trân bảo quý nhất trần gian, đó là ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng mà anh đã quy y. Vô cùng khâm phục Suppabuddha, vua Đế Thích đã bạch lên cho đức Phật biết rõ sự việc ấy, và Ngài đã dạy vị Đế Thích rằng đúng vậy, không một quyền lực nào ở thế gian này có thể lay chuyển được niềm tin kiên cố của Suppabuddha đối với chánh pháp.

Sau đó, Suppabuddha đến gặp, quỳ lạy đức Thế Tôn và trên đường về nhà anh ta bị một con bò cái húc chết. Thấy vậy, chư Tăng thỉnh vấn đức Phật nguyên do tại sao Suppabuddha sinh ra bị cùi khổ sở như thế? Ngài dạy rằng vì tiền kiếp anh ta đã chế nhạo gọi một vị Bích Chi Phật (Pacceka Buddha) là "cùi" và khạc nhổ vào ông ta. Tuy nhiên, kiếp này nhờ quy y Tam Bảo, gặp nghe chánh pháp nên đời sau Suppabuddha sẽ được thác sinh lên cõi trời.

8. Thanh niên hốt rác Sunita

Sinh trưởng trong gia đình thuộc giai cấp hạ tiện, Sunita sống bằng nghề hốt rác tại thành Vương Xá. Một hôm, thấy đức Phật và Tăng chúng đi khất thực, Sunita đang quét đường liền bỏ chạy lẩn tránh không dám đến gặp Ngài. Đức Phật gọi Sunita lại gần và hỏi:

- Con có muốn xuất gia làm sa môn không?

Thanh niên Sunita vui mừng đáp:

- Bạch đức Thế Tôn, dạ có.

Đức Phật liền dắt Sunita về tu viện Trúc Lâm nhận cho làm đệ tử xuất gia và dạy cho đại đức mỗi ngày tu tập thiền quán. Về sau, do công đức nỗ lực tinh tấn tu hành, Sunita chứng đắc quả A La Hán, được nhiều người và chư Thiên đến thăm, cúng dường và kính lễ.

9. Tớ gái Punna

Cô Punna giúp việc cho một gia đình giàu có tại thành Vương Xá. Đêm nọ, sau khi giã gạo xong cô ra đứng ngoài sân hóng mát. Thình lình cô gặp vài nhà sư đang đi ngoài đường. Cô tự nghĩ rằng vì đi làm mướn cho người ta nên cô bận việc phải thức khuya; còn các vị tăng tu hành rảnh rỗi, có lo gì đâu mà ban đêm cũng thức không đi ngủ sớm được. Sáng hôm sau, cô đi ra ngoài bờ sông để tắm. Cô mang theo một chiếc bánh làm bằng bột gạo, đã nướng chín trên lò than và cô định sẽ ăn bánh sau khi tắm xong.

Trên đường ra bến sông, cô gặp đức Phật và đại đức A Nan đang đi khất thực, cô liền dâng cúng cho Ngài chiếc bánh ấy. Lúc đó, cô lầm tưởng rằng có thể đức Phật sẽ quăng liệng chiếc bánh của cô đi, bởi Ngài chỉ thọ trai ở cung điện nhà vua hoặc nơi nhà thiện nam tín nữ triệu phú giàu có. Nhưng cô hết sức ngạc nhiên và kính phục thấy đức Phật bảo đại đức A Nan

trải tọa cụ ra bên vệ đường cho Ngài ngồi xuống để dùng điểm tâm với chiếc bánh gạo mà cô vừa mới cúng dường.

Dùng sáng xong, đức Phật hỏi Punna rằng con nghĩ thế nào về các vị sa môn tu hành và Ngài thuyết giảng cho cô biết rõ là các vị tỳ kheo ban đêm cũng rất ít ngủ vì họ còn phải lo tu tập thiền quán. Nghe xong, cô Punna liền đắc quả tu đà hoàn. Cô xin Phật làm lễ quy y Tam Bảo và nhận cô làm nữ đệ tử tại gia của Ngài.

(Còn tiếp)

THÍCH TRÍ CHƠN

SÁM HỐI CUỐI NĂM

THÍCH NGUYÊN ĐẠT

Sám hối nghiã là lấy làm hổ thẹn với những lỗi lầm thuộc về hành động, lời nói, nhất là ý nghĩ đã gây ra, và đồng thời thề nguyền với lòng mình, với chư Phật, chư Bồ tát, thánh hiền tăng không còn sai phạm lại những lỗi lầm ấy nữa. Đó là ý nghiã sám hối của nhà Phật, khác với việc xin tội của những tôn giáo thần quyền.

Việc sám hối của nhà Phật phát sinh từ ý thức tự giác, muốn đời sống đạo đức của mình được tiến bộ, sống an vui hạnh phúc, và thân mình không làm điều ác, miệng mình không nói điều dữ, ý mình không nghĩ điều bất thiện để tác hại đến tâm lành sẵn có, đến sự sống của sinh linh, mà trái lại còn làm việc lành, nói điều ngay thật, nghĩ đến những điều lợi ích cho kẻ khác, cho cộng đồng xã hội. Vì vậy, thực hiện một buổi

sám hối, ngoài những hình thức nghi lễ, muốn đầy đủ ý nghiã, trước tiên người Phật tử xưng tụng bốn đức từ, bi, hỉ, xả. Từ là vận dụng ba nghiệp thân, miệng, ý vào việc lành để bồi bổ cho chính mình và mang đến cho kẻ khác niềm an vui lợi lạc. Bi là dùng mọi phương cách tốt lành của thân, miệng, ý để tiêu diệt những phiền não nội tâm, tiêu trừ những nổi khổ của kẻ khác, giúp họ vượt qua những giờ phút nguy khốn. Hỉ là vui vẽ làm các điều lợi ích cho mình, cho người, nhất là việc lợi tha, cổ võ và chia xẻ với người khác làm việc lành, chứ không sinh tâm thối chuyển và ganh tị, ghen ghét khi mình không làm được điều lành như người khác làm. Xả là lià bỏ mọi điều bất thiện, mọi tham cầu, kể cả những điều phước thiện đã làm. Vì ôm giữ những ý nghĩ về điều lành mình đã làm tức là còn chấp trước và tâm sinh bỉ thử, so đo mảy mún, và phiền não phát sinh từ đó. Bốn đức từ, bi, hỉ, xả (bốn đức nầy chúng sinh đều có, nhưng vì vô minh phiền não ngăn chận nên không phát sinh rộng lớn được) được xưng tụng ngay khi buổi sám hối bắt đầu là để nhắc nhở người Phật tử chớ quên con đường thiện, khơi dậy Phật tâm sẵn có.

Tiếp theo là việc lễ kính Trí tuệ Bát nhã. Người thế gian nếu không có trí hiểu biết về luân lý đạo đức, về khoa học, về tâm lý, về kinh tế, về chính trị, về kinh nghiệm sống, về nghề nghiệp chuyên môn, v.v. thì đời sống trở nên thấp kém, thua thiệt và khốn khổ. Huống là đời sống đạo, đời sống vượt lên trên thế gian lại càng cần đòi hỏi trí tuệ, đòi hỏi sự nhận chân mọi sự vật như thực, để từ đó vượt thoát mọi nổi khổ của thế gian. Đức Phật đã rời bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con xinh cũng nhờ sớm nhận thức lẽ vô thường giả huyễn của kiếp người, và ngài đã truy tầm đạo giác ngộ giải thoát. Đức Phật đã giải thoát là nhờ đạt được trí tuệ Bát nhã. Vì vậy mà trí tuệ được đề cao lên hàng đầu trong Phật giáo: "Trí tuệ là mẹ

của hết thảy chư Phật", trí tuệ là sự nghiệp. Người Phật tử khi sám hối, xưng tụng trí tuệ cũng không ngoài ý nghiã ấy.

Chưa đủ, người Phật tử còn phải kính lễ ngôi Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng. Phật là bậc đạo sư đưa đường chỉ lối hướng về nẽo thiện. Pháp là giáo pháp, chân lý mà đức Phật đã thực chứng từ kinh nghiệm sống, kinh nghiệm tu tập thoát khổ. Tăng là thành phần xuất gia, xa rời nhà thế tục, nỗ lực tu tập theo hạnh Phật, lấy việc độ tha làm hạnh nguyện tối thượng hướng đến. Người Phật tử tại gia hay xuất gia kính lễ ngôi Tam bảo Phật, Pháp, Tăng cũng còn có ý nghiã tự dặn với lòng mình hãy luôn luôn trở về với đức Phật tại tâm, ý thức sáng suốt bình đẳng, đức tính hòa hợp.

Người Phật tử xưng tụng bốn đức Từ, Bi, Hỉ, Xả để vạch cho mình một con đường thiện, kính lễ trí tuệ (Bát nhã) để soi rọi tâm trí của mình mong thực hiện con đường thiện ấy, và kính lễ Phật, Pháp, Tăng để qui định cho mình một lối tín ngưỡng minh chánh, làm động lực cho tình cảm, đức tin mỗi khi gặp những buồn đau tuyệt vọng trong đời mà tâm trí không sao giải quyết được cái giây phút nguy kịch của cõi lòng. Nhờ sự biết ơn Phật, nương tựa lời kinh tiếng kệ, và sự nhắc nhở, an ủi, khuyến khích của hàng thiện tri thức tăng già, người Phật tử tại gia càng trở nên dũng mãnh hơn nữa trong đời sống đạo đức tiến bộ. Vậy thì, người Phật tử luôn luôn thực hiện việc sám hối thường xuyên, không đợi đến ngày 30 (tháng thiếu là ngày 29) hoặc ngày 14, hay để đến ngày 30 cuối năm. Sự tu tập thực ra nên thường xuyên như vậy, nhưng người Phật tử chúng ta từ hồi nào đến giờ, cứ mỗi tháng sám hối hai lần hay đợi vào dịp cuối năm, đêm 30 trước giờ phút giao thừa. Nhiều lúc người Phật tử tại gia chỉ lo làm ăn và bận rộn, nên việc sám hối một tháng hai lần, hoặc vào

dịp cuối năm cũng không thực hiện nổi. Nhưng chẳng lẽ người Phật tử mãi lo đời sống vật chất không thôi! Bên cạnh đời sống vật chất đó, đời sống tinh thần cũng thật quan trọng và còn hệ trọng hơn đời sống vật chất nữa; nếu tinh thần sa sút, đời sống vật chất cũng sa sút theo.

Cho nên, người Phật tử về chùa sám hối hồng danh là một trong những hình thức để đưa tâm trí trở lại thanh bình. Một tháng hai lần hay đặc biệt là cuối năm một lần vào trước giao thừa cũng giúp việc khơi lại những hành động, những lời nói, những ý nghĩ của mình trong những ngày tháng của một năm phải bon chen, tranh thủ, chung đụng với hoàn cảnh phức tạp của xã hội.

Để tiếp đón giờ phút giao thừa, giờ phút thiêng liêng của mọi con người sống trên mặt đất, mỗi dân tộc đều có những tục lệ khác nhau, nhưng ý thức về một cái gì mới mẽ mang đến trong những giây phút và thời gian tới, thì dân tộc nào cũng có một sự chờ mong như nhau, chờ mong với những niềm chứa chan hy vọng. Đặc biệt, người Á đông trong truyền thống lễ nghiã đạo đức, tổ tiên ông bà, và những quan niệm cho rằng mọi thua thiệt, xui xẻo, những điều không tốt lành của một năm cũ sẽ hết, và năm mới phúc lộc sẽ đến. Vì thế ai nấy trong cái giờ phút thiêng liêng đó, đều dọn sạch tâm tư, hướng về những điều tốt lành, và cha mẹ cố không la rầy con cái, anh chị em giữ niềm hòa kính. Người Phật tử về chùa sám hối cuối năm một lần cũng để phát lồ những cái gì mình đã tạo tác không được như ý, trút bỏ những điều xấu và sửa soạn tâm tư để tạo lập và phát triển thiện nghiệp cho gia đình được êm ấm, an lành và hạnh phúc.

Một nén hương khấn lạy trước bàn thờ tổ tiên ông bà, một câu hồng danh sám hối cuối năm, vào đêm 30, trước ngôi tam bảo, chẳng khác nào những thần dược, gội rữa bao nhiêu buồn phiền, mặc cảm, thua thiệt, rủi ro, và chính cái giây phút đó là muà xuân bắt đầu lố dạng, là lúc con người trở về với sự sống vui tươi, thanh thản của tâm hồn. Đó là động lực của sự sống trong những giây phút nhờ tạo dựng lại năng lực của tâm linh, để con người bắt đầu một cuộc sống mới, mới với mùa xuân tràn trề nhựa sống xanh tươi của vạn vật, mà cũng chính là sức sống muôn đời của con người, khi tất cả được nuôi dưỡng, nâng đỡ bởi những ý thức đạo đức tiến bộ, xả ly phiền muộn.

Sám hối cuối năm là một biểu lộ cần thiết để nuôi dưỡng tâm linh, khơi dậy tiềm thức, nhắc nhở tâm trí, và hướng tâm trí về những mùa xuân của vũ trụ vạn vật tươi mát, dệt thành những sức sống. Sám hối cuối năm là giao điểm của thời gian tâm lý với mùa xuân miên viễn.

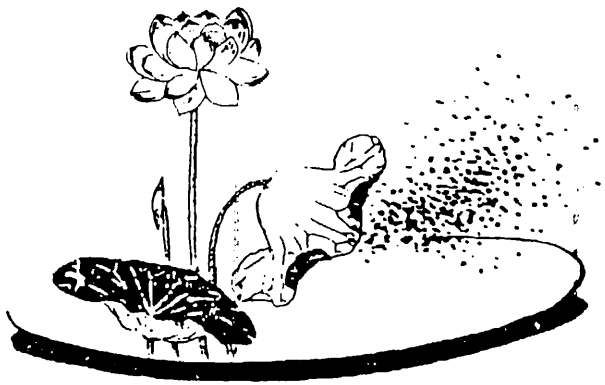

MỘT LỜI CHÚC TẾT
hay là
Như-Ý-Châu.

Ngày tết người ta thường chúc nhau được VẠN SỰ NHƯ Ý, hẳn đây là bốn chữ thực tế nhất, đúng ý của mọi người nhất và cũng hợp lý nhất. Những lời chúc khác nào tăng phúc tăng thọ, nào đa tài, đa lộc, đầu năm sinh trai cuối năm sinh gái v.v... tất cả đều không bằng bốn chữ vạn-sự như-ý, và cái gì cũng có thể gói gắm trong bốn chữ nầy.

Như ý, nếu chỉ nói một cách môn na thì chẳng có gì lạ, muốn điều gì mà thỏa mãn được, thực hành được, tức thị có thể gọi là như-ý. Chỉ thế thôi, nhưng nếu ai chịu khó tìm xa hơn thì sẽ thấy hai chữ như-ý còn mang rất nhiều nghĩa. Trên phương diện khí vật, như ý là một vật để cào lưng, gãi lưng, được con người chế ra. Nhà nghèo tiện bằng tre, bằng gỗ. Nhà giàu chuốt bằng ngà, bằng ngọc, cũng chỉ để dùng chung một mục đích.

Như ý còn là một ngoạn cụ, tức là một phiến ngọc, để mang trong người, như một thứ trang sức, hoặc đặt vào tủ kính để chưng cho mọi người ngắm. Trong Tấn-Thư, chuyện Thạch-Sùng, mọi người đọc đều biết, có đoạn Vương-Khải đưa ra một cây san hô để thị, chữ thị đây có ý thách đố, đã bị Thạch-Sùng dùng một món như ý bằng thiết, để đập nát cây san hô.

Đọc Vương-Đôn truyện cũng nghe nói đến sự dùng ngọc như-ý để gõ nhịp lên miệng bình, lúc nghe ca kỹ đàn hát. Gõ nhịp thế nào để đến miệng bình thành khuyết một mãnh. Một sách khác lại kể chuyện có một thư sinh nhà nghèo nhưng đầy âm đức, gặp vị đạo sĩ có nhiều pháp thuật. Đạo sĩ tặng thư sinh một viên ngọc, muốn ước điều gì, chỉ cần đưa ngọc lên, xin ngọc là được như ý ngay, từ đó ngọc được mang tên Như-Ý. Lại còn câu chuyện một vị tướng mỗi khi lâm trận đều không quên mang theo ngọc như-ý, tha hồ muốn cho quân địch tiến, hay lùi, đều đưa ngọc ra mà khấn là như ý ngay.

Ngoài ra hẳn những người đọc sử chẳng ai không biết chuyện Tần-Thủy-Hoàng đông du, tức là đi về phương đông, để chôn báu vật với mục đích làm chủ cái Vương khí ở vùng ấy để không ai có thể dành cái ngôi báu của dòng họ mình, trong số báu vật cố nhiên là đã có Như-Ý ngọc. Tại Ấn-Độ xưa, các nhà tu hay ghi chép những điều mình muốn mhớ lên Như-Ý trượng để đọc mỗi ngày cho khỏi quên. Đạo gia gọi hoàn đơn là Như-Ý-Châu, vì lúc luyện đơn, đã dùng đơn sa nấu lên, chảy thành thủy ngân, xong lại làm trở thành đơn sa như cũ, nên gọi là hoàn đơn, luyện đủ 9 lần, cộng thêm một số phù chú thì những hoàn đơn nầy trở thành vô cùng quý báu. Ai ngậm vào miệng điều có thể chu du khắp nơi, thăng thiên, tàng hình v.v.... do đó mới được gọi là Như-Ý-Châu.

Hôm nay trong khuôn khổ ngày Tết của một Đặc-san Phật-Giáo, chúng ta không có quyền nói đến Như-Ý-Châu của Đạo gia mà xin chỉ nói đến Như-Ý-Châu của nhà Phật. Trước hết là Như-Ý-Châu của Long-Vương trong Pháp-Hoa Kinh, phẩm Đề-Bà-Đạt-Đa, có đoạn Long-Nữ hiến báu châu dâng Phật trước

mặt Trí-Tích Bồ-Tát và Tôn-Giả Xá-Lợi-Phất. Khi hai vị nầy ngờ vực, sự thành Phật của Long-Nữ, cho rằng Long-Nữ là thân gái, lại chưa tu hành được lâu dài, làm sao vừa nghe ngài Văn-Thù xuống Long cung thuyết pháp mà có thể thành Phật. Long-Nữ đã hiện ra, hiến báu châu dâng Phật ... Giá trị của báu châu nầy như trong lời kinh là tam-thiên đại-thiên thế-giới.

Một báu châu khác cũng được nhắc đến, đó là báu châu kết từ trong não của Ma-Kiệt-Ngư, tức là một đại kình ngư, báu châu của Ma-Kiệt-Ngư còn được gọi là Ma-Kiệt-Báu, báu châu nầy có sáu sắc mầu, cũng ở trong số Như-Ý-Châu người nào phải đức độ may mắn lắm mới có thể nắm ngọc trong tay, tha hồ cầu xin gì cũng sẽ được như ý.

Cuối cùng và là phần quan trọng nhất mà chúng ta cần biết, Như-Ý-Châu còn là Xá-Lợi của Phật đã biến thành. Trong Trí-Độ-Luận chúng ta đọc thấy rằng Như-Ý-Châu sinh từ XáLợi-Phật, khi Pháp-Phật bị chìm đắm trong lãng quên của lòng người, thì Xá-Lợi của chư Phật sẽ biến thành Như-Ý-Châu. Người được Như-Ý-Châu thì dẫu có trúng độc cũng không chết, vào lửa không cháy, xuống nước không chìm.

Lại có sách ghi rằng Như-Ý-Châu là những mảnh Kim-Cang, khi Đế-Thích đã chấp Kim-Cang cùng A-Tu-La giao chiến, những mảnh vụn nầy đã rơi xuống cỏi Diêm-Phù-Đề. Cũng như có một sách khác cho biết rằng một thời xa xưa khi Pháp-Phật có hồi bị lãng quên thì Xá-Lợi của chư Phật đã biến thành Như-Ý-Châu để giúp ích cho chúng sinh. Ai có nhân duyên, phúc đức mới tìm được.

Như-Ý biến từ xá-lợi không có một sắc nào định được, nhưng ánh sáng trong trẻo đã chiếu khắp thiên hạ và tùy sự cầu xin, có thể xuất hiện ra tất cả mọi vật

từ thức ăn, thức mặc cho chúng sinh. Châu ở trong đại não của Ma-Kiệt còn được gọi là Kim-Cang-Kiên, tức là sự cứng rắn của Kim-Cang. Trong Quán-Phật Tam-Muội Kinh có ghi thêm rằng tim của Kim-Xí -Điểu là Như-Ý-Châu, và theo Vãng-Sinh-Luận thì lúc chư Phật nhập Niết-Bàn rồi, đã dùng phương tiện lực để lưu xá-lợi cho chúng sinh và khi chúng sinh phước tận, thì xá-lợi đã biến thành Ma-Ni Như-Ý Báu-Châu.

Báu-Châu nầy có nhiều ở đáy biển nên Long -Vương đã dùng làm vật trang sức, khi Chuyển-Luân Thánh-Vương xuất thế, đã dùng Từ-Bi phương tiện để lấy Như-Ý báu châu nầy cho cỏi Diêm-Phù-Đề ...

Trên đây là một vài mẩu chuyện nói về câu chúc của ngày Tết, cũng nhân tiện xin cầu chúc cho tất cả quý Thầy và quý Phật-tử một năm mới với Vạn-Sự Như-Ý.

Minh-Đức Hoài-Trinh

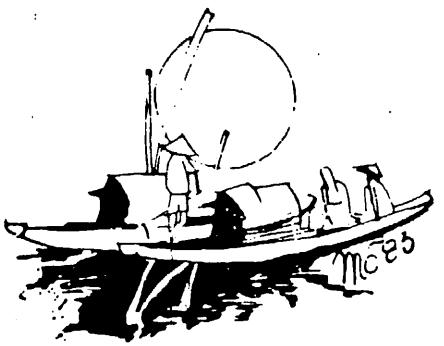

MỖI PHẬT TỬ PHẢI LÀ MỘT VỊ BỒ-TÁT

Võ-Thành-Thân

Thông thường, một người Phật tử "tốt" là người thường xuyên đi chùa mỗi tuần, lễ Phật, tụng kinh, nghe giảng, và về nhà ăn chay một tháng vài ngày hoặc hơn nữa, trường chay. Căn bản của người Phật tử tốt nầy là đã qui-y Tam-Bảo, biết giữ ngũ giới. Và tiến bộ hơn, có người còn thọ Bồ-Tát giới. Như vậy, người Phật tử đã tự mãn nguyện lắm rồi. Khi có chuyện cần như trong nhà có người bệnh, thì nhờ các thầy cầu an ; nếu có người thất lộc, thì cầu siêu. Khi khốn khổ quá thì cầu đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát để xin cứu độ. Làm sao mà mỗi Phật tử có thể là một Bồ-Tát được ?

Là Phật tử thì phải hiểu và tin lời Phật dạy. Đức Phật đã dạy : "Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành", bởi vì "tất cả chúng sanh đều có Phật tánh". Nói thế có nghĩa là tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật, nếu biết ra công học hỏi và hành trì. Khi giảng về Kinh Niệm-Xứ, đức Phật đã bảo Tăng đoàn rằng : "Người nào học hỏi và hành trì phép Quán Niệm nầy, sẽ đắc đạo trong 7 năm, cũng có thể đắc đạo trong 7 tháng, hoặc cũng có thể chỉ trong 7 ngày !" Nếu đã có thể đắc đạo và thành Phật như lời Phật nói, thì đắc quả Bồ-Tát phải là việc dễ dàng thôi. Bởi vì Bồ-Tát là quả vị kế tiếp trước khi thành Phật, như Bồ-Tát

Quán-Thế-Âm đã nguyện : "Ngày nào còn một chúng sinh khổ đau, ngày ấy ta chưa đành lòng làm Phật !".

Nhưng tại sao người Phật tử không thể thành Bồ-Tát ? Trước hết, lý do dễ hiểu là vì người Phật tử không có chịu tu học bao giờ ! Phật tử đi Chùa, thọ tam qui Ngũ giới, tụng kinh lạy Phật, nghe giảng giáo lý, về nhà ăn chay v.v... Nhưng đó chỉ là hình thức. Về thực chất, người Phật tử thật sự đã không biết việc mình làm có ý nghĩa gì ! Phần lớn Phật tử đã không bao giờ chịu học Giáo-Lý. Tụng kinh tức là đọc lại lời dạy của đức Phật để mà thực hành, để tu sửa ; nhưng vì không học nghĩa lý kinh nên chẳng hiểu mình đã tụng đọc những gì, nói chi đến việc thực hành và sửa mình. Nghe giảng, thì hoặc vì những bài giảng không được sắp xếp liên tục theo một trình tự, hoặc là một năm mới nghe được chỉ có 3 hay 4 bài ..., thành ra cũng không hiểu gì hết ! Đó là chưa kể trường hợp những giảng sư chỉ "kể chuyện đời xưa" trong những ngày lễ mà thôi. Tóm lại, là người Phật tử đã không có dịp học hỏi. Đã không học, không hiểu, làm sao nói chuyện TU được ?

Tu tức là sữa đổi những lỗi lầm của mình. Mà đã không hiểu Phật dạy gì, mình có lỗi lầm gì, làm sao có thể sửa đổi ? Có ai chịu cho rằng cái THAM của mình là bậy, cái SÂN của mình là quấy, cái SI của mình là sai lầm ? Cũng có người chủ trương chỉ cần đi chùa lễ Phật, tụng kinh, trai tăng ... là đủ phước rồi, học hỏi tu tập làm chi cho khổ công ; có chuyện cần cứ đến nhờ các thầy cầu an, cầu siêu là đủ. Điều nầy cũng không phải là không đúng. Thực sự khi người Phật tử thường xuyên đi chùa, lễ Phật, nghe kinh, cúng dường chư tăng ..., thì nói theo luật Nhân-Quả, người ấy đã tạo cho mình được một thiện nhân thiện duyên, nên một ngày

nào đó, hay kiếp sau, sẽ có được thiện quả để học hỏi giáo lý và đắc đạo. Đó là nghĩa của câu "đi chùa, lễ Phật được phước" như một số thầy hay nói để an ủi một số Phật tử không siêng học đạo. Còn nói đúng ra, bằng cách nào đi nữa, người Phật tử không thể không học hỏi giáo lý mà mong hiểu Đạo và đắc Đạo được. Điều nầy đức Phật đã từng nhắc nhở các tăng chúng ngày xưa trong Tăng đoàn của Người.

Học hỏi đã là một việc khó : Khó là vì khó gặp minh sư, lại khó vì không siêng năng tới chùa thường xuyên để học hỏi. Không có tôn giáo lớn nào trên thế giới mà người tín đồ chỉ đến cơ sở tôn giáo một năm có 3 hoặc 4 lần và không học hỏi gì cả, như phần lớn Phật tử chúng ta đã làm ! Cho nên ở mỗi địa phương, nơi nào có chùa, có thầy, người Phật tử phải biết vận động phong trào học hỏi giáo lý để trau giồi trình độ Phật học.

Nhưng học hỏi giáo lý chỉ mới là bước khởi đầu. Ngày xưa ở Chùa Xá-Lợi bên nhà, có 2 câu chữ lớn được treo trên vách để nhắc nhở Phật tử : "Tu mà không học là tu mù". "Học mà không Tu là đẩy sách". Cho nên tiếp theo bước đầu học hỏi, phải là bước tiếp theo của sự hành trì, sự tu tập. Nghĩa là phải học và hiểu lời Phật dạy, áp dụng lời dạy đó vào đời sống ; sống đời tích cực, lạc quan, an vui, hạnh phúc cho mình và cho tất cả mọi người, mọi loài.

Đạo là con đường đi. Phật là sáng suốt giác ngộ. Đạo Phật là Con đường của người Sáng suốt, Giác ngộ. Đức Phật đã bảo : "Nước ở đại dương chỉ có 1 vị : Vị mặn của muối. Đạo ta cũng chỉ có một vị : Vị Giải-Thoát". Cho nên có thể nói đạo Phật là con đường giải thoát. Giải thoát khỏi tham, sân, si, mạn, nghi ...; giải thoát khỏi sinh già bệnh chết ; giải thoát khỏi những khổ

đau, phiền não trói buộc trong cuộc đời. Có giải thoát được như vậy thì mới có thể đạt đến trạng thái an vui, hạnh phúc. Và phải chăng An-vui và Hạnh-phúc là những niềm mơ ước lớn lao của mỗi người chúng ta ?

Trong Kinh Pháp-Hoa, Phật nói vì đại sự nhân duyên là cứu độ chúng sinh ra khỏi cảnh khổ mà Phật ra đời khai mở Chánh-Pháp. Nhưng chúng sinh có được cứu độ hay không là do chúng sinh có chịu học hỏi và hành trì Chánh-Pháp hay không. Nói rõ hơn, mỗi Phật tử phải ra công tu học để có khả năng tự cứu mình ra khỏi bể trầm luân, đưa mình đến bến bờ Giải thoát, An-vui và Hạnh-phúc. Phải hiểu rằng nổi khốn khổ của mỗi người chúng ta nằm ngay trong tâm thức của chính mình. Và lời Phật dạy là lời cảnh tỉnh, giúp chúng ta thắp sáng ngọn đèn tâm thức để xóa tan bóng tối khổ đau. Cho nên phải tu học và phải tự tin ở khả năng mình như lời Phật đã dạy. Phải tin rằng mình có khả năng giác ngộ, khả năng đắc pháp, khả năng thành Phật. Tu nhất kiếp. Ngộ nhất thời. Phải có tín tâm và phải tinh tấn. Bốn quả vị chứng đắc cao nhất mà mọi người sẽ đạt tới là : Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát và Phật. Thanh-Văn là những người nhờ nghe lời Phật, nghe pháp mà đắc đạo. Duyên-Giác là những người nhờ chứng được lý Nhân-duyên mà đắc đạo. Đây là những người tự tu và tự chứng. Bồ-Tát là những vị đã chứng đắc con đường giải thoát rồi, nhưng chưa muốn thành Phật ; còn muốn ở cõi Ta-Bà nầy để cứu độ chúng sinh.

Trong Kinh Hoa-Nghiêm, Phật nói : "...Bồ-Tát tự mình đã được tâm thanh tịnh, an trụ nơi hạnh không điên đảo, lời nói thành thật và hòa ái, tu hành đúng lời chư Phật dạy, thân khẩu ý lúc nào cũng thanh tịnh, xa lìa những tập nhiễm, trụ hạnh vô ngại, diệt đoạn tất cả

các chướng ...". Và các vị Bồ-Tát, cũng theo Kinh Hoa-Nghiêm, đều nguyện :"... tôi sẽ ở khắp tất cả thế giới, vì chúng sanh mà siêng năng tu tập, tuỳ thuận các loài mà diễn Pháp không dứt, muốn cho chúng sanh hiểu rõ chánh pháp mà không còn mê lầm, để chúng sanh đều thành tựu đắc quả ...".

Làm sao các vị Bồ-Tát có thể đạt đến trạng thái thân tâm thanh tịnh, an trụ vô ngại ? Dùng pháp tu tập thiền quán như Phật đã dùng. Ngày xưa Thái Tử Tất-Đạt-Đa đã nhờ công phu thiền định mà đắc pháp. Và đức Phật trong suốt 49 năm hoằng hóa cũng bảo tăng chúng phải học, hiểu ; dùng thiền quán để kiểm chứng ; rồi áp dụng chân lý đó vào đời sống an lạc hằng ngày. Tâm Kinh Bát-Nhã cũng đưa ra dẫn chứng như vậy. Kinh nói rằng Bồ-Tát Quán-Tự-Tại nhờ công phu thiền quán lâu ngày, quán chiếu được rằng tất cả 5 uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là hư vọng, không thực, nên đã vượt thoát hết mọi khổ đau, tâm trở nên an định, đạt đến trạng thái An-lạc, Giải-thoát.

Có thể nào mỗi Phật tử chúng ta lại không thể trở thành Bồ-Tát để giải thoát chính mình và cứu độ muôn người ? "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành". Lời xác quyết ấy của đức Phật còn âm vang trong tâm tưởng của mỗi Phật tử chúng ta, không phải là lời hư vọng. Vậy tại sao chúng ta không thể trở thành Bồ-Tát ? Tại sao chúng ta không có tín tâm ? Tại sao chúng ta lười biếng, không chịu ra công học hỏi và hành trì ? Tại sao chúng ta còn tội lỗi quá nhiều, tội lỗi tích lũy từ bao đời nên nay khiến ta chưa đủ căn duyên ?

Trong Pháp-Bảo-Đàn Kinh, Lục-Tổ Huệ-Năng có nói rằng : "Căn phòng dù u tối đã ngàn năm, nay có ngọn đèn thắp sáng lên thì căn phòng không còn u tối nữa.

Con người cũng vậy. Lâu nay tội lỗi chất chồng vì thiếu ngọn đèn Chánh-Pháp soi sáng và hướng dẫn. Nay ngọn đèn Chánh-Pháp đã được thắp sáng lên trong Tâm-Thức, thì mọi tội lỗi đều được xóa sạch". Nói khác đi, hễ có tu thì sẽ có chứng, có đắc. Và đó là ý nghĩa của câu "Tu nhất kiếp, Ngộ nhất thời".

Cho nên, tất cả Phật tử chúng ta phải tích cực, lạc quan, và đầy lòng tự tin. Phải tích cực siêng năng đi chùa, hăm hở học hỏi giáo lý, tìm thầy hay bạn giỏi tra vấn những điều còn hồ nghi. Phải lạc quan tin tưởng rằng với sự học hỏi tới nơi và sự hành trì tới chốn của mình — đặt cho mình một thời hạn nhất định, hoặc 3 năm, hoặc 5 năm, hoặc 10 năm — chắc chắn mình sẽ chứng đắc được đạo giải-thoát, như mục tử đã tìm thấy lại trâu, tâm và cảnh là một, nhìn cuộc đời như chính nó, không còn đòi hỏi nó phải theo ý mình, cho nên Tâm an trụ trong An-Lạc và Hạnh-Phúc.

Tóm lại, mỗi Phật tử đều phải trở thành Bồ-Tát có khả năng cứu độ chính mình, để rồi còn cứu độ mọi người. Phải có tín tâm và phải tinh tấn như vậy. Bằng không, chúng ta đã không còn phải là Phật tử nữa rồi !

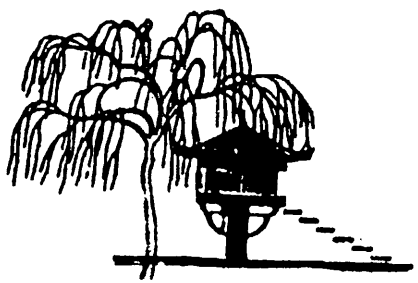

Lạc Bến

Tịnh Minh

Ngày nhỏ về quê, mẹ kể rằng :
"Trên trời sáng đẹp nhất là trăng
Trong đầm, gì đẹp bằng sen nhỉ,
Bông trắng, lá xanh lẫn nhị vàng".

Sen nở đoan trang dưới mái chùa,
Bên hồ nước lặng bóng hình ngày xưa,
Thoảng mùi hương dịu xa thiền viện.
Thức tỉnh tâm hồn kẻ lãng du.

Ngục lửa, giam thân mãi chốn nầy,
Ngày vui ngắn, nợ ... trả rồi vay ...
Lão, sanh, bệnh tử ... âu lo mãi,
Đất động, sao rơi ... cũng có ngày.

Thoát khổ đường nào đến Trúc Lâm.
Nhân duyên dứt bỏ, phá mê lầm.
Tham sân diệt hết, trừ ba nghiệp.
Lửa sáng Bồ-Đề, phát huệ tâm.

Thôi nhé quên đi những bận lòng,
Có rồi ... không có, có là không.
Ba tòa sen ngự mười phương Phật.
Thương kiếp bèo trôi, lạc giữa dòng./.

THỜI PHÁP TÂN NIÊN

Thiện Bửu

Những ngày cuối năm Đinh Mùi (1967), thủ đô Sàigòn trở nên nhộn nhịp, thiên hạ mua bán tấp nập. Đặc biệt ở các chợ Bến-Thành, chợ Lớn-Mới, chợ Cầu-Ông-Lãnh, các chợ Tân-Định, Đakao, Phú-Nhuận, Bình-Hoà... làn sóng người với đủ loại xe cộ nườm nượp ngày đêm đổ về các nơi nầy để mua sắm chuẩn bị đón mừng xuân mới.

Cái tết Mậu Thân sắp tới lại được chính phủ cho phép đốt pháo mừng Xuân. Được dịp, dân chúng tha hồ đốt pháo và con buôn tha hồ hốt bạc, trong lúc đó tình hình chung cả miền Nam đang biến chuyển bất ổn. Khu Xóm-Mới ở Gò-Vấp được xem như trung tâm sản xuất và cung cấp pháo cho toàn quốc. Ngoài ra còn có các loại pháo được nhập cảng lậu từ Hongkong hay Đài-Loan, nhưng chính quyền Thiệu Kỳ Khiêm vẫn làm ngơ. Hầu như các loại pháo nầy được dành cho các ông hoàng bà chúa và những kẻ lắm bạc nhiều tiền. Không cần phải chờ đợi đến đêm Giao-Thừa, tiếng pháo đả bắt đầu nổ rải rác cả tuần lễ trước tết dẫn đến pháo nổ rền bất tận chiều ngày 30 tết. Suốt đêm Giao-Thừa tiếng pháo pha lẫn tiếng súng lớn nhỏ càng lúc càng trở nên dử dội, làm cho dân chúng Sàigòn

Gia-Định hốt hoảng, kinh hoàng lo sợ. Tại các doanh trại đồn bót Quân-Đội và Cảnh-Sát, hầu như hơn phân nữa quân số được nghỉ phép về nhà ăn tết, việc phòng thủ canh gác trở nên lỏng lẽo. Nhiều đơn vị hầu như chỉ còn có các toán gác và thường trực chiếu lệ. Thậm chí nhiều nơi lại ăn nhậu chè chén đờn ca ngay tại cổng gác. Quân dân miền Nam ăn cái tết quá lớn. Một cái tết Mậu Thân năm 1968 đi vào lịch sử đau thương của dân tộc và làm rúng động dư luận thế giới.

Hôm nay mùng một tết Mậu Thân, 1 một giờ nữa là mãn phiên trực của thiếu-tá Trí. Đơn vị của ông nằm về hướng đông bắc ven đô Sàigòn. Vùng nầy đang bị áp lực tấn công của Việt-cộng. Các đài phát thanh và truyền hình nhắc đi nhắc lại từng phút là lệnh cấm trại 100% toàn quân và lệnh giới nghiêm 24/24 giờ toàn thể Biệt-Khu Thủ-Đô. Tất cả quân nhân các cấp đang nghỉ phép phải tức tốc trở về đơn vị, nếu ở xa thì phải trình diện đơn vị gần nhất nhờ nơi nầy thông báo cho đơn vị gốc biết và giúp phương tiện di chuyển. Một vài nơi về hướng bắc Sàigòn đã thấy xuất hiện các toán đặc công Việt-cộng. Họ đã đột nhập cố thủ ở các nhà dân, các chùa, các trục lộ giao thông dẫn vào thủ đô. Họ cũng đã chiếm giữ một vài đồn bót lẻ tẻ của Địa-Phương-Quân, Nghĩa- Quân hay cảnh sát và đã bắt một số thường dân Tăng Ni dẫn đi biệt tích.

Suốt đêm cho đến giờ nầy, thiếu-tá Trí bận rộn bù đầu với bao nhiêu công việc dồn dập tới tấp. Ông xử dụng quân số ít oi còn lại trong đơn vị để bố phòng và tác chiến nếu bị tấn công. Ông ước lượng với thực lực hiện hữu không lo ngại đối với bọn du kích, nhưng nếu chúng tấn công từ cấp đại đội trở lên thì khó mà chống giữ nổi. Trong cơn nguy ngập nầy, thật buồn cười cho

ông là vừa làm việc vừa niệm Phật không ngớt, đồng thời ông lo nghĩ đến Thầy tổ của ông và vợ con ông không biết ra sao. Trong khi ông đang ngồi viết báo cáo vào sổ Trực thì hạ sĩ quan trực chạy vào trao 1 phong thơ chuyển tay đề tên ông. Ông ngừng viết và mở ngay ra xem. Trong bao thơ chỉ vỏn vẹn một tờ giấy lịch củ được viết vắn tắt ở mặt sau: "Con cố gắng đến gặp thầy". Ông đoán biết là việc gì đã xảy ra cho Thầy ở chùa. Nhìn đồng hồ tay đã hơn 6 giờ mà chưa thấy vị sĩ quan trực thượng phiên đến thay ông. Ông sốt ruột đi tới đi lui. Thiếu-úy Tư chạy vào báo cáo đã có 45 quân nhân đã trở về đơn vị và trên tay mỗi người đều có xách theo quà bánh ăn tết. Ông bật cười và bảo thiếu-úy Tư bổ sung họ vào các đơn vị phòng thủ quanh trại. Ông lo ngại cho thiếu-tá Minh, sĩ quan trực thượng phiên sắp thay ông, chắc đã gặp việc bất trắc xảy ra. Thường nhật ở đơn vị, ông và Minh là những sĩ quan mầm cán, gương mẫu, kỷ luật và thương lính nhất. Hai ông cũng là Phật tử. Trí là trưởng ban đại diện quân nhân Phật tử của đơn vị, còn Minh là phụ tá. Ngôi Tam-Bảo của đơn vị ông được đặt tên là Liên-Hoa-Tự, là một công trình lớn của hai ông. Sau hơn một năm đầy gian khổ thử thách và chống phá của ngoại đạo, nay Liên-Hoa-Tự đã được hoàn thành và dự tính sẽ làm lễ An-Vị Phật và Khánh-Thành vào ngày Phật-Đản 2512 sắp tới.

Ông sốt ruột đi đứng không yên, ông lo lắng cho Thầy tổ và cho cả gia đình ông. Ông thầm ước phải chi ông có cánh sẽ bay thẳng đến chùa của Thầy. Trong lúc đang mơ màng suy nghĩ miên man thì thiếu-tá Minh đã vào. Ông đến trễ 40 phút vì mắc kẹt từ Chợ-Lớn băng qua đường Nguyễn-Văn-Thoại, phải bỏ đường nầy

chạy qua đường Công-Lý an toàn hơn. Trí mừng quá và thuật lại việc Thầy tổ cho Minh nghe. Suy tính trong giây lát, Minh bảo sẽ làm 1 sự vụ lệnh "đặc biệt" cấp cho Trí đi công tác và đến 9 giờ tối là hết hạn. Minh còn căn dặn :

- Mầy hãy khéo léo, trước khi vào chùa mầy phải quan sát cẩn thận tao nghe nói đã có vài chùa bị bọn Việt-cộng chiếm giữ hồi đêm nay. Trí thay bộ quân phục bằng bộ đồ ngủ đã đem theo và lái xe Honda chạy thẳng về chùa. Gần đến cổng chùa, ông ngập ngừng ngó nhớn nhác khắp nơi, không một bóng người qua lại, trong chùa còn thấy ánh đèn nhưng vắng vẻ lạ thường. Ông quan sát kỹ khắp nơi và chậm rãi đẩy chiếc Honda vào cổng chùa.

Đi được một khoảng thì ông phải khựng lại vì nghe có tiếng người rên rỉ và nhìn thấy có nhiều vết máu đọng trên đường nhỏ dẫn vào sau chùa. Ông liếc nhìn đồng hồ tay đã gần 8 giờ, màn đêm đang phủ dần. Ông cố gắng đẩy chiếc Honda dựng vào vách tường gần hậu liêu của Thầy tổ. Những tiếng rên rỉ càng lúc càng nghe lớn hơn nhưng ông chưa tìm ra được ở chỗ nào. Ông đi vòng ra phía sau chùa để vào hậu liêu. Một cảnh tượng vô cùng rùn rợn đập vào mắt ông là có hàng chục tên du kích Việt-cộng bị thương nặng hoặc đã chết, không rõ do ai lén kéo vào bỏ đây. Kẻ nằm sấp người nằm nghiêng rên la thảm thiết, từng vũng máu loang ra khắp nơi và dính đầy mình bọn họ. Họ không có súng, chỉ có bộ đồ cứt ngựa rách nát với đôi dép râu trong người. Họ nhìn chòng chọc vào ông và van xin cứu giúp. Họ nói giọng Bắc, tất cả đều rất trẻ, cở tuổi vị thành niên ước khoảng 15, 16 tuổi. Không một người nào được băng bó.

Ông tìm khắp nơi trong chùa vẫn không thấy Thầy càng làm cho ông lo sợ. Trên chánh điện, nhang đèn vẫn còn cháy sáng. Hàng trăm quyển Kinh Dược-Sư để trên các bệ được xấp ngay hàng thẳng lối, quyển mở quyển xếp lại, chứng tỏ đã có hàng trăm Phật tử về tụng kinh với Thầy. Liếc nhìn quyển kinh đặt trên bệ nằm phía dưới chiếc lư đồng sáng chói còn khói hương nghi ngút là chỗ Thầy chủ lễ hàng ngày, ông thấy trang chót quyển kinh. Ông đoán ra là Thầy tổ và các Phật tử chưa tụng qua phần Bát-Nhã hay Hồi-Hướng. Chắc chắn trong lúc Thầy và các Phật tử đang tụng kinh thì biến cố bất ngờ xảy ra phải bỏ chạy tán loạn, không kịp mang giày dép còn bỏ ngổn ngang nằm phía ngoài. Có thể Thầy và các Tăng Ni đã bị Việt-cộng bắt hoặc được các Phật tử đưa đến các nơi an toàn. Ông chắp tay lễ Phật và tự trách mình đến trễ.

Đã gần 9 giờ đêm nhưng ông định bụng phải cố gắng tìm Thầy thì ông mới an toàn trở về đơn vị. Tiếng súng lớn nhỏ vẫn nổ dập dồn khắp nơi, ánh hỏa châu soi sáng khắp trong chùa. Ngoài đường chỉ có những xe cứu thương, xe GMC, xe thiết giáp và quân lính qua lại. Từng đoàn phi cơ trực thăng đổ quân hay oanh kích các điểm tập trung Việt-cộng gần đó. Đẩy chiếc Honda ra đường, Trí dịnh sẽ chạy đến Viện-Hóa-Đạo, chùa Xá-Lợi, chùa Ấn-Quang, hay chùa Kỳ-Viên, là những nơi Thầy thường lui tới, may ra sẽ gặp Thầy. Nhìn đồng hồ đã 9 giờ mà đường từ đây đến các nơi đó còn xa trong khi giới nghiêm 24/24 giờ. Buồn bả lo lắng ông lái xe trở về đơn vị.

Thiếu tá Minh đang bận rộn lo việc phòng thủ đang chạy lăn-xăn hò hét om sòm, trong khi Trí đang dựng chiếc Honda cạnh phòng trực. Minh ngó ngoáy

lại bảo Trí chờ đó sẽ có tin tức về Thầy tổ và cả gia đình của Trí.

Trí cảm thấy yên tâm và nghĩ rằng Thầy được bình an vô sự. Một lát sau Minh trở lại phòng trực trao cho Trí một bao đồ vừa cười vừa nói :

- Tao biết mầy đói bụng, ăn đi cái đã rồi tao sẽ thuật hết cho mầy nghe, không có gì phải lo. Cái bao đồ đó là các thức ăn có cả bánh tét và kẹo bánh của vợ mầy gởi vào cho mầy ăn tết đó.

Trí bảo Minh phải nói ngay hoặc vừa ăn với nhau vừa thuật lại. Minh cho biết đã gặp bà xả của Trí ngoài cổng trại. Trong đêm Giao-Thừa và suốt hôm nay vợ con của Trí đã về chùa ăn tết với Thầy tổ và Tăng Ni trong chùa. Trong khi đang tụng kinh thì bổng nhiên có mấy tiếng súng của Việt-cộng ập vào chùa và đem vứt bỏ đồng bọn bị thương hay đã chết ở phía hông chùa. Bọn chúng nhảy vào trai đường vơ vét hết các thức ăn, bánh kẹo và chỉa súng vào Thầy tổ, các Tăng Ni và Phật tử hiện diện, bắt phải băng bó săn sóc đồng bọn bị thương. Một lát sau chúng sẽ trở lại, nếu không làm theo lời chúng thì tất cả sẽ bị giết chết. Chúng lục lạo khắp nơi trong chùa, định bắt Thầy đem đi nhưng một tên du kích nói giọng Bắc đã rỉ tai nói với một tên khác sao đó nên chúng hốt hoảng nhìn ra ngoài đường rồi leo rào bỏ chạy phía sau chùa về hướng nghĩa địa khu Xóm-Mới Gò-Vấp. Nhìn các tên Việt-cộng bị thương nặng hoi hóp nằm rên la ở góc hè, Thầy cảm thấy xót xa. Thầy định nhờ các Phật tử hiện diện đi băng bó cho họ, một mặt thầy nhắn Trí đến gấp để giúp được gì cho Thầy trong cơn nguy ngập nầy. Thầy đã từng đóng góp rất nhiều công lao, cùng chia xẻ với Trí và các quân nhân Phật tử ở đơn vị về những chướng duyên phá

phách của ngoại đạo để hoàn thành ngôi Tam-Bảo Liên-Hoa-Tự. Thầy là vị lãnh đạo tinh thần của quân nhân Phật tử theo yêu cầu của Trí, Minh và các cấp quân nhân Phật tử khác. Ngay cả vị chỉ huy trưởng đơn vị của Trí cũng là Phật tử rất mến mộ quý kính đạo hạnh chân tu thạc học của Thầy, nhưng vì trách vụ địa vị cần phải tế nhị hành xử của một đơn vị trưởng nên mọi vấn đề Phật sự đều giao phó cho Trí và Minh cùng một số sĩ quan khác lo liệu.

Thầy chưa biết phải liệu tính ra sao phần lo sợ bọn du kích Việt-cộng trở lại sẽ gây nguy hại đến tánh mạng của hàng trăm Phật tử đang mắc kẹt ở chùa. Vợ con của Trí và các Phật tử khác đề nghị xin Thầy nên tức tốc di chuyển hết các Tăng Ni và Phật tử hiện diện tạm lánh nạn tại tư gia của Trí cách chùa không xa mấy. Tạm chờ đợi tình hình sáng sủa an ninh trở lại sẽ đưa Thầy và các Tăng Ni trở về chùa.

Trí và Minh vừa ăn xong thì chiếc đồng hồ trên vách gỏ 11 tiếng. Tình hình có vẽ lắng dịu, không còn nghe những tiếng súng lớn nhỏ nổ chát chúa dồn dập và thỉnh thoảng có một vài trái hỏa châu lấp loé ở xa xa.

Minh xót ruột đề nghị với Trí nên báo cho đơn vị trưởng biết để tìm cách bảo vệ chùa của Thầy và toàn bộ khu vực đông dân cư nơi đó. Đơn vị trưởng cho biết khu vực đó đã được Bộ-Chỉ-Huy Hành-Quân ưu tiên giải tỏa, dân chúng đã sinh hoạt lại bình thường. Ông còn cho biết sáng mai Trí sẽ dẫn 1 đơn vị đi thám sát và tuần tiểu và đồng thời làm "sạch sẻ" khu vực trách nhiệm nằm về hướng đông bắc của đơn vị. Nhìn vào tấm bản đồ hành quân, Minh nói nhỏ bên tai Trí :

- Khu trách nhiệm của mầy bao gồm luôn khu vực

có chùa của Thầy. Như vậy là mầy có cơ hội ghé thăm Thầy và sẽ biết rõ hơn những gì tao đã nói.

Trí hết sức vui mừng và an tâm, ngã lưng trên chiếc ghế bố bên cạnh Minh mong cho mau sáng.

Mặc dù có lịnh giới nghiêm ngày đêm nhưng dân chúng vẫn đổ xô ra đường hoan hô quân độ đã kịp thời tái lập an ninh trật tự, bảo vệ tánh mạng tài sản cho dân. Họ mang đủ các thức ăn của hương vị ngày xuân trao tận tay từng anh chiến sĩ. Trí nhận được 1 đòn bánh tét, 1 ổ bánh chưng và nhiều thức ăn bánh kẹo khác. Em bé gái trao tặng cho ông còn nói rõ đó là các thức ăn chay. Ông liền nhận ra là bé Loan bạn học cùng trường với con gái của ông và ở cách nhà ông không xa mấy. Chưa kịp hỏi han gì thì bé Loan kéo tay bảo ông phải đến chùa gặp Thầy, trong chùa có rất đông bà con và sắp có tụng kinh, thuyết pháp lúc 12 giờ trưa nay. Ông ôm hôn bé Loan và hứa sẽ đến ngay. Ông hít và thở một hơi dài, tỏ ra nhẹ nhàn khoan khoái và mở máy truyền tin liên lạc với các đơn vị.

Khu vực có chùa của Thầy là khu rất đông dân cư, hầu hết là Phật tử trong số có đông người Việt gốc Hoa. Sau khi tốt nghiệp tiến-sĩ triết-học ở Đài-Loan, Thầy được Giáo-Hội bổ nhiệm về hoằng Pháp nơi đây. Do đạo hạnh uy đức và chân tu thạc học của Thầy nên chùa càng ngày càng phát triển không ngừng, Phật tử xa gần rất mến mộ quí kính và xem Thầy như vị Bồ-Tát. Là con nhà danh gia vọng tộc phú quý nhưng Thầy lại từ bỏ tất cả. Thầy ly gia cắt ái xuất gia đầu Phật từ lúc mới lên mười một đến nay Thầy đã có trên 40 tuổi hạ.

Một cánh quân của tiểu đoàn đi theo Trí đã đến chùa quá ngọ, vừa lúc Thầy đang thuyết giảng trước

hàng trăm Phật tử ngồi chật ních từ trong chánh điện ra ngoài mái hiên. Trí và các quân nhân thuộc quyền phải vất vả khó khăn lắm mới len lỏi vào được phía trong lễ Phật. Ông vừa lễ Phật vừa nghe có tiếng xầm xì chỉ chỏ về phía ông càng lúc càng dồn dập, nhưng ông chỉ chú ý nhất đến giọng nói trong trẻo thanh tao trầm ấm và chậm rải của Thầy đang thuyết giảng. Ông lắng nghe một đoạn như sau :

- Mặc dầu biến cố vừa xảy ra quá bất ngờ lại nhằm vào đêm Giao-Thừa thiêng liêng của dân tộc, nhưng nhờ có phản ứng kịp thời của quân đội đã đến giải cứu. Thầy được biết trong đó có đơn vị của thiếu-tá Trí đã đến đây để bảo vệ tánh mạng tài sản của đồng bào. Trật tự an ninh đã được tái lập, toàn thể đồng bào khu vực nầy đã sinh hoạt trở lại bình thường. Thầy yêu cầu tất cả chư Phật tử hiện diện cùng với Thầy chắp tay niệm Phật hồi hướng công đức của anh em quân đội.

Tiếng niệm Phật pha lẫn với tiếng vỗ tay vang rền tạo nên một âm thanh rộn rả tuyệt diệu. Mọi người tỏ ra xúc động không cầm được nước mắt. Họ chăm chú nhìn về hướng Trí và các quân nhân đang đứng ở góc bên phải chánh điện. Hình như họ đang chờ đợi Thầy giảng tiếp và cũng chờ Trí có mở lời gì không. Thầy hiểu ý và nói tiếp :

- Một lần nữa xin cám ơn quân đội, cám ơn thiếu-tá Trí và các quân nhân hiện diện.

Lại một tràng pháo tay nổ vang rền liên tục, mọi người tỏ ra hài lòng. Thầy giảng tiếp :

- Tất cả đều được trở lại an lành. Thời Pháp hôm nay lẽ ra đã được thực hiện trong đêm Giao-Thừa, nhưng nay do yêu cầu của đông Phật tử nên Thầy xin được vắn tắt hầu chuyện. Có nhiều Phật tử đề nghị là

Thời-Pháp Tân-Niên cũng được. Đức Phật đã dạy :"Sức mạnh không phải xây dựng bằng bạo lực sắt máu mà là bằng tình thương trí tuệ Như-Lai ..."

Vừa giảng đến đây thì Thầy phải tạm ngưng vì có một vị Tăng đến trao cho Thầy một miếng giấy nhỏ. Thầy liếc nhìn vào miếng giấy và nở nụ cười cho biết Trí và đơn vị của ông muốn xin phép Thầy trở về đơn vị. Mọi người tỏ ý không bằng lòng, họ ồ lên và xin Thầy mời ông và tất cả quân nhân ở lại dùng cơm. Trí lẳng lặng tiến đến trước Thầy chắp tay nói nhỏ :"Con mừng Thầy được an lành và xin đảnh lễ cúng dường Thầy" Thầy chưa kịp ngăn lại thì Trí đã đảnh lễ và đứng dậy xin lỗi toàn thể bà con cho phép ông được kiếu từ vì còn bận nhiều công tác.

Vợ con Trí có cả bé Loan và cha mẹ của bé với đông Phật tử tiễn đưa ông và các quân nhân ra cổng.

Mặt trời đã ngã về tây, bầu trời xanh thẳm không một áng mây, gió thổi hiu hiu, Trí cảm thấy tâm hồn mát dịu thanh thoát. Trí nói thầm trong bụng hôm nay là mùng 2 tết Mậu Thân, đã 2 ngày qua đầy biến cố đau thương không biết quý Thầy quý Ni các chùa và đồng bào khắp nơi ra sao ...

Niềm Vui Chánh Niệm

Diệu Nga

Thời kinh sáng vừa xong, bác Tám gái chẩm rải máng chiếc áo tràng lên móc rồi vén màn nhìn ra cửa sổ. Cảnh bình minh tươi sáng của ngày cuối tuần làm tâm hồn bác cũng reo vui như những chú chim non đang ríu rít, như con sóc đang gậm hạt dẻ dưới sân nhà, như mấy lá mướp mịn lông tơ đang rung rinh trong gió sớm.

Bác sung sướng đứng lặng yên như vậy, không nhớ nghĩ điều gì, kể cả những kỷ niệm đậm nét quê hương mà mỗi khi nhìn giàn mướp, vườn rau sau nhà, bác không tránh khỏi những xúc động xa xăm. Bác cũng không quan tâm đến tiếng gỏ thong thả của chiếc đồng hồ quả lắc treo trên tường, cái đồng hồ của Pháp giống y như cái mẹ bác treo ở phòng khách ngày xưa, trong căn biệt thự kiểu xưa ở vùng Phú lâm, nơi bác đã trải qua quảng đời thơ ấu. Không có việc gì phải nghĩ ngợi, phải lo toan hay sợ hãi. Tâm hồn bác giản mỡ ra, càng lúc càng rộng lớn, tưởng chừng có thể gói trọn cả phong cảnh quang đảng mùa Xuân trước mặt. Chỉ hôm nay bác mới thấy dãy đất này xinh đẹp và đáng yêu! Những ngày mới đặt chân lên vùng đất lạ này, bác có cảm giác như mình lạc lỏng vào một hành tinh nào xa xôi mà từ người, vật đến cỏ cây đối với bác đều lạ lùng, lạ lùng đến dửng dưng.

Bà hàng xóm ngoại quốc vừa bước ra sân tập thể

dục. Cũng cái vẻ mặt kiêu kỳ, cái thân hình mục mịch làm ra dáng đài các trong mỗi bước đi ấy và cả cái thái độ lạnh lùng muôn thuở đối với gia đình "tóc đen di cư" như bác... nhưng hôm nay bác không có cảm giác gì khó chịu. "hãy giữ lòng như đất". Đất bình thản đón nhận mọi thứ, từ những quặng mỏ quí giá đến rác rến bẩn thỉu, những vật tanh hôi. Đất không phân biệt nên đất được bình an. Lời Phật dạy quả không sai.

Một bàn tay nhỏ nhắn vừa nhẹ nhàng đặt lên vai bác. Thúy An. Cô gái hỏi nhỏ :

- Mẹ có sao không ?

Khi bác Tám quay lại với vẻ mặt rạng rỡ, Thúy An biết mình không cần câu trả lời. Cô vui miệng hỏi luôn :

- Mẹ vừa tụng kinh cầu an ?

Hai tiếng cầu an làm bác Tám nhớ lại khoảng thời gian cũ, những ngày đầy nước mắt tủi thân khi bác bắc đầu làm việc ở xưởng may. Thời gian ấy, đêm nào bác cũng tụng kinh cầu an nhưng tâm chẳng được an chút nào. Mà làm sao yên ổn được, khi người ta đối xử với bác như thế nhỉ ? Bác vốn là chủ tiệm may áo dài nổi tiếng ở Saigon, lại là người điều khiển các lớp dậy cắt may, đào tạo không biết bao nhiêu tay thợ, thế mà cái xưởng may dây chuyền này ngày tối chỉ phân công cho bác ráp đường vai, trả lương tối thiểu, lại còn nặng nhẹ chê bác may chậm, may hư. Về sau, khám phá ra bác là người khéo tay, họ lại bảo bác làm ở khâu sửa đồ hư. Ôi chao ! Cả ngày phải tần mần đối phó với cả trăm món đồ may hỏng, thật là chán phèo ! Bác không có một chút hứng thú nào trong việc làm nhưng bác không thể nghỉ việc. Vì trở ngại ngôn ngữ, vì tuổi tác, bác khó có thể tìm được việc nào khác. Gia đình bác rất cần tiền cho các con tiếp tục việc học. Vì tương lai của các

con, bác phải hi sinh, phải chịu đựng. Nhưng các buồn trĩu nặng. Không khí gia đình do đó cũng kém vui, nó nhợt nhạt như chậu kiểng bị thiếu nắng.

Bác trai rất lo âu vì tình trạng này. Bác tìm đủ cách pha trò, kể chuyện bông lơn nhưng đó chỉ là những tia nắng lẻ loi của một ngày mùa đông xám ngắt. Cuối cùng, bác trai quyết định một chuyến đi xa, nhân tuần lễ bác gái được nghỉ phép.

Hai người ghi tên tham dự một chuyến hành hương cảnh chùa, bạn đạo và phong cảnh mùa xuân như đem lại cho bác gái một niềm vui mới. Nhưng điều quang trọng hơn cả là lời dặn dò của vị sư già nơi thiền viện...: "Hãy chú tâm vào việc đang làm, đừng lo nghĩ gì khác. Hãy sống với giây phút hiện tại, đừng nuối tiếc dĩ vảng, dừng sợ hãi tương lai. Sống trong chánh niệm, chúng ta được an vui".

Bác gái có cảm tưởng như vị thiền sư này thấu suốt cả tim gan của bác nên mới khuyên như thế. Mà thật vậy, đây chính là cái chìa khóa vàng giúp bác thoát khỏi ngục tù phiền não từ bấy lâu nay.

Ngày trở lại sở làm, bác bắt tay vào công việc với lòng bình thản hơn trước. Bác cẩn thận tháo từ cái cổ áo lệch, từng đường may xéo để tỉ mỉ sửa lại cho khéo léo hơn. Bác quên tất cả, không cần nhớ lại thuở vàng son của dĩ vãng, nên không bị cái bóng dĩ vãng đè nặng trên tâm-hồn. Bác cũng không có thì giờ để nhớ mình là ai. Chỉ biết rằng mỗi một món đồ sửa xong là bác cảm thấy vui, cái phần thưởng tinh thần sao mà quí lạ !

Từ đấy, những vầng mây u ám cũng tan đi, nhường chổ cho ánh sáng mùa xuân vui tươi ấm áp, y như buổi bình minh quang đảng hôm nay.

Bác Tám chợt nhớ Thúy An đã hỏi mình câu gì đó. Nhưng cô gái không còn đứng đây. Cô đã nhẹ nhàng đi

xuống bếp để tôn trọng giây phút im lặng, mà cô nghĩ là rất quí báu, của người mẹ khả kính. Cô thấy mẹ của mình hôm nay có cái chi khác lạ. Mắt mẹ chan chứa niềm vui và những sợi tóc bạc lòa xòa trên trán mẹ lấp lánh như những sợi hào quang. Mẹ đến gần. Sự an lạc lan rộng tới Thuý An. Cô gái mỉm miệng cười nhưng vẫn giữ im lặng, cô không muốn phá tan giây phút kỳ lạ đến nhiệm màu này.

Ngoài sân, có tiếng chim hót trong trẻo và cao vút giữa bầu trời lồng lộng... ./.

PHẬT TỬ NÊN TÌM ĐỌC

Cuốn **"PHẬT GIÁO VẤN ĐÁP"** song ngữ Việt Anh (dày 250 trang), nguyên tác: "THE BUDDHIST CATECHISM" của học giả Phật tử Hoa Kỳ, người đã phát họa mẫu cờ Phật Giáo Thế Giới, ông H.S. Olcott (1832-1907), do Thượng Tọa Thích Trí Chơn, tốt nghiệp Tiến Sĩ (Ph.D.) Triết Học Phật Giáo tại Ấn Độ, dịch thuật; và Phật Học Viện Quốc Tế tại Hoa Kỳ xuất bản trong mùa Vu Lan Đinh Mão (1987).

Tác phẩm được dịch ra 20 thứ tiếng, in lần thứ 44 năm 1915; và gần 100 năm qua cũng như hiện nay, được dùng làm sách giáo khoa căn bản, dạy Phật Pháp phổ thông bằng Anh văn cho chư Tăng; các học sinh, sinh viên thuộc nhiều Phật Học Đường, Tu viện danh tiếng, và hàng trăm trường Trung, Đại Học Phật Giáo tại các nước Á Châu.

Quý vị muốn thỉnh cuốn sách Phật Giáo giá trị nói trên, xin liên lạc địa chỉ Phật Học Viện Quốc Tế.

CƯ SĨ VÀ VẤN ĐỀ
THỰC HÀNH PHẬT PHÁP

Trần-Chung-Ngọc

Trong Phật-Giáo cư sĩ là những người đã quy-y Tam-Bảo và nguyện giữ 5 giới căn bản. Nhưng hiển nhiên vai trò của cư sĩ không chỉ giới hạn trong tam-quy ngũ-giới mà còn phải tham gia đóng góp công cuộc xây dựng, phát triển các cơ sở Phật-Giáo, truyền bá Đạo-Pháp. Muốn cho những hoạt động trên hữu hiệu, cư sĩ cần phải mở mang kiến thức Phật- Pháp. Tuy nhiên, mọi sự học hỏi để hiểu về giáo Pháp của Đức Phật sẽ trở nên vô ích nếu chúng ta không thực hành Phật-Pháp, nghĩa là nắm vững giáo lý căn bản của đức Phật qua những kinh nghiệm thực chứng bản thân. Thực hành Phật-Pháp là một vấn đề quá rộng lớn, tiềm tàng trong toàn bộ kinh điển Phật-Giáo, được thực hiện dưới thiên hình vạn trạng và trình độ khác nhau, dĩ nhiên không ai biết hết, thực hành hết, và có thể trình bày đầy đủ trong phạm vi một bài báo. Do đó tôi xin tự hạn trong vài điều thực hành căn bản mà tôi cho là quan trọng trong đời sống hàng ngày của một cư sĩ, một đời sống dựa trên một nền tảng hòa hợp, hòa hợp trong gia đình, trong cộng đồng, ngoài xã hội, và hòa hợp với thiên nhiên. Hiển nhiên sự hiểu biết của một cá nhân

bao giờ cũng hạn hẹp, thiếu sót. Tôi hi vọng bạn đọc thông cảm và góp thêm kinh nghiệm về vấn đề này để chúng ta có thể cùng tiến bộ trên đường tu tập.

Căn bản tu tập trong Phật-Giáo là Giới, Định, Tuệ (Huệ), 3 phương pháp tu để đối trị, đoạn diệt tham, sân, si, và tiến tới giác ngộ. Tuy nhiên, theo Tiểu-Thừa Phật-Giáo (xin đừng chấp vào danh từ quen thuộc này), Giới, Định, Tuệ là con đường tu tập của các bậc xuất gia, còn cư-sĩ thấp kém, với những ràng buộc trong gia đình và ngoài xã hội, nên tu theo đường Bố-Thí, Trì-Giới, và Tinh-Tiến. Đại-Thừa Phật-Giáo cho rằng sự giác-ngộ không tùy thuộc ở địa vị, danh xưng trong xã hội, hoặc ở màu áo vàng, nâu, hay trắng, đã phối hợp hai đường tu trên và đưa ra quan niệm về Bồ-Tát, và căn bản tu tập chung cho hai giới xuất-gia và cư-sĩ là 6 độ Ba-La-Mật-Đa : Bố-Thí, Trì-Giới, Nhẫn Nhục (chịu đựng), Tinh-Tiến, Thiền-Định, và Trí-Tuệ. Đây là 6 chủ đề tu tập để đưa hành giả qua bờ bên kia (bờ bên này là mê, bờ bên kia là ngộ), và hiển nhiên Bát-Chánh-Đạo cũng nằm trong 6 Độ này.

Theo Kinh Lăng-Già, sự thực hành mỗi độ Ba-La-Mật được xếp theo 3 cấp : Thường, đặc biệt, và siêu đẳng, tùy theo cách thực hành. Nếu thực hành để tạo công đức, nghiệp lành, hoặc cầu tìm hạnh phúc, an vui, trong hiện tại hay trong tương lai, đó là cấp thường. Nếu thực hành để tiến tới sự giác ngộ cho riêng mình, đó là cấp đặc biệt. Nếu thực hành với trí tuệ Bát-Nhã, nghĩa là với trí tuệ đưa tới sự nhận thức sâu sắc về thực tướng hoặc tính không của mọi Pháp, không những vì sự giải thoát bản thân mà còn vì sự giải thoát của chúng sinh, đó là cấp siêu đẳng. Hiển nhiên lý-tưởng Bồ-Tát thuộc cấp siêu đẳng, và

chỉ khi thực hành ở cấp siêu đẳng này, các Độ trên mới xứng danh là Ba-La-Mật-Đa (Paramita = Đáo Bỉ Ngạn = Qua bờ bên kia).

Nhìn vào thực tế chúng ta thấy rằng, tuy cùng theo một con đường, sự tu tập, nếu có, của đại đa số cư sĩ không ra ngoài cấp thường. Bố-Thí thường giới hạn trong phạm vi tài vật và để tạo công-đức ; Trì-Giới thì nhiều lắm là vài ba giới không giữ trọn vẹn ; Nhẫn-Nhục và Tinh- Tiến khó thực hiện vì đòi hỏi hành giả một sự thấu hiểu chân lý vô ngã, vô thường, và phải hi sinh phần nào những thú vui ngoài đời ; Thiền- Định ít có kết quả vì không để đủ thì giờ vào việc tu tập, không chuyên cần, không đều, và tâm luôn luôn bất an vì những việc ngoài đời ; và dĩ nhiên mức độ phát triển trí tuệ tùy thuộc trình độ tu tập 5 độ trên.

Chúng ta hãy thử tìm hiểu tại sao sự tu tập của giới cư sĩ lại yếu kém như vậy ? Thực tế là, giới cư-sĩ tại gia thường quá bận rộn với công ăn việc làm ở ngoài đời, với những ràng buộc về gia đình và xã hội. Ngày ngày lao động tốt đủ 8 tiếng (nếu không làm thêm giờ) về nhà còn việc nọ công kia, chưa kể đến những mối bận tâm so sánh hơn kém, nhất là khi sống trong những xã-hội đầy tranh đua vật lộn mà hầu như mọi thứ đều do bằng vật chất và đô-la, cư-sĩ còn thì giờ đâu để mà tu tập Phật-Pháp ? Tuy nhiên, nếu phân tích kỹ vấn đề chúng ta sẽ thấy sở dĩ chúng ta không có thì giờ tu tập là vì chúng ta đã quá bị vướng mắc vào một nếp sống vật chất quen thuộc trong đó chúng ta đã để những thì giờ nhàn rỗi trôi qua một cách phí phạm, không có lợi ích thực sự cho bản thân và cho xã hội. Ngoài những giờ bắt buộc phải làm để sinh sống chúng ta còn để khá nhiều thì

giờ vào T.V, ca nhạc, khiêu vũ, đánh bài, hội họp tán gẫu hoặc ăn uống nhậu nhẹt v.v... Chúng ta cho rằng những thú vui giải trí này sẽ mang lại ít nhiều thoải mái sau những giờ phút làm việc mệt nhọc, nhưng xét cho kỹ, những sự gọi là thoải mái này chỉ là nhất thời, không bền, và thường để lại những hậu vị có ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe và tâm trí con người. Thật vậy, những chương trình trong T.V phần lớn khai thác thị hiếu của người coi về những tội ác, sự tàn bạo, và nhục dục của con người. Phòng trà ca nhạc khiêu vũ là nơi để sinh ra tranh dành cãi lộn, không kể đến những ảnh hưởng tai hại của rượu và khói thuốc trên sức khỏe con người. Bài bạc là để ăn thua, ăn thì tiêu hoang phí, thua thì thua vào tiền mồ hôi nước mắt, không kể có thể đưa tới sự thiếu hụt ngân quỹ hoặc đổ vỡ trong gia đình. Hội họp ăn uống nhậu nhẹt tán gẫu thường chỉ là để khoe tài khoe giỏi, khoe sự hiểu nhiều biết rộng, ôn lại quá khứ huy hoàng do thời thế đặc biệt tạo nên, hoặc bàn tán đến chuyện của người khác v..v... Nói tóm lại, không phải là chúng ta không có thì giờ rảnh rỗi mà vì chúng ta đã dùng hết những thì giờ rảnh rỗi vào những việc mà chúng ta cho là vui là thú, trốn tránh thực chất của cuộc đời và quên rằng thời gian qua đi không bao giờ trở lại, và dù chúng ta có níu kéo thời gian cũng không đi chậm lại. Con người mỗi ngày một già thêm và khi tuổi trẻ khí huyết phương cường đã qua, bệnh tật đau ốm tự nhiên sẽ kéo tới nếu chúng ta không thức tỉnh mà lo cho cái thân khi còn trẻ. Chúng ta thường nói : Sức khoẻ là vàng. Điều này chỉ đúng khi chúng ta đang khổ sở vì ốm đau, bệnh tật. Khi khỏe lại rồi chúng ta lại tiếp tục phí phạm sức khỏe, còn gì phi lý hơn ?

Phật-Giáo chỉ cho chúng ta một con đường tu tập thân và tâm một cách quân bình, theo đó không những thân thể chúng ta trở nên khoẻ mạnh, ít ốm đau, mà tâm trí của chúng ta cũng trở nên sáng suốt. Tuy nhiên, vì đã quen với một nếp sống vật chất rồi, nhìn vào con đường tu tập trong Phật-Giáo, chúng ta có ngay định kiến là con đường đó nhạt nhẽo, vô vị. Hơn nữa, thay đổi nếp sống quen thuộc trên là cả một vấn đề khó khăn, nó đòi hỏi một ý chí cương quyết, hay nói cách khác, nó đòi hỏi một sự thức tỉnh ra khỏi những cơn mê ngủ. Đó là những lý do khiến chúng ta ngại ngùng không muốn bước vào con đường hành đạo, vì ít người nhận thức được rằng cái vị của sự tu tập không thể diễn tả bằng lời nói, không thể mua được bằng bất cứ giá nào. Cái vị đó chính là cảnh hạnh phúc, an lạc, của con người trong cõi đời này.

Sự tu tập Phật-Pháp có một sắc thái đặc biệt là tu 1 phần lợi 1 phần, tu 10 phần lợi 10 phần, do đó cư sĩ chúng ta không cần phải dứt bỏ ngay đường trần để đi vào đường lối tu hành của các bậc xuất gia mà chỉ cần lập tâm quyết định bước đầu tiên vào con đường hành đạo, và sau đó cố gắng tu tập sao cho tiến bộ, không thối chuyển. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để tăng trình độ tu tập của giới cư-sĩ mà không vượt ra ngoài khả năng thông thường của một người ? Chúng ta không có cách nào khác là tìm hiểu về 6 Độ Ba-La-Mật kể trên và tìm cách áp dụng chúng vào đời sống hằng ngày. Tuy nhiên, trong phạm vi bài báo nhỏ hẹp này tôi sẽ không đi vào sự phân tích chi tiết mà chỉ đưa ra vài áp dụng căn bản.

Độ thứ nhất là Bố-Thí. Trong Phật-Giáo, bố-thí có nghĩa rất rộng và có rất nhiều loại, nhưng sau đây

tôi chỉ kể tới 3 loại bố-thí chính : Tài vật, vô úy, và Pháp, mà cư-sĩ có thể thực hành không khó khăn.

Bố-Thí-Pháp là nếu có khả năng và hoàn cảnh thuận tiện, thuyết giảng trung thực Phật-Pháp để dẫn dắt chúng sinh ra khỏi bờ mê tiến tới giác ngộ. Đây là hình thức bố-thí cao nhất. Nếu chúng ta quan niệm rằng Phật-Pháp chỉ là những kinh điển Phật-Giáo thì ngày nay, trên thực tế, bố-thí pháp hầu hết như là đặc quyền của những bậc xuất gia. Tuy nhiên, nếu chúng ta quan niệm Phật-Pháp là bất cứ ý kiến, hành động nào có tính cách hướng thiện, cải tiến con người để đi đến việc thấu hiểu và thực hành giáo lý của đức Phật, thì giới cư-sĩ cũng có thể góp phần không nhỏ trong hạnh bố-thí này. Hiển nhiên là vấn đề mở mang kiến thức Phật-Pháp là điều kiện cốt yếu để một cư-sĩ có thể thực hành hữu hiệu hạnh bố-thí pháp. Ngoài ra, thỉnh chư Tăng về nơi mình cư ngụ để thuyết Pháp cho Phật tử trong vùng nghe hoặc góp tiền ấn tống Kinh Phật cũng là những hình thức bố-thí pháp.

Bố-thí vô úy là mang lại sự yên tâm dưới bất cứ hình thức nào, tinh thần cũng như vật chất, cho những người đang ở trong cơn khủng khoảng lo sợ, thí dụ như 1 người nghèo khổ không có cơm ăn áo mặc, 1 em bé đang khóc vì lạc cha mẹ, 1 người mang bệnh lâu ngày chưa khỏi, 1 người già băng qua đường sợ xe cán v..v... Dĩ nhiên những công việc từ thiện xã hội, cứu trợ thiên tai v..v... cũng thuộc loại bố-thí này, cư sĩ chúng ta nên tập thực hiện hạnh bố thí này thành một phản ứng tự nhiên, không đắn đo, không cầu báo.

Bố-thí tài vật là dùng tiền của lương thiện để giúp đỡ những người nghèo khó thiếu thốn khi cần v..v... Đây là sự bố thí chính và dễ nhất mà cư sĩ có

thể thực hiện. Một phương pháp để phát triển và thực hành hạnh này là tập bố-thí một cách không chần chừ, không suy tính, mỗi khi ta có ý định bố-thí. Thí dụ như khi xem T.V thấy cảnh đói ở Ethiopa, hoặc đọc báo thấy những cảnh khổ sỡ trong các trại tị nạn ở Á-Đông, bạn cảm thấy thương tâm và muốn góp phần vào công cuộc cứu trợ của các hội đoàn từ thiện, bạn hãy hành động ngay, đừng trì hoãn, vì khi mối thương cảm đã qua bạn có thể đổi ý, suy tính lại. Ngay lúc bạn cảm thấy thương tâm muốn giúp là bạn đang sống với thiện tâm của bạn đấy. Bạn hãy đi lấy ngay tập ngân phiếu, viết số tiền có thể giúp, cho vào phong bì, đề địa chỉ, dán tem, và nếu có thể đi bỏ thư ngay. Sau đó nếu bạn có tiếc thì cũng đã muộn. Dần dần bạn sẽ thấy tốt hơn hết là sau khi bố-thí quên phứt nó đi cho được việc. Lẽ dĩ nhiên bạn cũng nên áp dụng tinh thần và phương pháp này vào việc cúng dường Tam-Bảo, điển hình là việc góp phần xây dựng các cơ sở Phật-Giáo đứng đắn. Cách tốt nhất là lập nguyện (và giữ lời) đóng góp định kỳ, hàng tháng chẳng hạn, ngoài những đóng góp bất kỳ. Nhiều ít không thành vấn đề, vì cúng dường là một hạnh tu để giảm thiểu sự ràng buộc của con người vào tiền tài của cải vật chất chứ không phải để khoe của. Tuy nhiên, theo Phật-Giáo và đối với giới cư sĩ, cúng dường cần hội đủ 3 điều kiện : Vật cúng dường trong sạch, tác ý trong sạch, người nhận cúng dường trong sạch. Những điều kiện này có tính cách thực tế, hợp với trình độ tu tập của đa số cư sĩ, và hiển nhiên chưa đạt tới tính cách tam luân thể không (không có ý niệm về người cúng dường, vật cúng dường, người nhận cúng dường) của hạnh bố-thí.

Độ thứ 2 là Trì-Giới. Hiển nhiên là ít nhất cư sĩ

phải giữ đủ 5 giới mà cư sĩ đã lập nguyện khi quy-y Tam-Bảo. 5 giới này ai cũng biết tuy nhiên tôi cũng nhắc lại những nét đại cương :

Giới thứ nhất là không giết hại, nghĩa là có lòng từ bi, tôn trọng sự sống của mọi sinh vật. Nhiều người cho rằng giới này rất dễ giữ vì có mấy khi mà ta đi giết người, và ở đây thịt cá đều bán sẵn, có bao giờ ta phải giết gà mổ heo đâu ? Tôi chẳng muốn bàn luận đến vấn đề ăn chay vì không thực tế đối với đa số cư sĩ, nhưng tôi muốn nói rằng sinh vật ở đây gồm cả sâu, kiến, ruồi, muỗi, giun, dế v..v... và mở rộng hơn nữa gồm cả cành cây ngọn cỏ. Vấn đề là trong đời sống hàng ngày chúng ta phải cố gắng giảm thiểu sự giết hại mọi sinh vật. Theo tôi, cư-sĩ Phật-Giáo không nên nghĩ tới những "thú vui" như đi săn, đi câu v..v... đừng nói đến chuyện thực hiện hoặc cổ võ những thú vui sát hại này.

Giới thứ nhì là không nói dối. Tôi hiểu đây là không nói sai sự thực dưới bất cứ hình thức nào mà kết quả là lợi mình, hại người hay làm cho người khác buồn phiền. Điều này bao gồm mọi tuyên truyền, phao tin thất thiệt, nhắc lại những điều mình nghe nhưng không biết rõ v..v... Cách tốt nhất để thực hiện giới này là chúng ta hãy tập nói ít đi và tập sống với thái độ "chuyện đâu bỏ đó".

Giới thứ ba là không được trộm cướp, nghĩa là không được chiếm đoạt bất cứ cái gì, vật chất cũng như tinh thần, dưới bất cứ hình thức nào, nếu không có sự đồng ý của sỡ hữu chủ. Hiển nhiên là lòng tham muốn càng nhiều thì con người càng khó giữ giới này cho nên cách tốt nhất để thực hiện giới này là giảm bớt những sự ham muốn, ít nhất là phải đoạn diệt những sự ham muốn không chính đáng, nghĩa là

những ham muốn mà ta phải dùng tới những mưu mô, thủ đoạn, phương pháp gian xảo để được toại nguyện.

Giới thứ tư nguyên thủy là không được uống rượu sau được đổi là không được uống rượu say sưa, nghĩa là uống tới độ không kiểm soát được hành động, tư tưởng bình thường. Được kể là không bình thường khi người uống có những cử chỉ, hành động khác thường, thí dụ như nói ít đi, nói nhiều hơn, vui hơn, buồn hơn, hoa chân múa tay, nói to tiếng hơn, thích tranh luận v..v... Ngày nay giới này được đổi là không được uống rượu say cũng như dùng những chất ma túy có tác dụng làm mê mờ đầu óc con người.

Giới thứ năm là không được tà dâm. Tà dâm là mọi tư tưởng và liên hệ về xác thịt không chính đáng để có thể gây ra sự buồn phiền cho bất cứ người nào khác. Nói rộng hơn, phàm những sự phóng tâm đắm sắc, nghĩ ngợi bất chánh, chơi bời lả lơi, cũng đều thuộc về tà dâm cả (Phật-Học Phổ-Thông, Khóa thứ I).

Trên nguyên tắc, bố-thí và trì-giới là 2 hạnh tu để đối trị và đoạn diệt lòng tham. Tuy nhiên, tu hạnh bố-thí ở cấp thường và giữ 5 giới như trên chỉ có thể mang tới cho cư sĩ chúng ta một đời sống vị tha, lương thiện và có chừng mực chứ không đủ để đoạn diệt những sự ham muốn ở trên đời. Chúng ta phải thẳng thắn nhìn nhận rằng : Sống trong một xã hội mà hầu như mọi thứ đều đo bằng vật chất và đô-la, không nhiều thì ít chúng ta đã bị lôi cuốn vào guồng máy vật chất trong đó có biết bao nhiêu thứ để khơi lòng ham muốn của chúng ta : Quần áo, son phấn, của ngon vật lạ, tiền tài, xe cộ, nhà cửa, bằng cấp, danh vọng, chức tước, uy tín, tiếng tăm v..v... Do đó, thay vì đoạn diệt,

chúng ta nên đặt một mục đích khiêm tốn hơn nghĩa là cố gắng giảm thiểu những sự ham muốn. Khi chưa thoát ra khỏi guồng máy vật chất được, chúng ta vẫn phải sống với nó, nhưng vấn đề ở đây là sống như thế nào để bớt lệ thuộc vào những đối tượng ham muốn. Điều này đòi hỏi một triết lý sống hay là một lối sống hợp cách trong đời sống hàng ngày. Lối sống này cũng không ra ngoài Giáo-Pháp của Đức Phật và dựa trên 2 độ Ba-La-Mật Nhẫn-Nhục (chịu đựng) và Thiền-Định. Đó là một lối sống giản dị, cho nó là đủ thì đủ, khiêm nhường và chịu đựng. Muốn có lối sống này chúng ta phải tu tập một thái độ thản nhiên, không so bì, có cũng được mà chẳng có cũng được. Xin đừng coi đây là một thái độ chán đời tiêu cực. Trái lại đây là một thái độ tích cực, tích cực ở chỗ chúng ta không để cho cái vỏ vật chất lôi kéo mà chúng ta điều động vật chất trong thế chủ động. Điều này thực hiện không khó tuy đòi hỏi một chút nghị lực và một lòng tự tin. Sau đây là phần nguyên tắc : Bạn chỉ cần áp dụng một nguyên lý căn bản trong Phật-Giáo, đó là, khi tâm bạn không bị vướng mắc vào một vấn đề nào đó thì vấn đề đó không còn là vấn đề đối với bạn nữa. Để cho dễ hiểu tôi xin lấy vài thí dụ : Khi tâm của một vị cao Tăng đắc đạo không còn vướng mắc vào vấn đề sanh tử, vấn đề sinh tử trở nên mất hiệu lực và không còn áp dụng được cho vị này nữa và mặc nhiên vị này hết bị ràng buộc bởi vòng sinh tử (không phải là thoát khỏi vòng sinh tử). Khi bạn không tham tiền thì mang tiền đến dụ bạn làm việc bất nhân phi nghĩa là một việc vô hiệu vì giá trị của đồng tiền không áp dụng được cho bạn, và mặc nhiên bạn sẽ không dùng những phương pháp thủ đoạn gian xảo để kiếm tiền ; khi bạn không ham

sắc thì mang sắc đến để quyến rũ bạn là một việc không có hiệu quả v..v... Áp dụng nguyên lý trên trong đời sống hàng ngày, nếu bạn quan niệm rằng quần áo chỉ để che thân, thức ăn chỉ để nuôi sống cái thân tạm bợ, chiếc xe chỉ là phương tiện di chuyển, nhà cửa chỉ để che mưa tránh gió, hột xoàn chỉ là viên đá trang sức v..v... thì mặc nhiên những sự khác biệt giữa những bộ quần áo đắt tiền và rẻ tiền, mốt này mốt nọ ; cao lương mỹ vị và bát cơm gạo lức muối mè rau đậu ; chiếc xe BMW và chiếc chevette ca tàng, nhà lớn và nhà nhỏ, hột xoàn hay không hột xoàn v..v... không còn là những mối bận tâm của bạn nữa. Xin bạn đừng "cưỡng ép tư tưởng" và phủ nhận sự khác biệt giữa những cặp so sánh trên. Vấn đề ở đây là những sự khác biệt đó vô hiệu lực và đối với bạn không áp dụng được vì bạn không bận tâm về chúng chứ không phải chúng không có ở trên cõi đời này. Lẽ dĩ nhiên nếu bạn có đủ khả năng kiếm tiền một cách lương thiện bạn vẫn có thể có một cái nhà lớn, xe tốt v..v... nhưng đừng bao giờ có ý niệm so sánh phân bì hơn kém.

Nếu bạn thực sự sống với nguyên lý trên, tự nhiên đời sống của bạn là một đời sống giản dị, khiêm nhường, chịu đựng, không xa hoa phù phiếm, không chạy theo thời trang, không khoe khoang, không tủi hổ, không tự tôn, không tự ti, không bận tâm về giàu nghèo sang hèn hơn kém, và hiển nhiên là hòa hợp trong mọi hoàn cảnh. Lối sống trên thực ra không có gì khác là áp dụng phần nào hai độ Nhẫn-Nhục và Thiền-Định, vì nhẫn nhục chẳng qua là sự chịu đựng trong mọi hoàn cảnh, và thiền định chẳng qua là giữ để cho tâm không bị chi phối bởi ngoại cảnh, nhờ đó mà trí huệ Bát-Nhã phát triển. Hai độ này là hai

phương pháp tu tập để đối trị và đoạn diệt lòng sân hận.

Để có thể tu tập được lối sống trên tôi đề nghị một phương pháp Thiền quán như sau : Bạn hãy tập ngồi Thiền trước một tấm gương và bắt đầu bằng 5 phút kiểm điểm. Bạn hãy nhìn vào khuôn mặt khôi ngô, dễ coi của bạn ở trong gương (ai cũng thấy trên mặt mình có những nét khôi ngô, dễ coi) và kiểm điểm xem trong 24 giờ qua bạn đã có những tư tưởng, hành động nào đáng thẹn với khuôn mặt trong gương ? Những hành động tư tưởng này thường xuất phát từ tà tâm. Nếu có, bạn hãy lập nguyện sẽ không tái phạm những điều trên nữa và tự hứa sẽ làm nhiều việc thiện để hóa giải những tư tưởng hành động bất thiện của bạn trong quá khứ. Bạn cũng hãy kiểm điểm đời mình trong những năm tháng qua : Những cảm giác vui cũng như buồn, đau khổ cũng như hạnh phúc, những cảnh xum họp cũng như chia ly, những ý niệm "hơn người" cũng như "kém người", những sự phân biệt giàu nghèo sang hèn hơn kém v..v... bây giờ chúng ở đâu ? Tất cả đã chẳng như huyễn, tuần tự trôi qua và tan biến như những cảnh trong một giấc mơ hay sao ? Rồi bạn hãy tự hỏi : Tại sao ta lại phải vướng mắc vào những cái mà ta biết chắc rằng không bền và không thể mang theo vào lòng đất lạnh ? Sau một thời gian thiền quán như vậy bạn sẽ thấy đời là một cuộc hí trường và bạn có thể mỉm cười trước mọi hoàn cảnh.

Sau cùng là hai độ Tinh-Tiến và Trí-Tuệ, hai chủ đề tu tập để đối trị và đoạn diệt độc si. Trong Phật-Giáo Tinh-Tiến có nghĩa là sự cố gắng thường xuyên trong Thiền-Định và mọi hạnh tu khác để tiến tới sự giải thoát và giải thoát mọi chúng sanh. Tuy

nhiên, đối với giới cư sĩ, Tinh-Tiến là sự cố gắng học hỏi về giáo lý cũng như về thực hành ở trong Đạo, và cố gắng tiến bộ trong đời sống vật chất ở ngoài đời. Đối với các bạn trẻ tôi có một lời khuyên : Các bạn nên đầu tư vào việc học hành và trao giồi kiến thức Phật-Pháp, học hành để mở mang trí tuệ thông thường, trau giồi kiến thức Phật-Pháp để mở mang trí tuệ Bát-Nhã. Sống trong các xã hội Âu Mỹ, bằng cấp quả thật rất hửu dụng, và cái lời thu vào gấp bội cái vốn bỏ ra, lời đây không hẳn chỉ về tiền bạc, địa vị. Nếu bạn có một mức sống kinh tế thoải mái trong cái xã hội vật chất này cộng thêm với môt kiến thức về Phật-Pháp để giúp bạn sống một cuộc đời vị tha, ít vướng mắc vào cái vỏ vật chất, thì mảnh đất tha hương này kể cũng là nơi đáng sống. Hiển nhiên sự mở mang trí tuệ Bát-Nhã tùy thuộc ở 5 hạnh tu trên, nhất là Thiền-Định. Nói một cách khác, mức độ phát triển trí tuệ tùy thuộc ở trình độ tu tập 5 độ trên, trình độ tu tập càng cao, thì trí tuệ phát triển, trí tuệ càng phát triển thì trình độ tu tập càng cao, và chúng cứ kéo nhau như vậy cho tới khi sự thực hành 6 độ Ba-La-Mật đúng là Ba-La-Mật-Đa.

Viết bài này tôi đã dựa trên sự hiểu biết và thực hành bản thân, một cư-sĩ thông thường như tất cả mọi cư-sĩ khác. Tôi không có mục đích nào khác là khuyến khích bạn đọc phát tâm hành Đạo và tăng tiến trên đường tu tập. Tuy nhiên, căn cơ mỗi người mỗi khác, do đó những kinh nghiệm bản thân và các phương pháp đề nghị chẳng qua chỉ là một sự gợi ý. Trong rừng Giáo-Lý Phật-Giáo có muôn ngàn cách để áp dụng chúng vào đời sống hàng ngày, tôi hi vọng mọi người đều tìm ra được 1 phương pháp hợp với căn trí của mình. Nhưng dù là phương pháp nào đi chăng

nữa, theo tôi, tiêu chuẩn tu tập cũng không ra ngoài 3 điểm căn bản : Đừng làm những việc ác, việc không chính đáng (Chủ ác mạc tác : Phản ảnh tinh thần tạng Luật), cố gắng làm nhiều việc thiện, lành (Chúng thiện phụng hành : Phản ảnh tinh thần tạng Kinh nhất là Đại-Thừa), và giữ tâm cho thanh tịnh (Tự tịnh kỳ ý : Phản ảnh tinh thần tạng Luận). Tuy nhiên, phong vân bất ngẫu nhiên, sự thành công và danh tiếng không phải ngẫu nhiên có được mà do sự cố gắng thường xuyên để tiến bộ.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Quyển **Tịnh-Độ Đại-Thừa Tư-Tưởng-Luận** do Thượng-Tọa Thích-Đức-Niệm soạn dịch với nội dung phong phú, tư tưởng đặc thù. Tập-San Phật-Giáo Thống-Nhất trân trọng xin giới thiệu đến quý đọc giả, nhất là hành giả tu tịnh nghiệp không nên thiếu quyển sách giá trị nầy./.

HOÀI-NGHI VÀ NIỀM-TIN

Đồng-Trúc Thái-Văn-Bá

Trong lịch sử các tôn giáo, người ta thường nói rằng không có một tôn giáo nào khác có tự do tư tưởng như Phật-Giáo. Vì sự tự do nầy rất cần thiết ; theo quan niệm của Phật-Giáo thì sự giải thoát của con người đều tùy thuộc vào sự trực nhận của chân lý chứ không phải vào sự ân huệ của một vị thần linh hay bất cứ một quyền năng bên ngoài nào ban hưởng cho sự vâng lời của nó.

Theo Phật-Giáo, vị trí con người là tối thượng, con người là một chủ nhân ông của chính mình và không có một thực thể và quyền năng nào trên cao để định đoạt số phận của nó. Nên đức Phật đã dạy : "Người là nơi nương tựa của chính mình, không còn ai khác nữa đâu để làm nơi nương tựa".

Đức Phật đã dạy và khuyến khích mỗi người hãy tự tu tập để tìm sự giải thoát cho chính mình, vì con người có năng lực giải thoát mình ra khỏi mọi ràng buộc bằng trí tuệ và nổ lực riêng của mình.

Chúng ta đến với đạo Phật, tức là chúng ta đã tìm thấy được sự lợi ích của đạo Phật đem lại cho chúng ta về mặt chơn thường, chơn ngã, chơn tịnh. Dẫu sao chăng nữa, một điều mà không thể chối cãi được là bao lâu còn có hoài nghi, hoang mang hay do dự thì

không thể nào có tiến bộ. Theo quan niệm của Phật-Giáo cũng không thể chối cãi được rằng hoài nghi không tránh được khi con người không hiểu rõ, hay không thấy rõ về giáo lý của đức Phật ; hay nói một cách khác muốn khỏi hoài nghi ta cần hiểu và thấy rõ. Vấn đề đặt ra ở đây, không phải là ta không nên hoài nghi, hay ta nên tin tưởng. Chỉ nói rằng "tôi tin đạo Phật" không có nghĩa là mình đã thấy và hiểu rõ về đạo Phật ; nếu tự buộc mình vào sự tin tưởng một điều gì mà mình không hiểu gì hết, đó là một thái độ chính trị, không phải là một thái độ về tâm linh hay trí thức.

Bởi vậy theo giáo lý của đức Phật hoài nghi (Vicikicchà) là một trong năm trở ngại cho sự hiểu biết về chân lý và tiến bộ về tâm linh (Nivarana). Tuy nhiên nghi ngờ, hoài nghi trong Phật-Giáo không phải là một tội lỗi bởi vì trong Phật-Giáo không có những tín điều. Quả thật vậy, trong đạo Phật không có tội lỗi hiểu theo nghĩa tội lỗi trong vài tôn giáo khác. Theo giáo lý của đức Phật đặt vấn đề cội rễ cũa sự xấu xa là vô minh (Avijja) và tà-kiến (Micchàditthi).

Người ta thường hỏi : Phật-Giáo là một tôn-giáo hay một triết-học ? Phật-Giáo là một tôn-giáo hay một chính-trị ? Chính những câu hỏi đó xuất phát từ Vicckicchà tức là nghi trong sự không hiểu biết, hay không thấy rõ. Gọi nó là gì điều ấy không quan trọng. Phật-giáo vẫn là Phật-giáo, dù ta có dán lên đó một nhãn hiệu nào đi nữa cũng chỉ là điều phụ thuộc. Cái tên mà ta đặt cho PHẬT-GIÁO là điều chẳng mấy thiết yếu. Bởi vì chân lý không cần có nhãn hiệu, nó không là Phật-Giáo, Hồi-Giáo, Ấn-Độ-Giáo v.v... lòng tin theo chân lý không là độc quyền của ai. Những nhản hiệu về tôn phái là một trở ngại cho sự hiểu biết chân lý một cách tự tại và chúng làm phát sinh những

thành kiến tai hại trong tư tưởng con người. Muốn có sự trực nhận của chân lý và được sự giải thoát, trước hết ta phải đoạn trừ được hoài nghi và chính ta phải tự tạo lòng tin và đi trên con đường chân lý để đến giải thoát. Bởi vậy theo đạo Phật ; con người, và chỉ có con người mới có thể thành Phật, và mỗi người đều có khả năng trở thành một đức Phật nếu muốn và nổ lực. Như vậy làm thế nào để có một niềm tin ?

Hầu hết các tôn giáo đều được thiết lập trên đức tin ; nhưng đối với Phật giáo thường nhấn mạnh trên sự thấy rõ, hiểu rõ và lãnh hội chứ không phải trên lòng tin. Do sự sưu tầm trong các kinh điển của Phật-giáo danh từ Saddhà (Skt. Sraddhà) không phải là đức tin theo nghĩa thông thường, mà đúng hơn là "Tín" tức là phát sinh do sự quyết đoán. Tuy nhiên cách dùng thông dụng nơi các đoạn kinh có một phần ý nghĩa là đức tin theo danh từ Saddhà khi nó được giăng theo ba ngôi báu Phật-Pháp-Tăng (Bouddha-Dhamma-Sangha).

Một triết gia vĩ đại về Phật-Học vào thế kỷ thứ IV đó là Ngài Vô-Trước đã phân tách về lòng tin có ba phương diện :

I. Sự tin tưởng chắc chắn và toàn vẹn về một điều gì.

2. Sự thanh thoát trong niềm vui trước những đức tính và

3. Sự ước vọng hoàn thành một mục đích theo đuổi.

Dù hiểu thế nào đi nữa, ĐỨC-TIN hiểu theo nghĩa phần đông các tôn giáo" có rất ít liên quan đến đạo Phật. ĐỨC-TIN hay lòng tin phát sinh khi không có sự thấy rõ, nếu thấy, thì chỉ thấy với mọi ý nghĩa của danh từ. Nếu khi được thấy rõ, vấn đề Đức-Tin, lòng tin biến mất. Thí dụ tôi nói với quý vị tôi có một hột ngọc dấu trong nắm tay tôi ; vấn đề tin tưởng hay phát sinh chính vì quý vị không thấy được viên ngọc trong tay tôi.

Nhưng nếu tôi mở nắm tay ra và chỉ cho quý vị thấy viên ngọc, thì lúc ấy chính quý vị thấy nó và vấn đề tin tưởng lại không đặt ra nữa. Bởi vậy trong kinh Phật có câu : "Nhận biết như người ta thấy trái A-Ma-Lặc hay viên ngọc trong bàn tay".

Giáo lý của đức Phật luôn luôn đặt vấn đề biết và thấy để tự diệt trừ những tật xấu xa bất tịnh, là cốt để cho mọi người đã thấy và biết chứ không phải là để tin.

Do đó, theo quan điểm của Phật-Giáo, người nào đã thấy chân lý, đã thâm nhập vào chân lý và đã vượt ra khỏi hoài nghi, tức là người ấy không còn do dự và với trí huệ chân chính thấy sự vật đúng với sự vật đó là sự thấy rõ, hiểu rõ, biết rõ qua trí hay kiến chứ không phải sự tin tưởng qua đức tin

%%%%

LỜI PHẬT DẠY : Không có hạnh phúc nào bằng sự yên tĩnh của tâm hồn.

NỖI BUỒN THIẾU PHỤ

Nàng có cái dáng dấp của một vị nữ tu. Vóc người mảnh mai, đôi mắt buồn xa dịu vợi. Nàng mặc chiếc áo dài màu đen, hai tay chắp trước ngực, mắt nhìn thẳng lên hình Phật tổ, miệng lâm râm khấn nguyện nhưng chẳng ai biết nàng đang cầu xin việc gì. Tôi gặp nàng vào dịp đi lễ chùa Viên-Quang ngày chủ nhật. Tôi có thói quen hàng tuần vào ngày chủ nhật thường bỏ tất cả công việc nhà để đến chùa. Tôi tự biết rằng mình tu hành chẳng được tinh tấn cho lắm nên thường đến chùa trước để sám hối bao nghiệp tội, sau thích cái vẻ trang nghiêm ở nơi đây. Vã lại, cũng tại đây tôi được gặp các đồng hương kể cho nhau nghe những thắng cảnh ở các tỉnh mà các đạo hữu đã cư ngụ lúc còn ở VN.

Sau khóa lễ, trong giờ thọ trai ở nhà khách, tôi vì tánh tò mò nên đến hỏi thăm nàng. Nàng nhỏ nhẹ cho biết :

- Lẽ ra em ký hương linh của nhà em ở chùa, nhưng suy nghĩ lại nên đành thôi.

Tôi hơi ngạc nhiên :

- Xin lỗi, tôi vô tình khơi lại chuyện buồn gia đình chị. Anh mất năm nào và làm sao anh ấy tạ thế vậy.

Câu chuyện hơi dài, để em từ từ thuật lại. Sau khi em đậu xong tú tài toàn phần, em ghi danh vào đại học văn khoa với mộng ước sau này ra trường đi dạy học. Trong lúc em đạp xe về nhà thì một chiếc xích

lô máy chạy ẩu đụng vào em khiến em văng vào lề đường. Lúc ấy có một chiếc vespa trờ tới thắng lại, gọi taxi chở em vào bệnh viện. Khi em tỉnh dậy thấy có một thanh niên đứng trước giường bệnh của em. Chàng nhã nhặn cho biết vì thấy em bất tỉnh nên mới đem em vào đây và chờ em tỉnh dậy hỏi địa chỉ để thông báo cho gia đình em biết. Sau đó, em mới được biết tên anh ấy là Nghi, sĩ quan pháo thủ, mang cấp bậc đại úy vừa mới được phép thường niên về thăm gia đình.

Chuyện đời nó không giản dị như mình tưởng đâu anh ạ. Kể từ hôm ấy, ngày nào Nghi cũng đến thăm em, khi thì mang bó hoa, lúc mang chục cam hay vài hộp sữa. Lần lần tình cảm của em nghiêng về phía anh Nghi quá rõ rệt. Bảy ngày sau em xuất viện và anh Nghi theo gia đình em đưa em về nhà. Ba mẹ em cũng có cảm tình với anh Nghi. Hai ngày sau nữa thì em bình phục hẳn. Anh Nghi xin phép ba mẹ đưa em đi dạo phố để tinh thần được sảng khoái. Em cũng cảm thấy sau chín ngày nằm trong bệnh viện và ở nhà như là một chuỗi dài đăng đẳng. Được sự đồng ý của ba mẹ nên chúng em đi phố vui vẻ lắm. Trước ngày lên đường trở lại đơn vị anh Nghi cho biết anh ấy thương em và muốn cưới em làm vợ.

- Anh không phải vì đưa em vào bệnh viện mà lợi dụng tình cảm của em. Anh nghĩ rằng giữa hai chúng ta có một tình cảm và nó ràng buộc từ kiếp trước vậy. Nhưng để cho việc học hành của em không bị dở dang, anh định chừng nào em ra trường chúng mình hãy làm đám cưới.

Cuộc tình của chúng em đẹp như bài thơ. Anh Nghi hành quân ở đâu cũng đều biên thư về cho em và không quên kể những địa danh nơi đó. Những

ngày nghỉ phép anh Nghi về lại Sài-Gòn đưa em đi phố, đi ăn ở Thủ-Đức, Lái-Thiêu v.v... Anh Nghi có cái hào hoa của người chiến sĩ quân lực Việt-Nam Cộng-Hòa, chứ không phải như bọn hủi sau này. Sau bốn năm em ra trường và anh Nghi được thăng thiếu tá. Chàng thăng quan, nàng tiến chức phải không anh. Lên chức cô giáo và cũng tiến chức bà thiếu tá. Nhưng em ghét ai gọi em là bà thiếu tá lắm, bởi em có ở trong quân đội ngày nào đâu mà chức này chức nọ. Các bà ngồi đánh tứ xấc với nhau cứ mỗi lần mở miệng là gọi chức vụ của chồng khiến người bên ngoài nghe muốn buồn nôn. Chị đại tá đánh đi chứ hay bài của bà trung tá này rác dử lắm. Lật bà thiếu tướng khi anh chàng sĩ quan trẻ tuổi đẹp trai ngồi bên nói bóng gió như vậy. Lính tráng thì đổ xương máu ngoài mặt trận để cho các bà có chức hưởng sự phù phiếm xa hoa này. Các bà đâu có lo gì cho lính tráng ? Bên cạnh ông chồng với hàng khối lính ma, lính cậu thì tha hồ hốt bạc để mua sắm nữ trang và biết đâu anh chàng sĩ quan trẻ tuổi kia chẳng là gì của bà tướng, bà tá kia ...

Đám cưới tụi em vừa xong được gần sáu tháng thì đến ngày sập tiệm. Vợ chồng cô giáo Mộng-Hoàng lo trình diện để học tập. Tên em là Mộng-Hoàng. Phần em thật ra chẳng lo, chỉ bận tâm cho anh Nghi bởi viện ngụy quân. Rồi ngày trình diện đã đến. Em rớt nước mắt khi tiễn chồng nhập trại tù. Em khăn gói về ở với ba mẹ. Trời ơi ! Xuất giá phải tòng phu, nay chồng vô trại tù chẳng lẽ em phải vô ở chung sao. Gia tài của chúng em chỉ có căn nhà mướn, nay trả lại chủ thật chẳng có gì trở ngại. Nhiều đêm em thức trắng nghĩ rằng không biết giờ này chồng ra sao. Sáu tháng ăn ở với nhau sao quá nhanh như bóng câu qua

khung cửa. Buồn với nỗi buồn thiếu phụ trông chồng từ ngàn dặm sơn khê. Chàng ra quan ải với thân hình tiều tụy, đôi bên với những dép râu cùng súng đạn A.K chỉa tua tủa.

Ba năm sau em ra Hà-Nội thăm chồng. Em không thể tưởng tượng được vì trước mắt em là anh Nghi đây sao ? Mới ngày nào anh Nghi hào hùng trong bộ quân phục với phù hiệu binh chủng pháo binh đây mà. Hôm nay trông anh Nghi như một bộ xương biết đi. Em cảm thương chồng nên bật khóc. Nhưng than ôi ! Loài quỷ đỏ tiếc chi đến những giọt nước mắt khóc thương chồng chúng lại chẳng cho. Chúng hò hét, chửi bới đòi cắt giờ thăm nuôi. Kẻ chiến thắng lại hay áp đặt lên đầu lên cổ người ta một thứ luật rừng. Sau này về nhà em suy nghĩ mà thấy thương cho bọn chúng. Bọn chúng thất học và chỉ biết rập khuôn theo một bài học quá lô-gít là cứ tiến tới, chém giết. Bài học sặc mùi máu tanh, đến khi hiểu ra thì đã muộn rồi. Nên em không giận bọn chúng. Em có đọc "Đường xưa Mây Trắng" của thầy Nhất-Hạnh viết về cuộc đời của Phật, có ghi đoạn Phật dạy tu sĩ Rahula như thế này :

- Này Rahula, con hãy theo hạnh của đất. Dù người ta đổ và rải lên đất những thứ tinh sạch và đẹp như hoa, nước thơm và sữa thơm hoặc người ta đổ lên đất những thứ dơ dáy hôi hám như phân, nước tiểu và máu mũ, hoặc người ta khạc nhổ xuống đất thì đất cũng tiếp nhận tất cả những thứ ấy một cách thản nhiên, không vui vẻ mừng rỡ mà cũng không chán ghét tủi nhục. Cũng như thế, khi những cảm thọ khoái lạc hoặc buồn khổ phát sinh, con đừng để cho chúng làm nhiễm loạn tâm con và chiếm cứ lòng con.

Những ngày sau em càng thấy tội nghiệp cho cán

bộ cộng sản bởi sự phĩnh gạt trắng trợn của bọn lãnh đạo đầu não Hà-Nội. Chúng đi giữa thành phố Sàigòn với gương mặt ngơ ngơ, ngáo ngáo. Giống như ếch nằm đáy giếng : "Kể từ khi mới lọt lòng, cả đời ếch chỉ biết giòng giếng sâu". Những chàng bộ đội vừa đi vừa chạy giữa thành phố trông như khỉ mắc phong. Lúc ấy lại phát xuất ra danh từ đồng hồ một cửa sổ, hai cửa sổ không người lái. Đài này, đài nọ nghe qua ngô nghê làm sao ấy. Mấy mươi năm ở trong rừng xanh chỉ biết cỏ cây, mây nước. Theo em nghĩ những người bộ đội này không có được một giây phút ngắm ánh trăng soi giòng nước lại hô hào giải phóng miền Nam. Họ chỉ biết có hận thù ? Đức Phật cũng đã dạy : "Hận thù không thể xóa được hận thù. Chỉ có lòng từ bi mới xóa được hận thù". Nói với cộng sản bằng từ bi bác ái cũng như đàn khảy tai trâu. Lương tâm của bọn chúng đã đánh mất từ lâu, nếu không bọn chúng đâu có chụp mũ chùa chiền, nhà thờ là nơi chứa chấp các phần tử phản động. Một danh từ hết sức độc ác. Để chi ? Chúng lấy các nhà thờ, chùa viện làm trụ sở cho các thanh niên ca hát bậy bạ làm mất đi vẻ tôn nghiêm những nơi thờ phượng. Một chuyện khác thật buồn cười là nơi trường em dạy, sau ngày giải phóng, ngay tại sân chơi của các em học sinh, chúng bắt các em xới đất lên hết để trồng chuối. Nền giáo dục nước nhà bắt đầu đi xuống từ đấy, vì bên cạnh đó các em được học những bài học ca tụng chế độ cộng sản kiêu hùng, quan thầy Liên xô vĩ đại. Những em bé chăn trâu dụ Mỹ cho ong đốt để cướp súng đạn. Anh nông phu vừa cày vừa bắn hạ máy bay Mỹ. Thật là một sự tuyên truyền lố bịch chưa từng thấy. Con ngụy quân, ngụy quyền bị đuổi ra khỏi trường học, nhưng bọn chúng miệng

lúc nào cũng khoác lác là khoa học tiến bộ, xã hội chủ nghĩa ưu việt. Xuống hố cả nút. Xã hội V.N sau này còn tồi tệ gấp trăm lần chế độ VNCH. Con người trở về thời đại đồ đá, từ người xuống vượn tiến rất nhanh và người dân chỉ còn biết ngồi khoanh tay chờ chết.

Có một buổi sáng em bẻm nhỏ từng miếng khoai mì cho chim sẻ ăn. Bổng vô tình em thấy một con chim mẹ bay xuống ăn vội vã rồi bay trở lên mớm lại cho con. Nhiều lần như vậy, chim mẹ chỉ biết nhường cho con, riêng phần mình chẳng có gì hết. Loài chim còn biết thương yêu, đùm bọc cho nhau, khác hơn con người lúc em còn ở Pulau Bidong. Khi mà người ta có chức vụ trong tay, người ta quên hết những ngày trong lao tù cộng sản. Quên cả lúc lang thang để tìm đường giây vượt biên. Quên cả cảnh vợ con mình bị hải tặc hãm hiếp. Người ta nắm được chức vụ rồi tỏ ra hống hách với đồng hương. Loài chim còn biết nhường nhịn, thương yêu nhau. Trái lại con người lại thích xâu xé, đâm thọt để hại nhau. Hội đoàn mọc lên như nấm, nhưng có một hội đoàn nào biết nghĩa đồng bào, tình dân tộc thì bị các hội đoàn khác tìm cách hạ sát ván. Tình trạng này nếu cứ kéo dài mãi thử hỏi biết bao giờ rút ngắn được ngày về quê hương ? Càng tồi tệ hơn nữa, một số người du lịch về V.N viện đủ lý do để tìm cách buôn bán giao thương với việt cộng. Làm kinh tài cho việt cộng bằng các băng video cải lương, tân nhạc v.v...

Năm 1985, anh Nghi được thả về, chúng em xum họp với những hàng nước mắt. Anh Nghi tiều tụy quá ! Sau đó, em được biết cán bộ cộng sản bắt tù nhân lao động khổ cực, làm nhiều, ăn ít, toàn là bo bo, bột mì luộc thì làm sao có được chất dinh dưỡng. Tất cả tù nhân hai hàm răng đều rụng gần hết. Đó là

một chế độ khoan hồng thực tế của cộng sản đấy ? Nhưng lúc nào mở miệng đều rập khuôn "tội các anh trời không dung, đất không tha". Chỉ có bọn chúng tha thôi. Tha để hành hạ, sỉ nhục, rình rập, đánh đập khảo tra cho nát nhừ thân xác, đó là thủ thuật của bọn chúng.

Ngày trước những tên cộng sản bị ta bắt, mình đã đối đãi hết sức tử tế với bọn chúng. Ấy thế, có những hôm nhà thầu nấu cơm hơi nhão là bọn chúng làm reo, xách động không ăn để đến nỗi quản đốc trại tù phải cho nấu lại. Ngày nay, anh chị em chiến sĩ đi tù mơ một bửa cơm đầy đủ dù phải chan với nước cá kho cũng chẳng có. Đổi đời đến thế sao ?.

May thay, năm 1986 vợ chồng em được một người bạn thương tình cho hai chỗ để vượt biên tìm tự do. Hai chữ tự do quá đắc anh ạ. Hai ngày hai đêm lênh đênh trên biển cả và sáng ngày thứ ba chúng em gặp bọn hải tặc. Bọn chúng định lùa đàn bà con gái sang tàu để hãm hiếp. Trên tàu có 15 anh em quân nhân, các anh ấy anh dũng chiến đấu để bảo vệ vợ con không cho bọn chúng làm hại. Nhưng với sáu chiếc tàu hải tặc vây quanh nên lần lần các anh ấy yếu thế và từng người một bị bọn chúng đánh ngả xuống biển, trong số đó có anh Nghi. Em kêu rú lên khi thấy bọn hải tặc chém một nhát búa vào đầu anh Nghi, anh ngả ngay xuống biển. Em như điên loạn, gào thét, nguyền rủa sự dã man của bọn chúng. Rồi số phận đàn bà, con gái trên tàu sau đó cũng giống như các phụ nữ khác khi gặp hải tặc. Ê chề ! Nhục nhã và ngút ngàn thương đau.

Luận Bảo-Vương Tam-Muội, đức Phật đã thiết lập chánh pháp : "Lấy bịnh khổ làm thuốc hay, lấy hoạn nạn làm thành công, lấy gai gốc làm giải thoát, lấy ma

quân làm đạo bạn, lấy khó khăn làm sự tác thành, lấy bọn tệ bạc làm người giúp đỡ, lấy kẻ chống nghịch làm người ngao du, xem sự thi ân như đôi dép bỏ, lấy sự xã hội làm vinh hoa, lấy oan ức làm đà tiến thủ. Do đó, ở trong chướng ngại mà vượt qua tất cả". Đề -Bà quấy phá mà Phật đã giáo hóa cho thành đạo cả. Như vậy há không phải sự tác nghịch chính là sự giúp đỡ cho ta sao ?

Từ ngày có bọn người hồ hởi khi chiếm toàn bộ miền Nam đã xảy ra vô số chia ly. Trước đó không ai nghĩ chuyện chia ly hay rời bỏ thành phố, thị xã phiêu bạt phương trời mù mịt. Tỉnh lỵ như một cái nôi êm ấm ru ngủ đời sống. Cái nôi đu đưa nhẹ nhàng đều đặn. Đời sống ít phiền muộn, nhiều thiết tha. Và hạnh phúc bình thường, đơn giản. Bây giờ phiền muộn nhiều, xót xa lắm ...

Trong cái chia ly với biết bao muộn phiền và sân hận. Và em nghĩ sân hận (dosa) là một tật xấu có sức tàn phá vô cùng khốc liệt. Để đối diện với lòng sân, tâm "Từ" (mettà) là một đức độ nhẹ nhàng êm dịu làm cho con người trở nên cao thượng, tuyệt luân. Nhìn ảnh đức Từ Phụ ta thấy tâm mình như lắng đọng phiền muộn.

Hôm qua em được tin buồn, có một em bé cháu đạo hữu Diệu Tâm ở California bị xe đụng văng ra ngoài dập gan chết tại chỗ. Theo sự suy luận của em chắc cháu bé này tiền kiếp còn mắc nợ gia đình anh Tư, nên phải đầu thai để trả cho hết 7 năm ở gia đình này. Đời là một kiếp luân hồi. Ở Mỹ tu hành đâu phải dễ, biết bao sự cám dỗ làm nản lòng quý thầy. Còn giữ giới luật được thật quả là một điều cho mình cúi đầu cung kính.

Như em đã nói với anh tại sao em không ký hương

linh anh Nghi ở chùa Viên-Quang này. Bên nhà đã gởi một tấm ảnh anh Nghi lúc còn học ở Thủ-Đức với khẩu garant đeo bên vai. Em để trong phòng em và mỗi tối trước khi đi ngủ em không quên khấn nguyện cho anh Nghi sớm được siêu thoát. Con đường khổ cực của anh Nghi đến đây đã chấm dứt. Chết là yên nghỉ. Chết là không còn vướng bận những sự việc tham quyền cố vị ở trần gian. Biết bao người vì hai chữ "chức tước" mà một đời thân bại danh liệt. Ôi ! Hai chữ này đọc thì thấy nó to lớn nhưng mà nó mong manh làm sao ấy. Càng đeo mang thì nghiệp chướng càng nặng. Tại sao ta cứ vác mãi nghiệp chướng trên vai, không chịu vứt bỏ đi cho thân thêm được nhẹ nhàng. Nghiệp càng đeo, tội càng gánh nặng ...

Mỗi tuần đến chùa nhìn thấy đức Phật em cảm thấy lòng mình được an lành.

Bây giờ thì tôi đã hiểu và cũng đã học được một bài học rất sâu xa của chị Mộng-Hoàng. Hình ảnh một thiếu phụ sống vậy thờ chồng thật cao đẹp. Ngoài kia ánh nắng chiếu vào khung cửa như chan chứa một tình người có lòng Phật đạo./.

Phạm-Phú-Hải

Như Cá Cạn Nước Nào Có Vui Chi.

Nguyên bản:
The Fish King's Power Of Truth
Phỏng Dịch:
Diệu Phụng, M.Thành - P.D.Leigh

Thuở xưa quá Phật sát vi-trần số kiếp, có một nước tên là Thanh-Tịnh. Ở kiếp đó Đức Thích Ca làm vua một bầy cá. Tên ngài là Hải-Ấn.

Vua Hải-Ấn sanh sống nhàn rỗi trong một ao hồ nhỏ đầy hoa-sen đỏ, trắng với bầy cá đủ loại, đủ cở và đủ màu sắc. Tất cả đều sống an vui, luôn luôn hổ trợ lẫn nhau.

Vua Hải-Ấn dùng lòng từ bi đối đãi với tất cả loài thủy tộc, không khác nào con thơ của chính mình. Vua luôn luôn bảo hộ chúng nó và dậy chúng không nên lấn-hiếp, sát hại lẫn nhau. Cả bầy cá nhờ vậy khoẻ mạnh an vui.

Một năm nọ, tuyết mùa đông không rơi xuống, và khi mùa xuân đến, ao hồ đã bắt đầu khô cạn. Lúc mùa hạ bắt đầu, các chuổi ngày đêm đả trở nên nóng bức... Cơn gió luôn luôn phất phới trên ao. Hồ càng ngày càng cạn dần.

Các loại cá đều buồn rầu sợ-hải. Không bao lâu cả bầy cá phải lội sát nhau, đụng đầu với nhau.

Khi thấy cảnh khủng kiếp nầy, Vua Hải-Ấn tự nghĩ : "Tất cả đàn cá không bao lâu sẽ bị hủy diệt. Ta nay già-suy, chết liền cũng được. Tuy nhiên ta phải tìm phương tiện cứu hộ tất cả loài cá trước khi lìa đời".

Ngày qua tháng lại, hồ nước mênh mông nay đã trở thành một ao nhỏ bé. Các chim diều-hâu và các loại chim sát-sanh khác bắt đầu tụ họp, lượn bay không ngừng trên mặt ao, chờ ngày tàn sát cả bầy cá.

Vua Hải-Ấn tự nghĩ : "Cứ mỗi ngày qua hồ càng thêm cạn ; dẫu bây giờ trời có mưa to, làm sao chúng ta có thể thoát nạn diều-hâu kia. Bây giờ ta phải làm như thế nào ?"

Liền lúc đó, lòng từ bi tràn trề của vua chỉ cho vua một lối thoát. Ngài thốt lên một tiếng than rồi hướng về không-gian, vái rằng :

"Dẫu chúng con hiện nay sắp tuyệt vọng, thiếu ăn và không có an-ninh, chúng con vẫn không có ý-định tổn-hại lẫn nhau. Vì đây là sự thật, kính xin Đức Phật từ bi cho mưa to đầy hồ."

Nghe lời than của vua và biết sự cầu khẩn phát ra từ một tâm-hồn lợi tha, các vị trời, long-thần và dạ-xoa đều xử-dụng thần-thông tạo nên các đám mây khổng lồ đầy nước mưa. Các ngài còn trang trí mây với tia sáng và trổi nhạc sấm sét.

Không bao lâu cả không-gian đều dẫy đầy hạt mưa tương tợ như các chuỗi ngọc trân bảo. Nước cuồn cuộn chảy trên mặt đất, đổ xô vào ao hồ... Bây giờ không còn huy-vọng sát hại bầy cá nữa, các chim diều-hâu tung bây đi nơi khác.

Không bao lâu, ao hồ đầy tràn nước mưa. Vua Hải-Ấn rất vui mừng lúc đó ngài lại nghỉ, mưa bây giờ

phải ngưng, kẻo các thứ vật trên đất bị ngập nhà, hư tổn của cải.

Nhà vua liền ngưỡng mặt lên không gian, vươn mình đứng thẳng dậy ra khỏi mặt nước hồ, van vái rằng :

"Hỡi các thần mây, thần sét và thần tia sáng kia, các Ngài đã mưa đủ rồi. Ao hồ đã đầy nước. Xin tri ân công-đức quý Ngài. Bây giờ xin quí Ngài ngừng mưa."

Liền lúc đó, cơn mưa dứt. Các đám mây trở nên mỏng manh lơ thơ và mặt trời soi chiếu diệu dàng trở lại trên mặt hồ.

Ngay sau đó, Vua Trời Đế-Thích hiện ra chào đón vua cá và nói rằng :

"Trận mưa vừa rồi, do Tâm-Địa (1) cao cả của nhà ngươi tạo nên. Nhờ lòng từ bi vị tha của nhà ngươi, ao hồ này và các vùng lân cận sẽ không bao giờ còn thiếu nước nữa".

Nói như vậy xong, vua trời liền ẩn thân.

Từ đó về sau, mưa luôn luôn đến đúng thời và hồ cá cùng các vùng lân cận càng ngày càng trở nên xinh tươi phồn-thịnh. Từ đó và nhiều năm về sau, Vua Hải-Ấn và cả đàn cá sanh sống an toàn vui vẻ trong hồ đầy bông sen đỏ trắng thơm tho... /.

%%%

(1) Kinh Hoa-Nghiêm dạy :

"Nếu người muốn rõ biết
Tất cả Phật ba đời
Phải quán pháp-giới-tánh
Tất cả do tâm tạo".

(Hoa-Nghiêm, tập II, tr. 442)

"Tâm như nhà họa-sư,
Hay vẽ những thế-gian
Ngũ uẩn từ tâm sanh
Không pháp gì chẳng tạo"
(Hoa-Nghiêm, tập II, tr. 441)

"Rõ thấu ba cõi nương nơi tâm
Mười hai nhơn duyên cũng nương tâm
Sanh tử điều do tâm làm ra
Tâm nếu diệt dứt, sanh tử hết".
(Hoa-Ngiêm, tập IV, tr. 320)

Vài nét về Lễ Tấn Phong bốn Đại Đức lên hàng Thượng Tọa ngày 15–10–1989 tại tu viện LiễuQuán miền Nam Cali

Nhân dịp lễ khánh thành tôn tượng Quán Thế Âm Bồ Tát lộ thiên và đặt viên đá xây cất tu viện Liễu Quán vào sáng chủ nhật ngày 15-10-1989, Hội Đồng Chỉ Đạo Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ đã làm lễ tấn phong lên hàng thượng tọa cho bốn đại đức Thích Nguyên An, Thích Pháp Châu, Thích Nguyên Tịnh và Thích Nguyên Trí (tu viện Liễu Quán).

Mở đầu lễ tấn phong, TT. Thích Đức Niệm, chủ tịch Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ đã lên đọc giáo chỉ nội dung như sau:

- Tham chiếu văn thư đệ đạt của Tổng Vụ Tăng Sự ngày 03 tháng 09 năm 1989.
- Chiếu cứ phiên họp của Hội Đồng Chỉ Đạo Giáo Hội P.G.V.N. thống Nhất tại Hoa Kỳ ngày 14 tháng 10

năm 1989.

- Xét rằng bốn vị đại đức đã nêu trên đều là ấu niên xuất gia, trải ba mươi năm tu học, đều có trình độ thế học và đại học cao, công vụ Phật sự thâm niên, đạo hạnh thâm hậu, oai nghi giới lạp nghiêm túc, qua sự giám định của Đại Tăng, nay nhân dịp lễ đặt viên đá xây cất Tu Viện Liễu Quán, vị tổ thiền tông khai sáng Tông Lâm Tế tại Việt Nam và lễ khánh thành tôn tượng Quán Thế Âm, trước ngôi Tam Bảo chứng giám, tôi nhân danh chủ tịch Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ, xin thay mặt tứ chúng trang trọng tấn phong quý ĐĐ. Thích Nguyên An, ĐĐ. Thích Pháp Châu, ĐĐ. Thích Nguyên Tịnh và ĐĐ. Thích Nguyên Trí lên hàng Thượng Tọa kể từ giờ phút này.

Tiếp đến TT. Thích Trí Chơn, Phó Chủ Tịch kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa và Giáo Dục Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ, đại diện Hội Đồng Chỉ Đạo Trung Ương lên tuyên đọc tiểu sử của bốn Đại Đức như sau:

1. Đại Đức Thích Nguyên An sanh năm 1944, trải 30 năm tu học tại tỉnh Phú Yên, là sinh viên năm thứ ba Phân Khoa Triết Học tại đại học Sài Gòn. Sang Mỹ năm 1980, hiện là Phó Chủ tịch đặc trách Tăng Sự Giáo Hội P.G.V.N. Thống Nhất tại Hoa Kỳ và Chủ Tịch Cộng Đồng P.G.V.N. tiểu bang Washington, khai sơn chùa Cổ Lâm tại Seattle.

2. Đại Đức Thích Pháp Châu sinh năm 1947 tại Phú Yên, 29 năm tu học tại Sài Gòn, nguyên Chánh Đại Diện Giáo Hội PGVN Thống Nhất quận 8, đã khai sơn chùa Từ Hiếu quận 8 Sài Gòn. Là sinh viên năm thứ ba Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, tốt nghiệp Cử Nhân (B.A.) Triết Học đại học Fullerton, hiện là tổng thư ký Giáo Hội P.G.V.N. Thống Nhất tại Hoa Kỳ, đương kim viện chủ Chùa Phật Giáo Việt Nam tại Orange County.

3. Đại Đức Thích Nguyên Tịnh sanh năm 1947, hơn 30 năm tu học, đã tốt nghiệp Cao Đẳng Phật Học tại Phật Học Viện Nha Trang, Trung Phần. Đại đức sang Canada năm 1979, hiện là Phó Tổng Hội Trưởng Giáo Hội P.G.V.N. Thống Nhất tại Canada, kiêm Hội Trưởng Hội Phật Giáo Thiền Tôn và Viện Chủ Chùa Thiền Tôn tại Vancouver, Canada.

4. Đại Đức Thích Nguyên Trí sanh năm 1946, xuất gia lúc chín tuổi, đã 31 tuổi đạo, tốt nghiệp Cao Đẳng Phật Học Viện Huệ Nghiêm Sài Gòn nguyên là Ủy Viên Tăng Sự Giáo Hội P.G.V.N. Thống Nhất tỉnh Phước Tuy, Vũng Tàu và Chủ Tịch Cộng Đồng P.G.V.N. tại Vancouver, Canada, hiện là trụ trì Tu Viện Liễu Quán miền nam Cali.

Kết thúc buổi lễ là phần trao quà tặng cho bốn tân Thượng Tọa của Hội Đồng Chỉ Đạo Trung Ương Giáo

Hội P.G.V.N. Thống Nhất tại Hoa Kỳ, sự thành tâm chắp tay cầu nguyện Phật gia hộ và nhiệt liệt chào mừng bốn tân Thượng Tọa của chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni và toàn thể Phật tử hiện diện trong ngày đại lễ.

THE UNION OF VIETNAMESE BUDDHIST CHURCHES OF THE UNITED STATES OF AMERICA
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT TẠI HOA KỲ
12292 Magnolia Street., Garden Grove, California 92641 - U.S.A.
Tel. (714) 534-7263

Los Angeles, Ngày 19 tháng 12 năm 1989

Nam-Mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Kính gửi: Quý Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức, Tăng-Ni.
Kính gửi: Quý Giáo-Hội các cấp và Quý Ban-Trị-Sự các chùa viện.

Thưa Quý Giáo-Hội và Quý Ban.

Như quý vị đã biết, vấn đề xã hội là một trong những vấn đề mà Giáo-Hội hằng lưu tâm, coi như một ưu tiên cấp thiết và ước mong thúc đẩy mạnh để giúp đỡ cho Phật tử nói riêng và đồng bào Việt-Nam nói chung.

Đặc biệt đối với cộng đồng Việt-Nam tỵ nạn chúng ta, hiện nay đang sống rải rác khắp năm châu, vấn đề xã hội lại càng thêm phức tạp do hoàn cảnh tỵ nạn tạo nên.

Tuy nhiên gặp nhiều trở ngại khó khăn trong khi phải thích nghi với một xã hội mới mà ngôn ngữ tập quán hoàn toàn xa lạ, chúng ta vẫn còn là những người may mắn hơn những đồng bào V.N. hiện đang bị giam giữ tại các trại tù cải tạo ở Việt-Nam hay đang khắc khoải đợi chờ trong các trại tỵ nạn Đông-Nam-Á. Hơn thế nữa, gần đây, một số đồng bào Việt-Nam đã là nạn nhân của một chương trình "cưỡng bách hồi hương" phi nhân quyền và phi nhân đạo của chính quyền

Hongkong và Anh-Quốc.

Thêm vào đó, các biến chuyển chánh trị quốc tế gần đây đã làm thay đổi ngay trong căn bản mối tương quan giữa các quốc gia thuộc khối Cộng- sản với Nga-sô cũng như giữa hai khối tự do và Cộng-sản, tạo nên những vấn đề mới trên mọi lãnh vực chính trị, tôn giáo, kinh tế, văn hóa, xã hội v.v... Hậu quả của sự kiện nầy là vấn đề tỵ nạn Việt-Nam đã trở thành thứ yếu nhưng ngược lại, đòi hỏi những cấp bách nhằm giải quyết dứt khoát vấn đề.

Trước tình thế đó, Giáo-Hội nhận định rằng người Phật tử Việt-Nam, cũng như mọi công dân V.N. khác, phải cố gắng nhiều hơn nữa để giúp đở đồng bào tỵ nạn một cách hữu hiệu.

Các đồng bào tỵ nạn nầy hoặc sẽ được cho phép định cư tại Hoa-Kỳ với nhiều điều kiện ràng buộc hơn hoặc qua chương trình định cư các "cựu tù nhân chánh trị".

Giáo-Hội cũng ý thức rõ rệt về khả năng hạn hẹp của mỗi cá nhân Phật tử và của các tổ chức Giáo-Hội địa phương. Tuy nhiên điều quan trọng là cần phát huy hạnh nguyện Từ-Bi và dũng cảm thực hiện. Giáo-Hội thiết tha kêu gọi đồng bào Phật tử áp dụng phương ngôn : "Lá lành đùm lá rách" và "miếng khi đói bằng gói khi no", tùy theo khả năng của mỗi người, làm thế nào cho các đồng bào V.N. tỵ nạn không cảm thấy cô đơn, lạc lõng dù đang ở trong trại tỵ nạn hay khi vừa đặt chân lên đất Mỹ. Ý thức rõ rệt các khó khăn của người tỵ nạn trong những năm đầu định cư trên đất người, tôi chỉ ước mong quý Phật tử dốc lòng giúp đở và hướng dẫn các đồng bào tỵ nạn, trong những bước khó khăn lúc ban đầu. Có như vậy các quốc gia đệ tam nhận cho đồng bào tỵ nạn V.N. định cư mới thấy thiện chí

đóng góp của chính những người V.N. ý thức nhu cầu giúp đở lẫn nhau, với hy vọng các quốc gia nầy tránh áp đặc những giải pháp cứng rắn đối với đồng bào chúng ta.

Nhằm thực hiện mục đích đó, tôi khẩn thiết yêu cầu quý Ngài và các tổ chức Giáo-Hội tại địa phương và các chùa cấp thời :

- Hoàn bị việc tổ chức Ban-Xã-Hội
- Bổ sung nhân sự đầy đủ
- Chuẩn bị phương tiện, tài nguyên, vật lực v.v... để khi cần thiết, có thể trực tiếp giúp đở hay tiếp tay nhanh chóng và hữu hiệu cho các chương trình cứu trợ hiện hữu do chánh phủ hay tư nhân tổ chức.

Trong giai đoạn hiện tại, Giáo-Hội cũng khuyến khích việc tham gia tích cực các công cuộc tranh thủ nhân quyền đặc biệt là quyền tạm trú cho đồng bào V.N. tỵ nạn tại Hongkong.

Giáo-Hội sẽ có văn thư tiếp theo về kế hoạch tổng quát. Tuy nhiên các địa phương cần tham khảo ý kiến rộng rãi trong hàng ngũ Phật tử để có được một kế hoạch làm việc thực tế, phù hợp với hoàn cảnh khả năng và phương tiện của mình.

Kính chúc quý vị dũng mãnh thực hành hạnh nguyện từ bi, lợi tha.

Nay Kính,
Giáo-Hội Phật-Giáo V.N.T.N. tại Hoa-Kỳ
Chủ-Tịch Điều-Hành
THÍCH-ĐỨC-NIỆM.

TIN TỨC PHẬT SỰ

HỒNG LIÊN ghi

TIN HỖ TƯƠNG HOẰNG PHÁP GIỮA HAI GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT TẠI HOA KỲ VÀ CANADA

Nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ tương hoằng pháp lợi sanh giữa hai Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ và Canada, trong phiên họp hàng tháng tại Chùa Việt Nam Orange County chiều thứ bảy ngày 14-10-1989 của Hội Đồng Chỉ Đạo Giáo Hội P.G.V.N. Thống Nhất tại Hoa Kỳ gồm đông đủ chư Thượng Tọa, Đại Đức, Cư Sĩ trong Hội Đồng và TT. Thích Thiện Nghị, Tổng Hội Trưởng Giáo Hội P.G.V.N. Thống Nhất tại Canada đã đồng ý chấp thuận ý kiến cả hai Giáo Hội sẽ chung tổ chức mỗi năm một lần tại Hoa Kỳ hoặc Canada một tuần lễ an cư tịnh tu nhằm chia xẻ kinh nghiệm hoằng pháp, sự tu tập và kiến thức Phật Học giữa chư Thượng Tọa, Đại Đức

Tăng Ni và các Cư Sĩ Phật Tử thuộc hai Giáo Hội Phật Giáo tại Hoa Kỳ và Canada.

Chương trình của tuần lễ an cư này, ngoài giờ giấc tụng kinh tọa thiền, chư tăng ni Phật tử về tham dự có thể đóng góp những bài thuyết trình nghiên cứu về Phật Giáo để giúp nhau (tăng già và cư sĩ) cùng học hỏi, tiến tu. Nếu không có gì trở ngại thì chương trình nói trên sẽ được hai Giáo Hội bắt đầu thực hiện trong năm nay (1990). Về thời gian ngày tháng thuận lợi sẽ được hai Giáo Hội nghiên cứu và thông báo sau, còn địa điểm thì có thể tại Phật Học Viện Quốc Tế (Hoa Kỳ) cho lần tổ chức đầu tiên.

Ngoài ra, cũng trong phiên họp nói trên, TT. Thích Thiện Nghị đã có nhã ý mời TT. Thích Đức Niệm, chủ tịch Giáo Hội P.G.V.N. Thống Nhất tại Hoa Kỳ trong chức vụ Cố Vấn cho Giáo Hội P.G.V.N. Thống Nhất tại Canada, và TT. Thích Đức Niệm đã hoan hỷ nhận lời. Sau khi trở về Canada, khoảng đầu tháng 12 năm 1989, TT. Thích Thiện Nghị đã gửi văn thư chính thức cung thỉnh TT. Thích Đức Niệm giữ chức vụ Cố Vấn nêu trên và đã ra thông cáo cho các cấp Giáo Hội ở các tỉnh bang tại Canada biết rõ sự việc này.

PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ

Ngày 20-8-1989, Phật Học Viện Quốc Tế đã tổ chức trọng thể đại lễ Vu Lan 2533 tại hội trường trường trung học Sepulveda với sự tham dự của trên 20 vị

thượng tọa, đại đức tăng ni Việt Nam và ngoại quốc: Trung Hoa, Tích Lan, Hoa Kỳ cùng với hơn 1.000 Phật tử xa gần khắp nơi. Lễ chính thức được cử hành sau bài giảng về "Ý Nghĩa ngày lễ Vu Lan" của TT. Thích Đức Niệm. Sau đó là lễ cúng dường trai tăng diễn ra trong bầu không khí hết sức trang nghiêm thành kính. Tất cả bà con dự lễ đã ở lại dùng cơm chay thân mật, lòng tràn ngập niềm vui, tin tưởng sâu xa nơi đức Thế Tôn trong ngày lễ truyền thống của dân tộc.

TU VIỆN LIỄU QUÁN, AGUANGA, CALIFORNIA

Sau nhiều tháng chuẩn bị ngoại giao, vận động của TT. Thích Nguyên Trí (trụ trì), đại lễ khánh thành tôn tượng Quán Thế Âm Bồ Tát lộ thiên và đặt viên đá xây cất tu viện Liễu Quán miền nam Cali, đã được tổ chức trọng thể vào ngày chủ nhật 15-10-1989. Hiện diện trong buổi lễ, chúng tôi nhận thấy có TT. Thích Thiện Nghị, Tổng Hội Trưởng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Canada và đông đủ chư tôn đức trong Hội Đồng Chỉ Đạo Trưng Ương Giáo Hội P.G.V.N. Thống Nhất tại Hoa Kỳ: TT. Thích Đức Niệm, TT. Thích Trí Chơn, TT. Thích Nguyên Đạt, TT. Thích Nguyên Trí (Chùa Việt Nam, Orange County), TT. Thích Nguyên An, TT. Thích Pháp Châu, ĐĐ. Thích Khế Đạo và một số chư đại đức Tăng Ni thuộc các chùa vùng Los Angeles, Orange County v.v...Ngoài ra, còn

có hơn 1,000 Phật tử và quan khách tham dự trong đó có một số người Hoa Kỳ. Nhân dịp này, Hội Đồng Chỉ Đạo Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ cũng đã làm lễ tấn phong lên hàng Thượng Tọa bốn Đại Đức Thích Nguyên An, Thích Pháp Châu, Thích Nguyên Tịnh và Thích Nguyên Trí (tu viện Liễu Quán).

Đại lễ bắt đầu lúc 11 giờ sáng kéo dài đến chiều mới kết thúc. Bà con Phật tử khắp nơi về dự lễ đều vui vẻ, phấn khởi. Sau lễ, tất cả đều ở lại dùng cơm chay và tiếp theo được xem một chương trình văn nghệ đặc biệt trình diễn ở sân khấu thiết lập ngay trong khuôn viên tu viện. Về phần tài chánh nghe đâu ban tổ chức thu được khoảng 10,698 mỹ kim nhưng chỉ chi có 2,000 đô la. Số tiền còn dư do Phật tử đóng góp trong dịp này tu viện dành cho việc xây cất tháp chuông và các công trình kiến thiết khác trong tương lai mà thời gian đòi hỏi còn phải mất nhiều năm nữa mới thực sự hoàn tất được toàn bộ chương trình đúng như dự án ban đầu tu viện đã đề ra. Rất mong bà con Phật tử xa gần tích cực đóng góp công, của nhiều hơn nữa để tu viện sớm hoàn thành chương trình xây cất trong những năm tới; hầu giúp đồng bào Phật tử miền nam Cali có nơi lên tu tập, tỉnh dưỡng tinh thần vào dịp cuối tuần hoặc trong các ngày đại lễ Phật Giáo.

Trong khi viết bản tin này, chúng tôi được văn phòng tu viện cho biết là tháp chuông tại tu viện đã xây cất xong và một tượng Phật kiểu Việt Nam đặt thỉnh tại một nước Á Châu đã về tới tu viện; tổn phí

làm tượng và chuyên chở khoảng 3,000 mỹ kim.

CHÙA PHẬT GIÁO VIỆT NAM, ORANGE COUNTY, CA

Tin mừng cho bà con Phật tử Orange County là nhờ sự vận động, ngoại giao khéo léo với chính quyền địa phương của TT. Thích Pháp Châu, sau khi đã chỉnh trang chùa cũ theo đúng phép tắc hiện hành, tòa đô chính Garden Grove đã thực sự cấp giấy phép chính thức để xây cất ngôi chùa Việt Nam mới mà ngân khoản dự trù lên tới hơn một triệu hoặc có thể gần hai triệu mỹ kim. Sau thời gian ngắn tạm ngưng để sữa chữa, nay sinh hoạt chùa đã trở lại bình thường, mỗi sáng chủ nhật có lớp học Việt ngữ, và hoạt động của Gia Đình Phật Tử Lâm Tỳ Ni. Khoảng 12 giờ trưa, lễ cầu an, cầu siêu cho thập phương bá tánh; sau lễ, bà con được nghe các thầy thuyết pháp và dùng cơm chay thân mật.

Cũng tin từ chùa Việt Nam cho biết, nhân dịp lễ vía đức Phật Thích Ca Thành Đạo, sáng chủ nhật ngày 14-01-1990 vừa qua, chùa đã tổ chức trọng thể lễ xuống móng khởi sự xây cất chùa Việt Nam, cùng lễ khánh thành hồ sen, bệ đài và tôn tượng Quán Thế Âm Bồ Tát lộ thiên cao (gồm cả tòa sen) khoảng năm thước tây. Buổi lễ đặt dưới sự chứng minh và thuyết giảng của chư tôn đức trong Hội Đồng Chỉ Đạo Giáo Hội P.G.V.N. Thống Nhất tại Hoa Kỳ gồm quý TT. Thích

Đức Niệm, TT, Thích Trí Chơn, TT. Thích Nguyên Đạt, TT. Thích Nguyên Trí (Chùa Việt Nam Orange County) TT. Thích Pháp Châu, TT. Thích Nguyên Trí (tu viện Liễu Quán) và ĐĐ. Thích Khế Đạo v.v...Ngoài ra, còn có sự tham dự của một số chư đại đức tăng Ni tại các chùa miền nam Cali cùng với hàng trăm Phật tử địa phương và phụ cận. Sau lễ, bà con Phật Tử đã ở lại thọ trai, vô cùng phấn khởi, tin tưởng vào sự lớn mạnh, không ngừng phát triển của nền Phật Giáo Việt Nam hải ngoại nói chung và riêng Cộng Đồng Phật Tử, Chùa Việt Nam tại Orange County.

CHÙA TAM BẢO, FRESNO, CA

Đáp lời mời của Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam vùng Central Valley, TT. Thích Nguyên Đạt, Phó Chủ Tịch Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ đã đến chùa Tam Bảo, Fresno để chứng minh và thuyết giảng trong dịp lễ an vị tôn tượng Quán Thế Âm và Địa Tạng Vương Bồ Tát vào lúc 11 giờ sáng ngày 12-11-1989 vừa qua. Tham dự lễ, ngoài đông đảo bà con Phật tử địa phương còn có nhiều đạo hữu đến từ các chùa ở Los Angeles và Orange County.

Tiếp đến, thể theo lời thỉnh cầu của Cộng Đồng Phật Giáo Fresno, TT. Thích Đức Niệm, chủ tịch Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ đã đến chứng minh và thuyết pháp vào dịp lễ vía đức Phật Thích Ca Thành Đạo tổ chức tại chùa Tam Bảo lúc 11 giờ sáng ngày 31-

12-1989. Sau bài giảng về ý nghĩa đức Phật thành Đạo, mọi người tham dự đều phấn khởi, vững chắc niềm tin chánh pháp và đoàn kết, thương yêu nhau hơn trong tình đạo từ bi. Vào dịp này, TT. Thích Đức Niệm cũng làm lễ truyền tam quy ngũ giới cho một số Phật tử.

TỊNH THẤT AN LẠC, SAN JOSE, CA.

Đáp lời mời của Sư Cô trụ trì Thích Nữ Nguyên Thanh và Ban Tu Học Tịnh Thất An Lạc, San Jose, TT. Thích Tín Nghĩa, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên và Gia Đình Phật Tử Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ đã đến đây thuyết giảng và chứng minh lễ Vía Đức Phật A Di Đà vào ngày chủ nhật 03-12-1989. Một số đông Phật tử địa phương đã đến dự lễ và nghe pháp.

CHÙA QUẢNG ĐỨC, SAN JOSE

Đáp lời mời của ban điều hành chùa Quảng Đức và nhu cầu học hỏi giáo lý của bà con Phật tử địa phương, TT. Thích Tín Nghĩa đã đến đây thuyết giảng vào tối thứ hai 04-12-1989 với sự tham dự của một số đông bà con Phật tử trong vùng. Tiếp đến, TT. Thích Nguyên Đạt, nhân dịp đến chứng minh lễ đám cưới cho một Phật tử con của đạo hữu Nguyễn Danh tổ chức tại chùa Quảng Đức trưa thứ bảy 16-12-1989; vào buổi tối cùng ngày, đáp lời thỉnh cầu của nhóm học Phật chùa

Quảng Đức, TT. Thích Nguyên Đạt đã ban bố một thời pháp đặc biệt thảo luận về niềm tin chân chính của người Phật tử. Buổi giảng thu hút được rất đông bà con Phật tử địa phương và phụ cận.

CHÙA QUANG MINH, CHICAGO, ILLINOIS

Nhân dịp lễ vía Quán Thế Âm Bồ Tát, lần đầu tiên chùa Quang Minh đã tổ chức đại lễ siêu độ thủy lục để cầu siêu cho các vong hồn chết oan nơi sông biển, núi rừng trong ba ngày 20, 21 và 22 tháng 10 năm 1989. Đàn tràng thủy lục siêu độ được thiết lập tại bờ hồ Michigan - Lawrence Park, và trưa chủ nhật 22-10-89, chư Tăng đã ngồi trên tàu nhỏ ra biển hồ Michigan để tụng kinh cầu siêu cho chư hương linh uổng tử. Tham dự đại lễ này, ngoài TT. Thích Thiện Nghị, Tổng Hội Trưởng Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Canada, chư tôn đức thuộc Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ: TT. Thích Đức Niệm, TT. Thích Trí Chơn, TT. Thích Nguyên Đạt, TT. Thích Nguyên An, và TT. Thích Nguyên Trí (Liễu Quán) còn có một số chư tăng ngoại quốc Lào, Thái Lan. Liên tiếp trong ba ngày đều có thuyết pháp do quý thượng tọa đảm trách vào hai tối thứ sáu 20, thứ bảy 21 tại chùa và trưa chủ nhật 22-10-89 tại bờ hồ. Hàng trăm Phật tử tại Chicago và phụ cận đã về chùa nghe thuyết pháp cũng như dự lễ cầu siêu tại bờ hồ thật cảm động, mặc dù trời gió lạnh, bà con vẫn kiên trì đứng dự lễ từ sáng cho đến chiều, nói lên

niềm tin thâm sâu nơi chánh pháp và tinh thần phục vụ hy sinh cao độ của bà con Phật tử tại Chicago.

Đặc biệt cũng trong thời gian này, do lời thỉnh cầu của một số nam nữ học sinh Mỹ trường Evanston Township High School, TT. Thích Trí Chơn đã thuyết giảng bằng Anh ngữ về "Những giáo lý căn bản của Phật Giáo" cho nhóm học sinh trên tại chùa Quang Minh vào hai sáng ngày 19 và 20-10-1989 nhằm giúp cho giới trẻ học sinh Hoa Kỳ có dịp hiểu biết về Phật Pháp.

Nhân dịp Rằm tháng Mười Hạ Ngươn, chùa Quang Minh đã tổ chức đại lễ trọng thể vào ngày 12-11-89 dưới sự chứng minh, thuyết giảng của TT. Thích Đức Niệm với sự tham dự của đông đảo Phật tử. Sau lễ, nghe pháp, bà con Phật tử đã ở lại thọ trai, vui vẻ thoải mái. Vào dịp này, TT. Đức Niệm cũng đã kêu gọi đồng bào Phật tử nên hướng về các trại tỵ nạn và cầu nguyện cho đồng bào ở đó sớm thoát qua cơn ngặt nghèo hiện nay; đồng thời tùy khả năng mọi người nên giúp đỡ các trại tỵ nạn.

Tiếp đến, chủ nhật ngày 17-12-89, chùa Quang Minh đã tổ chức Vía Đức Phật A Di Đà, dưới sự chứng minh và thuyết giảng của TT. Thích Đức Niệm. Mặc dù trời bên ngoài tuyết dày giá buốt, Phật tử vẫn về chùa dự lễ đông đảo. Sau thời pháp về ý nghĩa đức Phật A Di Đà và pháp môn tịnh độ, mọi Phật tử hiện diện cảm thấy lòng như được sưởi ấm, thâm sâu niềm tin quên đi băng tuyết bên ngoài. Đặc biệt trước đó tối thứ

bảy 16-12-89 TT. Thích Đức Niệm đã thuyết giảng cho thanh niên đề tài: "Đạo Phật với tương lai tuổi trẻ". Nghe xong, ai nấy đều hoan hỷ như cỏ cây được mưa sau bao ngày nắng hạn.

Vào dịp lễ vía đức Phật Thích Ca Thành Đạo, chùa Quang Minh đã tổ chức lễ vào hai ngày 6 và 7 tháng 01 năm 1990 dưới sự chứng minh và thuyết giảng của TT. Thích Nguyên Đạt, Phó Chủ Tịch đặc trách Hoằng Pháp của Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ. Tối thứ bảy 06-01-1990 Thượng Tọa đã thuyết giảng đề tài "Thiền với hạnh phúc con người"; và lễ chính thức cử hành vào trưa chủ nhật 07-01-90, Thượng Tọa đã giảng về ý nghĩa đức Phật Thích Ca Thành Đạo. Thời pháp đã làm cho mọi người hiểu rõ đạo lý, ai nấy đều phấn khởi, hiển lộ niềm tin trong ánh đạo.

CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ TẠI MOBILE, ALABAMA

Đáp lời mời của đồng bào Phật tử tại Mobile, tiểu bang Alabama, TT. Thích Trí Chơn, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa và Giáo Dục Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ đã đến thuyết pháp và chứng minh lễ cầu an hạ ngươn Rằm tháng Mười Kỷ Tỵ được tổ chức tại đây vào chiều thứ bảy 04-11-1989 với sự tham dự của đông đảo bà con Phật tử địa phương. Sau lễ, các đạo hữu đã ở lại dùng cơm chay thân mật, chuyện trò vui vẻ, nói lên đạo tình thắm thiết giữa

những người con Phật trong hoàn cảnh tỵ nạn ly hương, vẫn cố gắng duy trì niềm tin vào chánh pháp của đức Thế Tôn và truyền thống văn hóa Phật Giáo ngàn năm của tổ tiên dân tộc.

CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ TẠI JACKSON, MISSISSIPPI

Đáp lời mời của anh chị em sinh viên Phật tử đại học Mississipi States ở Starkville và đồng bào Phật tử tại Jackson, từ Mobile (Alabama) TT. Thích Trí Chơn đã đến chủ lễ cầu an và thuyết giảng vào dịp hạ ngươn Rằm tháng 10 được tổ chức vào 3 giờ chiều chủ nhật 05-11-1989 tại hội trường Christ The King Parish Center. Có rất đông bà con Phật tử địa phương và phụ cận đến dự lễ và nghe thuyết pháp, phần đông là giới trẻ học sinh, sinh viên. Tham dự buổi lễ, còn có linh mục người Mỹ ở nhà thờ Christ The King và một số Phật tử Hoa Kỳ theo Phật Giáo Tây Tạng. Nhân dịp này, được phỏng vấn, TT. Thích Trí Chơn đã giải thích bằng Anh Văn cho Linh Mục và các Phật tử Mỹ trên hiểu qua về ý nghĩa lá cờ Phật Giáo Thế Giới và ngày lễ Rằm Tháng Mười trong truyền thống văn hóa dân tộc và Phật Giáo Việt Nam. Đặc biệt, đài truyền hình CBS tại Jackson đã gởi người đến quay video toàn buổi lễ để phát hình lại cho khán giả Mỹ xem vào buổi tối hầu giúp họ hiểu biết phần nào sinh hoạt Phật Giáo của Cộng Đồng Phật tử người Việt tỵ nạn tại Jackson.

Sau lễ, bà con đã ở lại dùng thức ăn chay, vui vẻ chuyện trò, bàn thảo Phật sự đến chiều tối mới ra về.

CHÙA PHỔ MINH, FORT SMITH, ARKANSAS

Nhân chuyến đi hoằng pháp thuyết giảng vào dịp Rằm tháng 10 tại các tiểu bang miền đông nam Hoa Kỳ, đại diện Hội Đồng Chỉ Đạo Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ, TT. Thích Trí Chơn đã đến viếng thăm thân hữu Hội Phật Giáo Việt Nam, chùa Phổ Minh tại Fort Smith, tiểu bang Arkansas vào các ngày 7,8 và 9 tháng 11 năm 1989. Thượng Tọa đã được đạo hữu hội trưởng Trương Như Dinh và quý vị trong Ban Trị Sự của Hội tiếp đón niềm nỡ thân tình. Trong dịp này, Thượng Tọa đã thuyết một thời pháp đặc biệt vào tối thứ tư ngày 08-11-1989 với sự tham dự của rất đông Phật tử địa phương mặc dù trời bên ngoài hôm đó cũng khá lạnh. Cuộc viếng thăm thuyết giảng của Thượng Tọa Trí Chơn trong mấy ngày tại đây đã thắt chặt thêm mối đạo tình thắm thiết giữa Hội Phật Giáo Việt Nam Arkansas tại Fort Smith và Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ.

CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ TẠI PENSACOLA, FLORIDA

Đáp lời mời của Cộng Đồng Phật Tử tại Pensacola, miền tây Florida, TT. Thích Trí Chơn đã đến thuyết

pháp và chứng minh lễ Rằm tháng 10 được tổ chức tại đây vào chiều thứ bảy 11-11-1989. Buổi lễ đã quy tụ một số đông Phật tử địa phương và phụ cận đến tham dự và nghe thuyết pháp. Sau lễ, bà con đã ở lại dùng cơm chay thân mật và đàm đạo Phật sự tương lai đến chiều tối mới ra về, ai nấy lòng tràn ngập niềm vui trong đạo tình giữa những người con Phật ly hương nơi hải ngoại.

CHÙA TỪ BI, BATON ROUGE, LOUISIANA

Tiếp đến, đáp lời cung thỉnh của Hội Thân Hữu Phật Tử, TT. Thích Trí Chơn đã đến chứng minh và thuyết giảng vào dịp lễ hạ ngươn Rằm tháng 10 được tổ chức tại chùa Từ Bi, Baton Rouge, tiểu bang Louisiana vào sáng chủ nhật 12-11-1989 với sự tham dự của hàng trăm Phật tử xa gần khắp nơi. Sau lễ, các Phật tử đã ở lại thọ trai do sự đóng góp của một số đạo hữu phát tâm nấu sẵn thức ăn chay ở nhà mang lại. Mọi người về dự lễ, nhìn cảnh chùa ngày càng phát triển, mở rộng khang trang, ai nấy đều vui vẻ thoải mái, tin tưởng mạnh mẽ vào tiền đồ đạo pháp sáng lạn tại riêng Baton Rouge cũng như chung cho Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại.

CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ TẠI HOUMA, LOUISIANA

Sau Baton Rouge, TT. Thích Trí Chơn đã đến viếng thăm một số các gia đình Phật tử tại thành phố Houma, tiểu bang Louisiana, cách New Orleans khoảng hai giờ xe buýt vào các ngày 13, 14 và 15 tháng 11 năm 1989. Nhân dịp này, đáp lời thỉnh cầu của các Phật tử địa phương, TT. Thích Trí Chơn đã thuyết giảng và chủ lễ cầu an Rằm tháng 10 được tổ chức tại đây vào lúc 7 giờ tối thứ ba ngày 14-11-1989. Dù chỉ trong thời gian ngắn loan báo, buổi lễ đã quy tụ hơn 100 bà con Phật tử địa phương và phụ cận đến tham dự. Sau bài pháp của Thượng Tọa về: "Lợi ích của ngôi chùa đối với Cộng Đồng người Việt tỵ nạn tại hải ngoại", tất cả mọi người đều phấn khởi, ý thức được trách nhiệm của mình trong việc duy trì văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng tốt đẹp của tiền nhân cho thế hệ con cháu qua các ngôi chùa Việt Nam. Sau lễ, là buổi tiệc trà đơn giản gồm có bánh kẹo, nước ngọt v.v...do một số bà con đóng góp. Trong lúc đàm đạo về giáo lý và thảo luận Phật sự tương lai, Phật tử có nêu lên nhiều câu hỏi thắc mắc và đã được Thượng Tọa Trí Chơn giải đáp thỏa đáng.

Nói chung, tinh thần dấn thân, phục vụ đạo pháp của bà con Phật tử tại Houma rất cao, hy vọng cộng đồng Phật tử ở đây còn tiến xa hơn nữa trong việc thành lập và phát triển cơ sở Phật Giáo tại địa phương vào những tháng ngày sắp tới. Buổi nói chuyện bàn thảo Phật sự kéo dài đến gần 11 giờ khuya mới chấm dứt, bà con ra về với niềm tin tưởng sâu xa nơi Tam Bảo và

giáo lý nhiệm mầu của đức Thế Tôn.

CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ TẠI SAVANNAH, GEORGIA

Đáp lời mời của đồng bào Phật tử tại Savannah, tiểu bang Georgia, TT. Thích Trí Chơn đã đến thuyết giảng, chứng minh lễ Rằm tháng 10 được tổ chức tại hội trường Savannah Garden vào lúc 8 giờ tối thứ bảy ngày 18-11-1989 với sự tham dự của rất đông bà con Phật tử địa phương và phụ cận. Đây là lần thứ ba TT. Thích Trí Chơn tới hoằng pháp tại thành phố này. Sau lễ, các Phật tử đã ở lại dùng thức ăn chay do các bà con đóng góp từ nhà mang lại. Phật tử ra về vào lúc gần 11 giờ khuya, ngoài trời tuy lạnh, nhưng lòng người con Phật vẫn thấy ấm áp nhờ tinh thần đoàn kết yêu thương của quý Phật tử tại Savannah qua tình đồng hương đồng đạo.

CHÙA HẢI ĐỨC, JACKSONVILLE, FLORIDA

Đáp lời mời của Hội Phật Giáo miền đông bắc Florida, TT. Thích Trí Chơn đã đến thuyết giảng, chủ lễ hạ ngươn Rằm tháng 10 được tổ chức tại chùa Hải Đức, thành phố Jakcsonville, tiểu bang Florida vào lúc 11 giờ sáng chủ nhật 19-11-1989. Hàng trăm Phật tử xa gần đã về chùa dự lễ và nghe thuyết pháp. Sau lễ, quý Phật tử đã ở lại dùng cơm chay thân mật, tạo nên

không khí đầy đạo vị trong đại gia đình Phật Giáo của những người con Phật ly hương.

CHÙA PHƯỚC HUỆ, MIAMI, FLORIDA

Tiếp đến, từ Jacksonville, TT. Thích Trí Chơn đã đi 7 tiếng đồng hồ xe buýt về Miami để thăm thân hữu Hội Phật Giáo miền nam Florida, chùa Phước Huệ trong các ngày 20, 21, và 22-11-1989. Đây là lần thứ hai Thượng Tọa đến thăm đồng bào Phật tử ở thành phố này. Thượng Tọa đã được đạo hữu hội trưởng Huỳnh Bá Như và quý vị trong Ban Trị Sự tiếp đón hết sức niềm nở thân tình. Nhân dịp này, đáp lời thỉnh cầu của số đông Phật tử, Thượng Tọa đã thuyết một thời pháp đặc biệt tại chùa vào lúc 7 giờ tối thứ ba 21-11-1989. Có rất đông bà con Phật tử địa phương và phụ cận đã về dự nghe. Sau mấy ngày lưu lại hoằng pháp tại đây của Thượng Tọa đã giúp thắt chặt thêm mối đạo tình sẵn có giữa Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ và Hội Phật Giáo miền nam Florida.

CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ TẠI COLUMBIA, SOUTH CAROLINA

Nhằm giúp đỡ đồng bào Phật tử tại Columbia, thủ đô tiểu bang South Carolina giữ vững niềm tin Phật Giáo trong hoàn cảnh sống tỵ nạn xa quê hương, nhân chuyến đi hoằng pháp tại các tiểu bang miền đông nam

Hoa Kỳ, TT. Thích Trí Chơn đã đến thuyết giảng và chứng minh đại lễ Vu Lan được tổ chức tại đây lần đầu tiên vào tối thứ tư, ngày 30-08-1989 với sự tham dự của rất đông Phật tử địa phương và phụ cận. Gần ba tháng sau, nhân dịp lễ hạ ngươn Rằm tháng 10, lần thứ hai, TT. Thích Trí Chơn đến Columbia chủ lễ và thuyết giảng vào chiều thứ bảy ngày 25-11-1989. Về tham dự lễ và nghe thuyết pháp, ngoài số đông Phật tử tại Columbia, còn có nhiều đạo hữu đến từ các thành phố kế cận như North Augusta, Greensville và Myrtle Beach v.v..Trong dịp này, Thượng Tọa đã làm lễ truyền tam quy ngũ giới cho gần 20 Phật tử phát tâm xin quy y.

Sau lễ, bà con đã ở lại dùng cơm chay thân mật. Tuy số Phật tử ở đây không đông so với các nơi khác vì ở thành phố này hãng xưởng không có nhiều nên ít người Việt tỵ nạn định cư. Tuy nhiên, tinh thần vì đạo pháp của đồng bào Phật tử nơi đây khá cao. Hy vọng tương lai Cộng Đồng Phật Tử tại Columbia sẽ còn tiến xa hơn nữa trong việc kiến tạo, phát triển cơ sở Phật Giáo địa phương nhằm góp phần vào việc duy trì niềm tin nơi chánh pháp và truyền thống tín ngưỡng tốt đẹp nghìn đời của tổ tiên dân tộc Việt Nam.

CHÙA LIÊN HOA, CHARLOTTE, NORTH CAROLINA

Đáp lời mời của Hội Phật Giáo Việt Nam tại Charlotte, tiểu bang North Carolina, TT. Thích Trí Chơn đã đến thuyết giảng trong ngày lễ hạ ngươn Rằm tháng 10 được tổ chức tại chùa Liên Hoa vào trưa chủ nhật ngày 26-11-1989. Nay là lần thứ hai Thượng Tọa tới đây hoằng pháp. Hàng trăm đồng hương và Phật tử xa gần đã về chùa dự lễ và nghe thuyết pháp. Sau thời pháp, mọi người đều phát tâm tin tưởng sâu xa nơi Tam Bảo và giáo lý nhiệm mầu bất diệt của đức Thế Tôn.

CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ TẠI GREENSBORO, NORTH CAROLINA

Sau Charlotte, TT. Thích Trí Chơn đã đến thăm đồng bào Phật tử tại Greensboro cũng thuộc tiểu bang North Carolina. Nhân dịp này, Thượng Tọa đã thuyết giảng và chủ lễ Rằm tháng 10 do bà con tổ chức tại đây vào lúc 7 giờ tối thứ ba ngày 28-11-1989. Rất đông Phật tử địa phương và phụ cận đã đến dự lễ và nghe pháp. Sau lễ, các đạo hữu đã ở lại dùng thức ăn chay, chuyện trò thân mật tới gần 11 giờ khuya mới ra về. Phật tử ở đây không đông nhưng rất có lòng. Hy vọng những ngày tháng sắp tới, Cộng Đồng Phật Tử tại Greensboro sẽ đóng góp tích cực nhiều hơn nữa trong việc phát triển cơ sở Phật Giáo tại địa phương nhằm giúp bà con duy trì truyền thống tín ngưỡng Phật Giáo tốt đẹp của dân tộc Việt Nam tại hải ngoại.

CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ TẠI MYRTLE BEACH,

SOUTH CAROLINA

Từ Greensboro, TT. Thích Trí Chơn vượt đường xa hơn 9 giờ xe buýt để đến thăm đồng bào Phật tử tại Myrtle Beach, tiểu bang South Carolina. Nhân dịp này, để giúp bà con duy trì tín ngưỡng Phật Giáo, Thượng Tọa đã thuyết giảng và chứng minh lễ hạ ngươn Rằm tháng Mười Kỷ Tỵ được tổ chức tại đây vào trưa thứ sáu ngày 01-12-1989. Rất đông Phật tử xa gần đã đến dự lễ và nghe thuyết pháp. Sau lễ, các đạo hữu đã ở lại thọ trai chuyện trò thân mật, bàn thảo Phật sự tương lai tại địa phương đến chiều mới giải tán. Sự hiện diện của TT. Thích Trí Chơn trong thời gian mấy ngày đã giúp cho mọi người con Phật ở đây tìm lại nguồn vui trong đạo pháp và giữ vững niềm tin sâu xa nơi ánh đạo vàng của đức Thế Tôn.

CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ TẠI KNOXVILLE, TENNESSEE

Đáp lời mời của đồng bào Phật tử tại Knoxville, tiểu bang Tennessee, TT. Thích Trí Chơn từ Myrtle Beach đã đến thuyết giảng và chứng minh lễ Rằm tháng Mười được tổ chức tại đây vào trưa thứ bảy ngày 02-12-1989. Đây là lần thứ hai, Thượng Tọa đến thành phố này để hoằng pháp. Rất đông Phật tử địa phương đã về dự và nghe thuyết pháp. Vào dịp này, Thượng Tọa cũng đã làm lễ quy y cho khoảng gần 15 Phật tử. Số

Phật tử tại Knoxville không đông, nhưng hầu hết rất có đạo tâm và thích tìm hiểu Phật Pháp. Hy vọng tương lai nếu gặp thuận duyên, cộng đồng Phật tử tại Knoxville sẽ còn tiến xa hơn nữa trong việc tạo dựng, phát triển cơ sở Phật giáo địa phương, nhằm giúp cho giới trẻ hậu lai duy trì nếp sống tinh thần đạo đức cao đẹp của tiền nhân Việt Nam nơi hải ngoại.

CỘNG ĐỒNG PHẬT TỬ TẠI NASHVILLE, TENNESSEE

Đáp lời mời của đồng bào Phật tử tại Nashville, thủ đô tiểu bang Tennessee, TT. Thích Trí Chơn lần thứ hai đã đến thuyết giảng và chủ lễ Rằm tháng Mười được tổ chức tại đây vào lúc 4 giờ chiều ngày chủ nhật 03-12-1989 với sự tham dự của rất đông Phật tử địa phương và phụ cận. Sau lễ, các đạo hữu đã ở lại dùng cơm chay thân mật do bà con nấu ở nhà mang tới, và bàn thảo Phật sự đến tối mới về. Phật tử tại Nashville cũng không đông lắm, nhưng đa số đều có tinh thần đoàn kết thương yêu, tích cực đóng góp trong các buổi lễ Phật Giáo. Mong rằng những tháng ngày sắp tới, với đà phát triển hiện nay, Cộng Đồng Phật Tử Nashville sẽ có thể vượt tiến nhanh hơn trong mọi phát triển, thành lập cơ sở Phật Giáo tại địa phương.

Nashville là địa điểm hoằng pháp cuối cùng mà TT. Thích Trí Chơn, đại diện cho Hội Đồng Chỉ Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa

Kỳ, trong thời gian hơn một tháng từ 03-11-1989 đến 05-12-1989 đã đến viếng thăm thân hữu, thuyết giảng và chủ lễ hạ ngươn Rằm tháng Mười Kỷ Tỵ giúp cho các chùa, Hội Phật Giáo và Cộng Đồng Phật Tử ở 15 thành phố thuộc 9 tiểu bang miền đông nam Hoa Kỳ.

CHÙA CỔ LÂM, SEATTLE, TIỂU BANG WASHINGTON

Tin từ chùa Cổ Lâm tại Seattle, tiểu bang Washington cho biết Tết Trung Thu năm rồi đã được tổ chức tưng bừng vui nhộn trong khuôn viên chùa vào ngày 16-09-1989 với sự tham dự của hơn 200 trẻ em và phụ huynh tại Seattle và các vùng phụ cận. Để giúp vui, các em đã đóng góp nhiều màn văn nghệ ca vũ nhạc. Kết thúc Tết Trung Thu, các em tổ chức rước đèn quanh chùa và được phân phát bánh kẹo do các nhà hảo tâm và thương gia giúp đỡ.

Ngoài ra, để đóng góp vào quỹ xây cất chùa và giới thiệu với người ngoại quốc biết về chiếc áo dài phụ nữ Việt Nam, trung tâm văn hóa Lạc Hồng trực thuộc chùa Cổ Lâm đã tổ chức Đại Hội Hoa Hậu Áo Dài vùng Tây Bắc kỳ I năm 1989 tại hội trường Eagle Club, Seattle vào ngày 23-11-1989. Đại hội đã được sự ủng hộ nồng nhiệt của quý vị thương gia và đồng bào. Trên 1,200 khán giả đã đến dự khán 33 thí sinh trẻ đẹp tranh đua trong những chiếc áo dài đủ màu sắc. Kết quả cô

Trịnh Hoàng Minh Nguyệt đã đoạt vương miện Hoa Hậu Áo Dài vùng Tây Bắc kỳ I. Đại hội đã thành công rực rỡ, thu được trên 10 ngàn mỹ kim để giúp vào quỹ xây cất chùa và gây được tiếng vang tốt trong các cộng đồng người Việt tại Seattle.

LỄ ĐẶT ĐÁ XÂY CẤT ĐẠI TÒNG LÂM TAM BẢO SƠN TẠI HARRINGTON, CANADA

Đáp lời mời của TT. Thích Thiện Nghị, viện chủ chùa Tam Bảo Montreal, kiêm Tổng Hội Trưởng Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Canada, quý TT. Thích Đức Niệm, TT. Thích Trí Chơn, TT. Thích Nguyên Đạt, TT. Thích Nguyên An và TT. Thích Nguyên Trí (Liễu Quán) thuộc Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ đã lên đường sang dự lễ đặt đá xây cất Đại Hùng Trang Nghiêm Bảo Điện và kiến tạo Đại Tòng Lâm Tam Bảo Sơn rộng 360 mẫu tây tại Harrington, Canada, vào các ngày 27, 28 và 29 tháng 10 năm 1989.

Lễ chính thức bắt đầu tại Đại Tòng Lâm lúc 11 giờ sáng thứ sáu ngày 27-10-1989 kéo dài đến gần 2 giờ chiều mới chấm dứt. Tham dự buổi lễ, chúng tôithấy ngoài chư thượng tọa, đại đức Tăng Ni thuộc hai Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ và Canada còn có Lạt Ma Gashela Kherab (Tây Tạng), linh mục Thiên Chúa Rolph-Fernando (dòng Franciscain), bà thị trưởng Madeleine Marquis của thành phố Harrington và hàng trăm Phật tử đến từ Chicago (Hoa Kỳ),

Montreal và các vùng phụ cận (Canada). Chương trình lễ được tiếp tục trong hai ngày sau gồm các buổi thuyết pháp tại chùa Tam Bảo, Montreal, do quý thượng tọa trong Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ đảm trách: tối thứ bảy 28-10-89 (TT. Thích Nguyên Đạt); sáng chủ nhật 29-10-89 (TT. Thích Đức Niệm) và chiều chủ nhật cùng ngày (TT. Thích Trí Chơn). Các buổi thuyết giảng này đều có hàng trăm Phật tử tại Montreal và các vùng phụ cận về tham dự.

Đồng bào Phật tử suốt trong ba ngày về dự lễ, ai nấy đều tỏ vẻ vui mừng phấn khởi, ngoài niềm vui tin tưởng sau khi đại tòng lâm Tam Bảo Sơn xây cất xong sẽ là nơi tu tập, tỉnh dưỡng tinh thần rất hữu ích chung cho mọi Phật tử Việt Nam và ngoại quốc, còn có nguồn vui khác lớn lao hơn đối với các Phật tử là được nhìn thấy sự hòa hợp, đoàn kết thương yêu, tích cực hỗ tương hoằng pháp giúp đỡ giữa chư thượng tọa, đại đức Tăng Ni trong hai Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ và Canada.

Phái đoàn quý Thượng Tọa trong Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ đã rời Montreal, trở về Los Angeles vào sáng ngày thứ hai 30-10-1989.

CHÙA HẢI HỘI, WINNIPEG, MANITOBA, CANADA

Đáp lời mời của TT. Thích Thiện Nghị, Hội Trưởng Hội Phật Giáo Chánh Đạo tại Winnipeg, tỉnh

bang Manitoba, Canada, TT. Thích Trí Chơn, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa và Giáo Dục Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ ngày 24-01-1990 vừa qua đã lên đường sang Canada để chứng minh lễ tất niên, thuyết giảng và chủ lễ giao thừa (Tết Nguyên Đán) tại chùa Hải Hội, Winnipeg vào khuya thứ sáu 30 tháng 12 Kỷ Tỵ (nhằm ngày 26-01-1990). Thượng Tọa sẽ ở lại đón Xuân ăn Tết với đồng bào Phật tử tại đây trong bốn ngày mồng 1, 2, 3 và mồng 4. Trong thời gian này, theo chương trình dự tính, Thượng Tọa sẽ mở các buổi thuyết pháp tại chùa để giúp Phật tử địa phương hiểu biết thêm về giáo lý và trao đổi kinh nghiệm, góp ý với ban trị sự trong việc kiện toàn tổ chức, phát triển cơ sở Hội Phật Giáo Chánh Đạo trong tương lai.

NIỆM PHẬT ĐƯỜNG CHÁNH TÂM, SASKATOON, SASKATCHEWAN, CANADA

Tiếp theo, đáp lời mời của Ban Trị Sự Hội Phật Giáo Chánh Tâm, thành phố Saskatoon, tỉnh bang Saskatchewan, Canada, TT. Thích Trí Chơn sẽ đến đây vào trưa thứ tư 31-01-1990 (mồng 5 tết) để viếng thăm, hành lễ và thuyết giảng tại Niệm Phật Đường Chánh Tâm, Saskatoon, vào tối thứ sáu 02-02-1990 (mồng 7) và trưa thứ bảy ngày 03-02-1990 (mồng 8). Đề tài thuyết giảng nhằm hướng đến chủ đề: "Sự đóng góp của Phật

Giáo cho nền văn hóa và dân tộc Việt Nam".

CHÙA PHẬT QUANG, EDMONTON, ALBERTA, CANADA

Sau Saskatoon, TT. Thích Trí Chơn, vào sáng 04-02-1990 sẽ đến thăm, hoằng pháp tại chùa Phật Quang, thành phố Edmonton, thuộc tỉnh bang Alberta, Canada, trong ba ngày. Thượng Tọa sẽ chứng minh lễ cầu an đầu năm tại chùa Phật Quang vào chiều chủ nhật 04-02-1990 (mồng 9) và thuyết giảng đề tài: "Người Phật tử mừng Xuân ăn Tết như thế nào?" Sáng thứ ba 06-02-1990, từ Edmonton, TT. Thích Trí Chơn sẽ trở về Los Angeles chấm dứt hai tuần lễ đầu Xuân Canh Ngọ hoằng pháp tại Canada.

TIN VỀ TRẠI HUẤN LUYỆN HUYNH TRƯỞNG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI

Nhằm kiện toàn, phát triển tổ chức các Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại hải ngoại, trại huấn luyện huynh trưởng Lộc Uyển, A Dục đã được tổ chức trong ba ngày 23, 24 và 25 tháng 11 năm 1989 tại thành phố Anaheim gồm bốn Gia Đình Phật Tử Trúc Lâm, Hương Tích, Lâm Tỳ Ni và A Nô Ma dưới sự bảo trợ của Tổng Vụ Thanh Niên và Gia Đình Phật Tử Giáo Hội P.G.V.N. Thống Nhất tại Hoa Kỳ. Thay mặt giáo hội, quý TT.

Thích Nguyên Đạt và TT. Thích Pháp Châu đến ban đạo từ, thăm hỏi quý anh chị em trong ban quản trại và các trại sinh.

Dù gặp nhiều khó khăn trong bước đầu, trại huấn luyện huynh trưởng Lộc Uyển, A Dục vừa qua đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ. Đó là nhờ anh chị em trong ban tổ chức Trại có tinh thần hy sinh và quyết tâm cao, thực lòng muốn đóng góp xây dựng tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại hải ngoại đi theo đúng đường hướng chân chính của nó, và trong tương lai ngày càng được kiện toàn tổ chức, lớn mạnh phát triển về cơ sở cũng như được sự ủng hộ tích cực của Giáo Hội PGVN Thống Nhất tại Hoa Kỳ và toàn thể các giới đồng bào Phật tử xa gần khắp nơi.

TRI ÂN

Chúng tôi chân thành tri ân những vị ân nhân hảo tâm ủng hộ Tập-San :

Phật tử Bổn Nhơn & Bổn Thiện	$100.00
Pt. Lê Thị Quất Pd. Diệu Chi	$10.00
Pt. Diệu Ý	$20.00
Pt. Diệu Vân	$20.00
Pt. Minh Thành	$100.00
Pt. Phan H. Thọ	$20.00
Pt. Nguyễn Thị H. Diệp	$50.00
Pt. Dương Chí Thành	$20.00
Pt. Tâm Nghĩa & Diệu Tánh	$50.00
Pt. Minh Trí	$10.00
Pt. Chơn Quán	$20.00
Pt. Bé Yên Pd. Diệu Hòa	$5.00
Pt. Bé Ngoan Pd. Diệu Lý	$1.00
Pt. Bé Phúc Pd. Minh Đức	$1.00

HÌNH ẢNH

SINH HOẠT

Thời gian xây cất chánh điện, sớm chiều tăng chúng Phật Học Viện làm lễ dưới gốc cổ thụ Bồ Đề, TT. Đức Niệm đang cầu nguyện cho việc xây chánh điện sớm được hoàn thành.

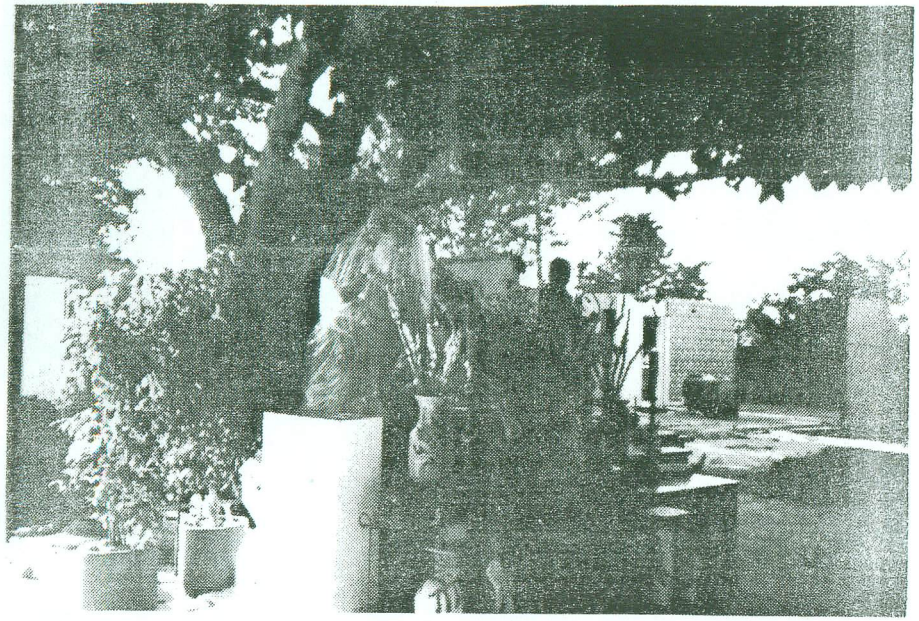

Trong thời gian xây chánh điện Phật Học Viện Quốc Tế, tôn tượng được tạm thờ dưới cội cây Bồ Đề trong vườn thiền của Viện để tăng chúng sớm hôm kinh kệ.

Đây là mặt tiền chánh điện Phật Học Viện, khởi công xây cất ngày 8-8-1989 và hoàn thành ngày 8-1-1990.

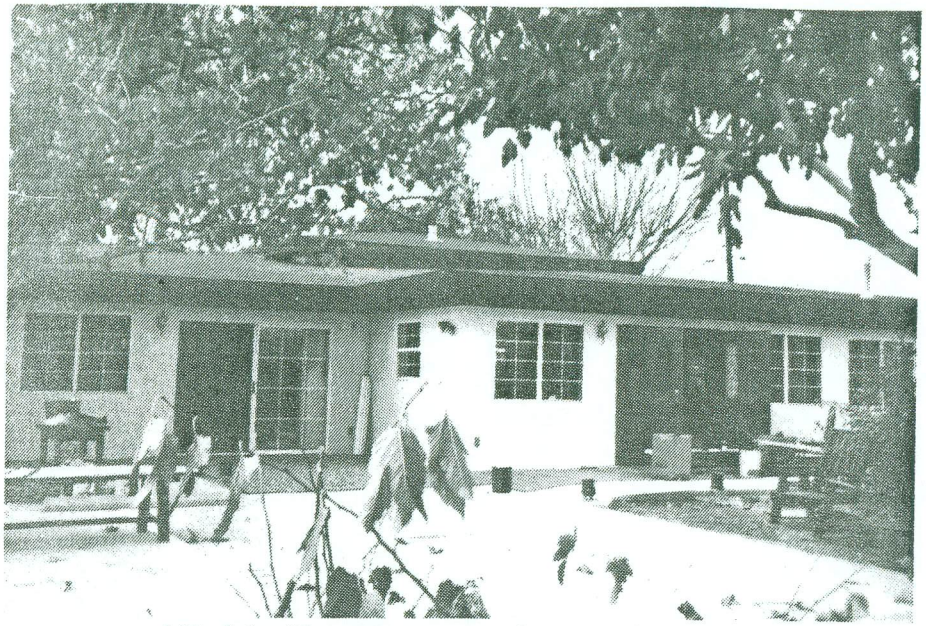

Mặt hậu Phật Học Viện, trải hơn bốn năm lo thủ tục giấy phép và nay đã hợp pháp hoàn thành.

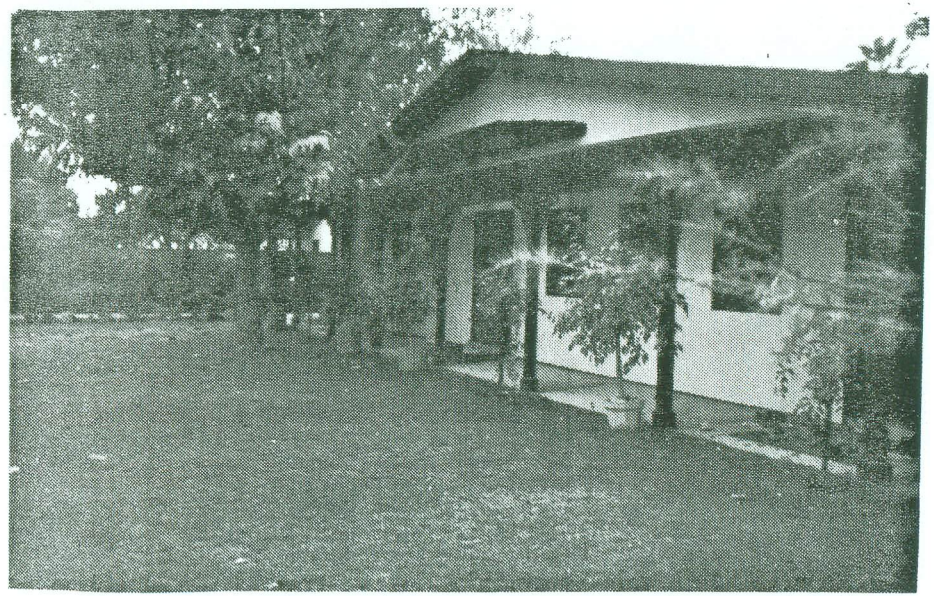

Giảng đường Phật Học Viện Quốc Tế khởi công xây cất ngày 2-5-89 và hoàn thành ngày 8-8-89. Trọn 9 năm Phật Học Viện mới hoàn thành giảng đường, chánh điện, tăng xá và tàng kinh các.

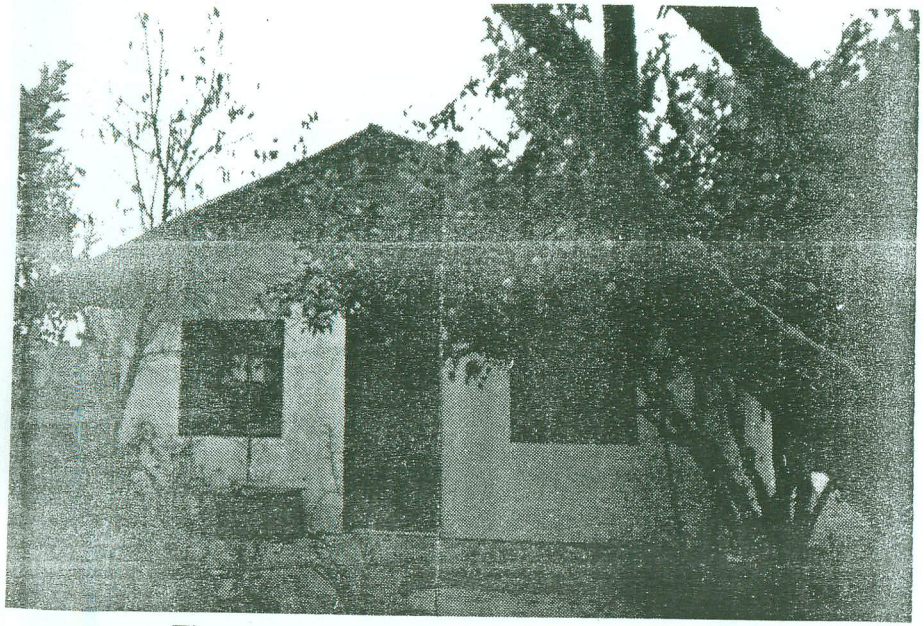

Tàng kinh các của Phật Học Viện cất xong ngày 2-8-89.

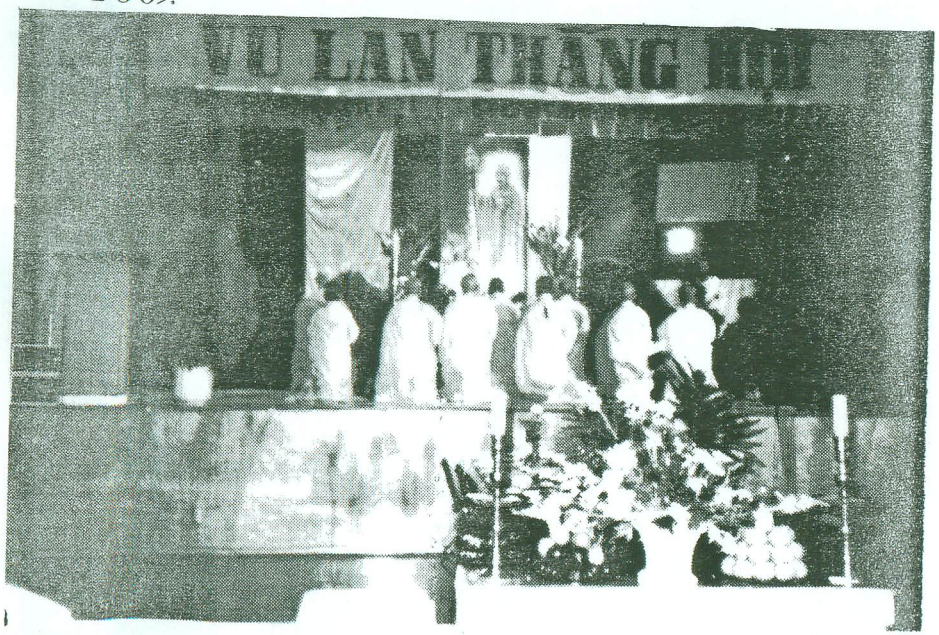

Chư Tăng Việt Nam và ngoại quốc vân tập Phật Học Viện tham dự đại lễ Vu Lan Kỷ Tỵ - 1989.

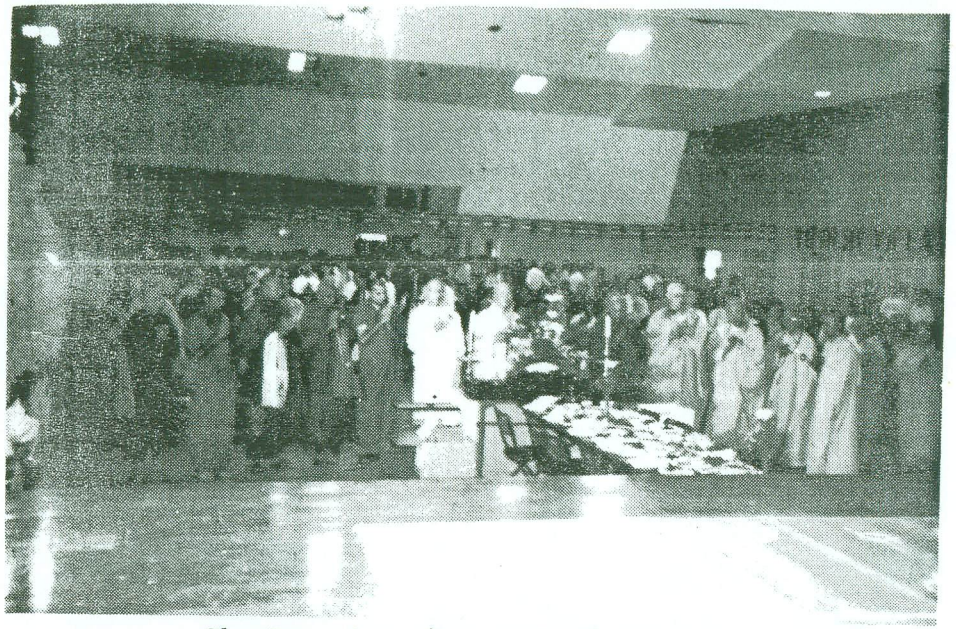

Chư Tăng đang cầu nguyện lễ phóng sanh nhân dịp lễ Vu Lan 1989 tại Phật Học Viện Quốc Tế.

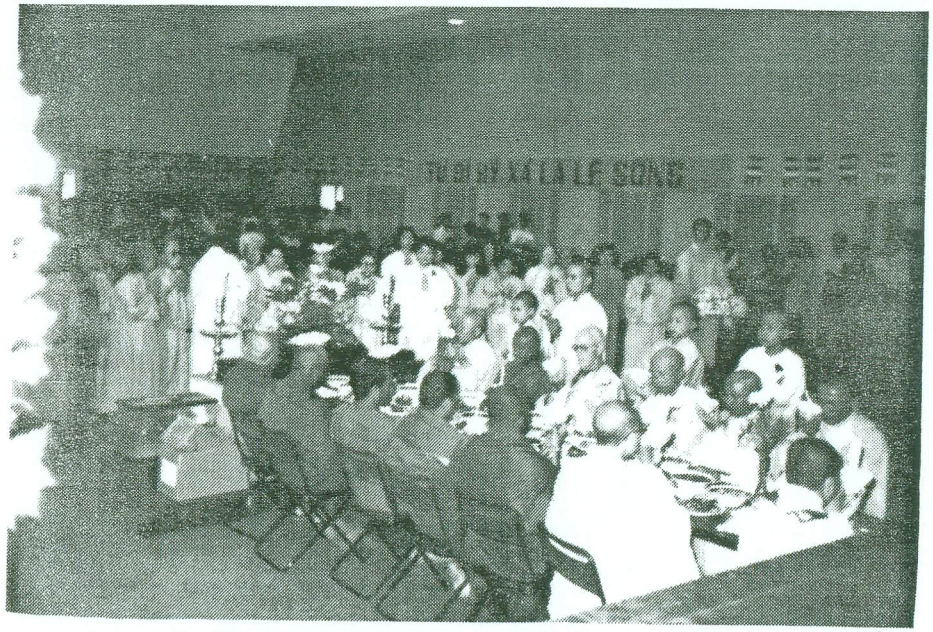

Chư Tăng Việt Nam và ngoại quốc nhất tâm hoan hỷ nạp thọ cúng dường trai tăng trong ngày lễ Vu Lan do Phật Tử Phật Học Viện thành tâm dâng hiến.

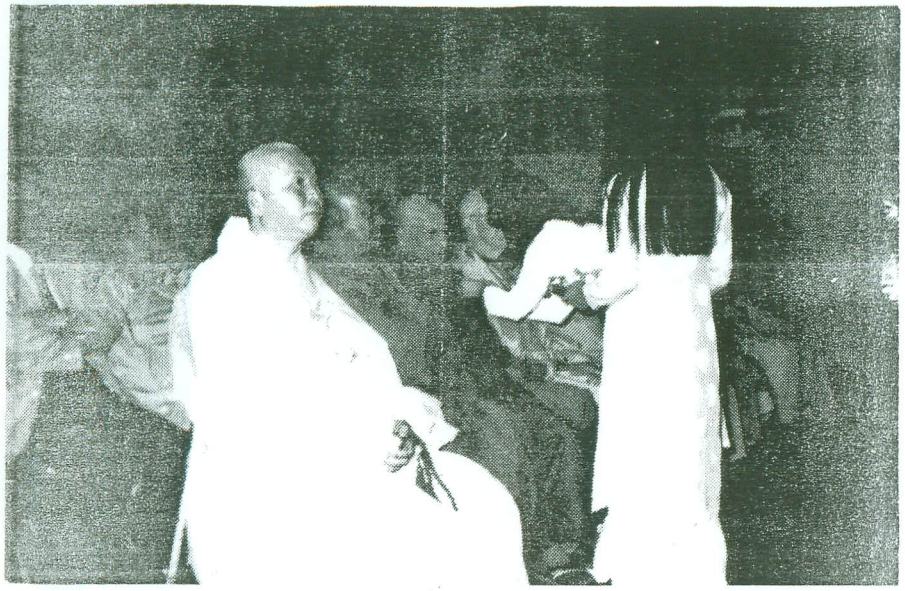

Nhân lễ Vu Lan báo hiếu, các thiếu nữ Phật tử gắn bông hồng để tượng trưng cho lòng con thảo nhớ ân đức sanh thành cha mẹ.

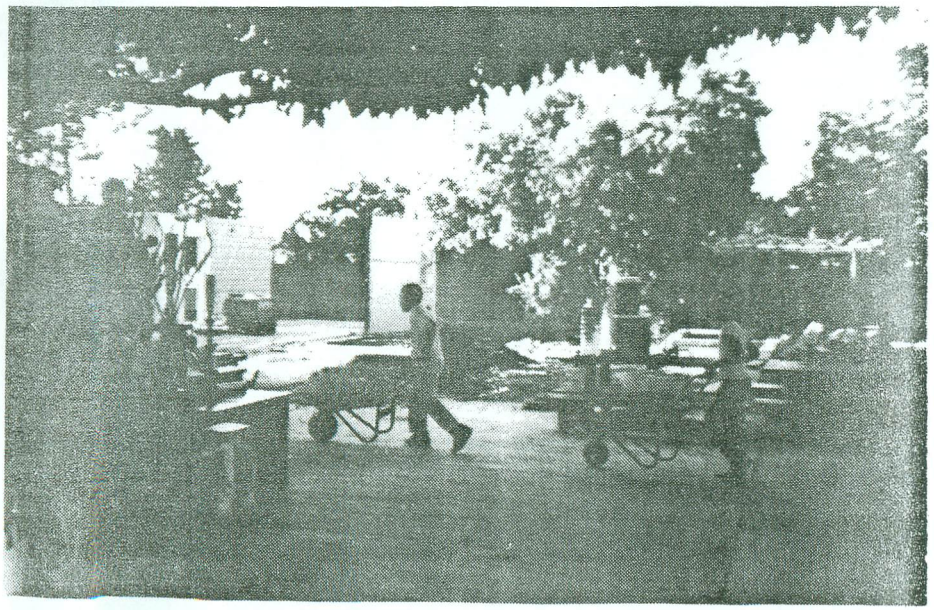

Ngoài giờ tu học ra, tăng chúng điệu Phật Học Viện vẫn luôn thực hiện chấp tác công quả để vun bồi thêm phước đức.

Cổ đức tổ sư đã dạy: Ngày nào không làm, ngày đó không ăn. Gánh nước, bửa củi, làm tương là công phu thứ nhất.

Phật Tử Phật Học Viện phấn khởi làm công quả để vun bồi cội phước.

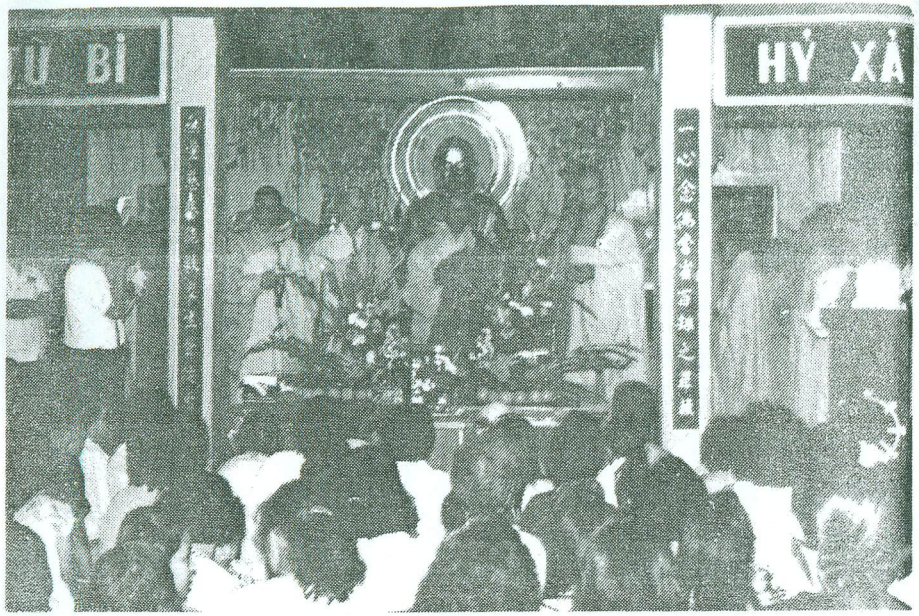

TT. Thích Tín Nghĩa chứng minh đại lễ Vu Lan 2533 tại chùa Giác Lâm, Philadelphia, ngày 19-8-1989.

Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, Phật tử đang hành lễ khánh thành tôn tượng Quán Thế Âm và đặt đá xây cất tu viện Liễu Quán miền Nam Cali ngày 15-10-1989.

TT. Thích Trí Chơn đến thuyết giảng, chứng minh lễ Vu Lan 2533 ngày 20-8-1989 tại Bayou La Batre (Alabama).

Ngày 26-8-1989, TT. Thích Trí Chơn đến thuyết pháp, chủ lễ Vu Lan tại chùa Tam Bảo, Apopka (Florida).

Phật tử chụp hình lưu niệm với TT. Thích Trí Chơn sau khi dự lễ Vu Lan tại Savannah (Georgia) tối 01-09-1989.

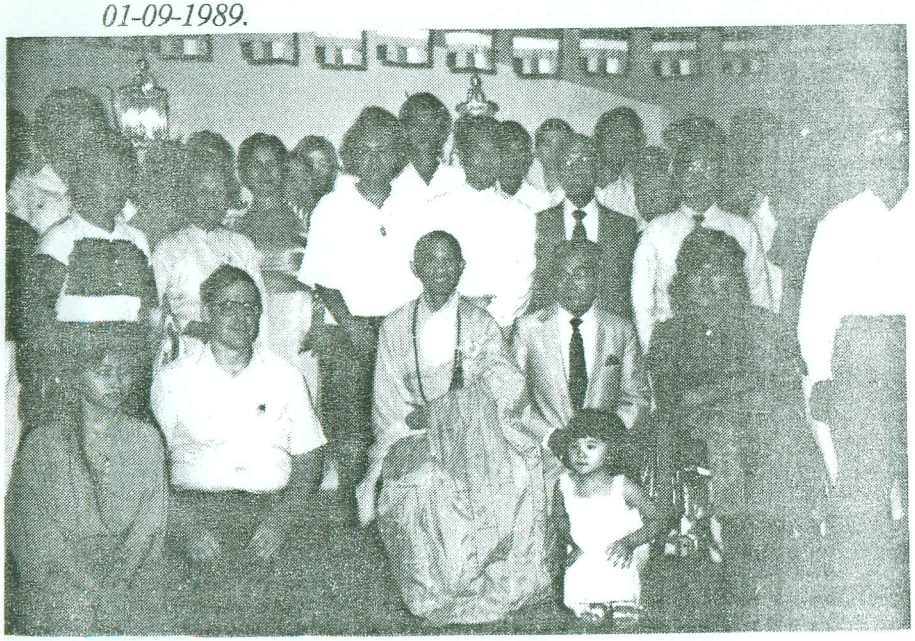

TT. Thích Trí Chơn đến viếng thăm, thuyết giảng, chứng minh lễ Vu Lan tại chùa Liên Hoa, Charlotte (North Carolina) trưa 2-9-1989.

TT. Thích Trí Chơn đến thăm Phật tử, thuyết giảng nhân mùa Vu Lan tại Cộng Đồng Phật Tử Columbus (Ohio) tối 6-9-1989.

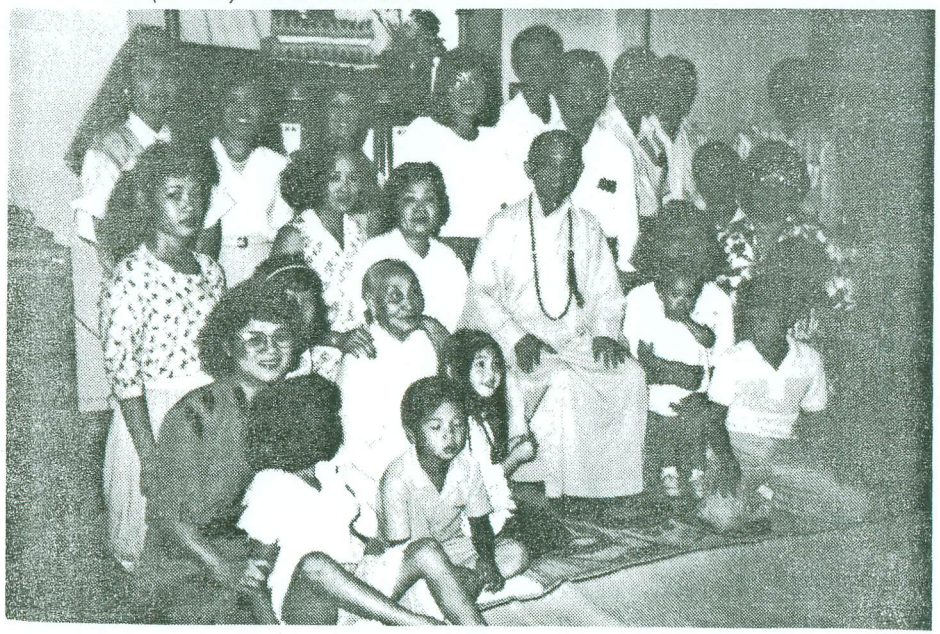

Nhân dịp Vu Lan, TT. Thích Trí Chơn viếng thăm, thuyết giảng ngày 8-9-1989 tại Niệm Phật Đường An Lạc, Indianapolis (Indiana).

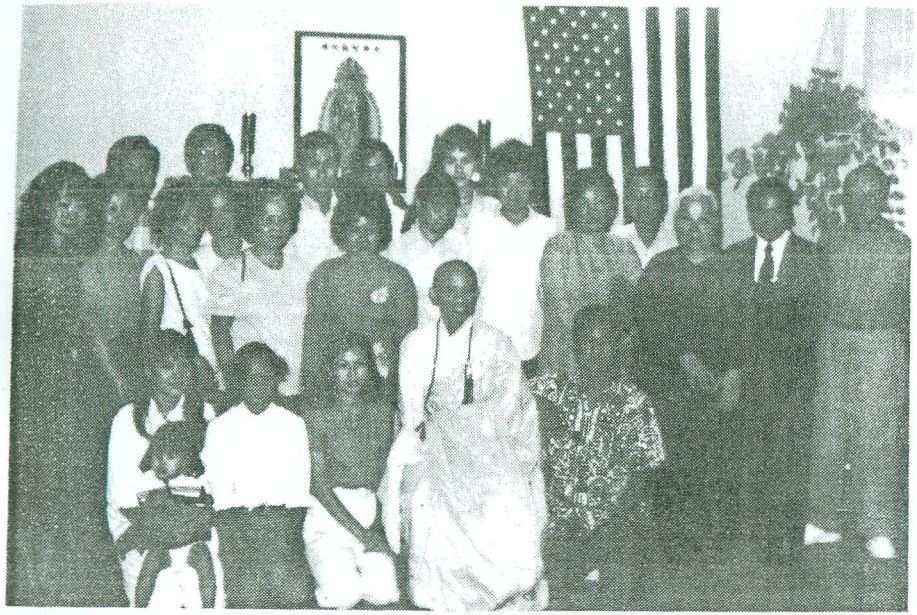

TT. Thích Trí Chơn đến thuyết pháp, chứng minh lễ Vu Lan tại Louisville (Kentucky) ngày 9-9-1989.

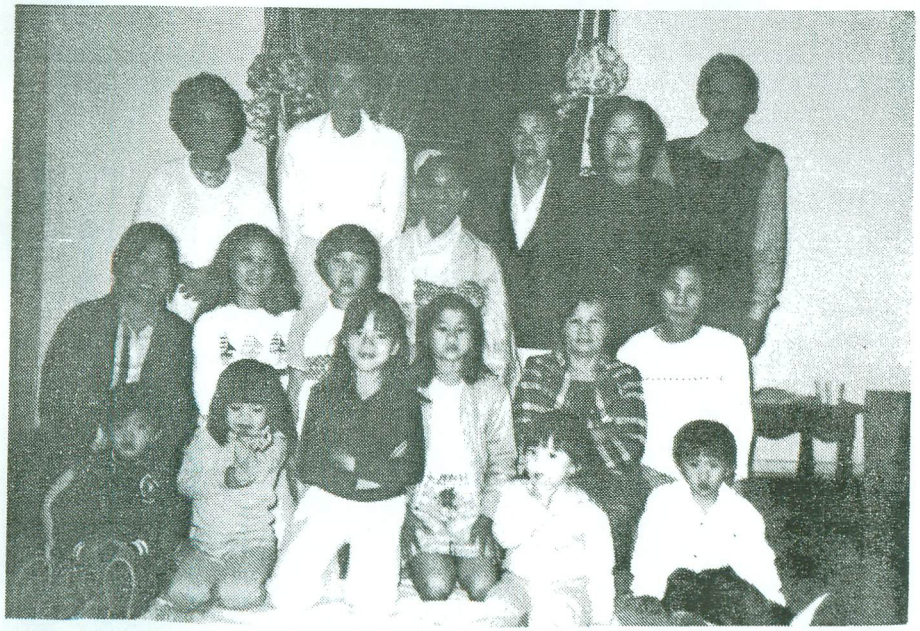

TT. Thích Trí Chơn đến thuyết giảng, chứng minh lễ Rằm tháng 10 Kỷ Tỵ tại Mobile (Alabama) ngày 4-11-1989.

Phật Tử chụp hình lưu niệm với TT. Thích Trí Chơn tại Jackson (Mississipi) sau khi hành lễ Rằm tháng 10 ngày 5-11-1989.

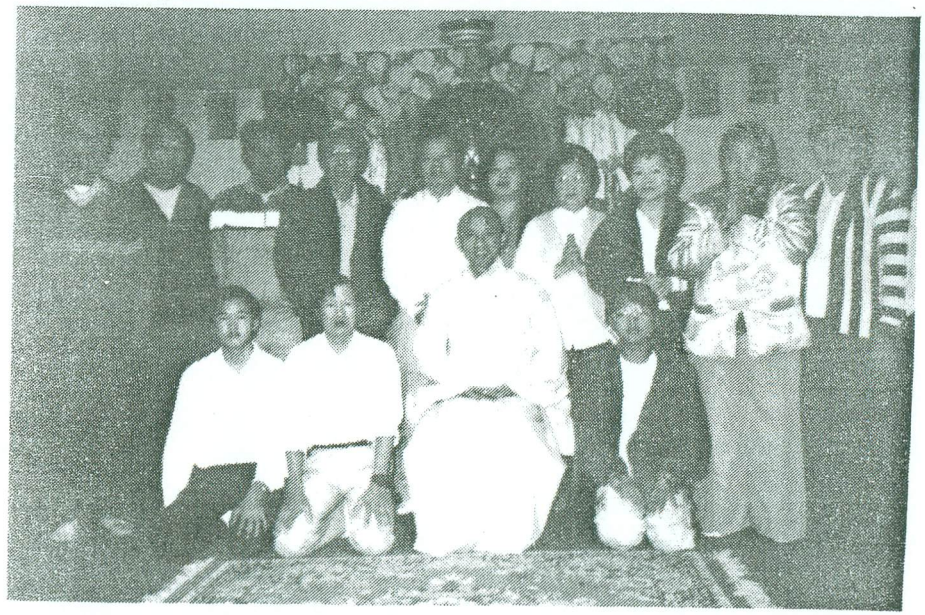

TT. Thích Trí Chơn viếng thăm và thuyết giảng ngày 8-11-1989 tại chùa Phổ Minh, Fort Smith (Arkansas).

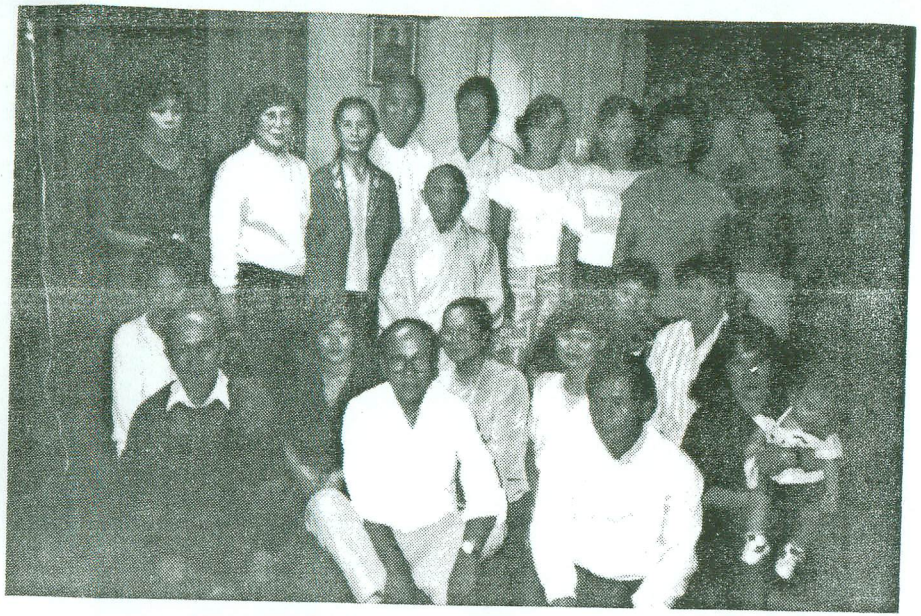

Dưới sự hướng dẫn của TT. Thích Trí Chơn, lễ Rằm tháng 10 được trang nghiêm cử hành ngày 11-11-1989 tại Pensacola (Florida).

Sau khi hành lễ Rằm tháng 10 ngày 12-11-1989, các Phật Tử chụp hình lưu niệm với TT. Thích Trí Chơn tại chùa Từ Bi, Baton Rouge (Louisiana).

TT. Thích Trí Chơn viếng thăm, thuyết giảng, chủ lễ Rằm tháng 10 tại Houma (Louisiana) ngày 14-11-1989.

Phật tử chụp hình lưu niệm với TT. Thích Trí Chơn sau khi hành lễ Rằm tháng 10 ngày 19-11-1989 tại chùa Hải Đức, Jacksonville (Florida).

TT. Thích Trí Chơn và Phật tử chụp hình lưu niệm sau buổi lễ Rằm tháng 10 tại Knoxville (Tennessee) ngày 02-12-1989.

Phật tử niềm nở đón tiếp TT. Thích Trí Chơn đến thuyết giảng, chứng minh lễ Rằm tháng 10 chiều 03-12-1989 tại Nashville (Tennessee).

THE BODHI GARDEN
VEGETARIAN RESTAURANT
菩 提 緣 素 菜 館

QUÁN CƠM CHAY

BỒ ĐỀ DUYÊN

1498 SUNSET BLVD #2 LOS ANGELES, CA 90026

TEL: (213) 250-9023

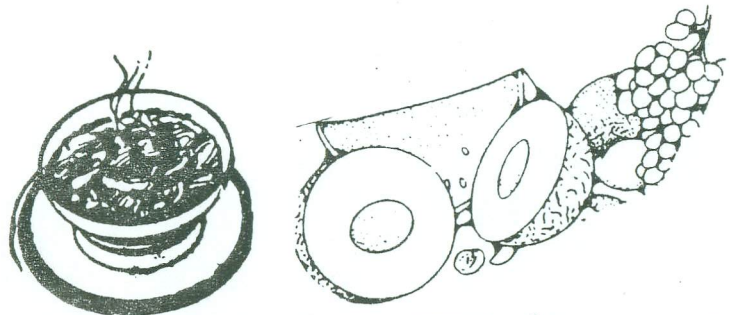

Cung Chúc Tân Xuân

Dầy đủ các món ăn tinh khiết bổ dưỡng cho Cơm trưa, Cơm chiều do đầu bếp chuyên nghiệp về món ăn chay đảm trách.

* *NHẬN ĐẶC TIỆC*
* *CƠM PHẦN*

MÓN ĐẶC BIỆT THAY ĐỔI HÀNG TUẦN VÀ NGÀY RẰM
MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN

DƯỢC THẢO LÔ-HỘI (ALOE-VERA)

FOREVER LIVING PRODUCTS:

ALOE VERA GEL, JUICE VÀ NETAR: TRỊ BÁ BỆNH

* Nước cốt Lô-Hội dùng để uống trợ giúp đồ ăn dinh dưỡng cho cơ thể, vì gồm rất nhiều sinh tố (Vitamins), Amino-Acid và khoán chất (Minerals) rất công hiệu trong những trường hợp bịnh lý của bộ máy tiêu hóa, cao máu, tiểu đường, phong thấp, đau nhức kinh niên, v.v...

DÙNG TRONG 60 NGÀY KHÔNG THẤY KẾT QỦA HÃNG SẼ HOÀN TIỀN LẠI

*** Dược Thảo Lô-Hội có bán tại các địa điểm sau đây:**

- Chùa VN Los Angeles: 863 S. Berendo Street, LOS ANGELE, ÇA 90005 - (213) 384-9618
- Chùa Diệu Pháp: 405 N. Mission Rd., ALHAMBRA, CA 91801 - (818) 281-7791
- Chùa Bảo Tịnh: 2406 Compton Blvd., GARDENA, CA 90249 - (213) 516-1522
- Phật Học Viện Quốc Tế: 9250 Columbus Avenue, SEPULVEDA, CA 91343 - (818) 893-5317
- Chùa Liên Hoa: 9161 Bixby Avenue, GARDEN GROVE, CA 92641 - (714) 636-7725
- Chùa Hương Tích: 5009 W. 5th Street, SANTA ANA, CA 92703 - (714) 554-7837
- Tu Viện Hoa Nghiêm: 9101 W. Greenville, WESTMINSTER, CA 92683 - (714) 892-2784
- Chùa Minh Quang: 10351 Hazard Street, GARDEN GROVE, CA 92643 - (714) 775-6476

• Mọi chi tiết, xin liên lạc: **HƯƠNG VƯƠNG**

(714)893-1349

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 Magnolia, Ste 101
Westminster, CA 92683
Tel. (717) 893-1915

ÁM ẢNH BỞI UNG THƯ NGỰC ?

Quý Vị Phụ Nữ An Tâm Hãy Tới Trung Tâm Quang Tuyến Magnolia Chụp Ngực

ROYAL HOME REALTY

18601 SHERMAN WAY
RESEDA, CA 91335
Và Chi Nhánh Ở * SIMI VALLEY *

Khi Mua Bán Nhà Cửa, Đất Đai, Cơ Sở
CHÚNG TÔI XIN GIÚP QUÍ VỊ

- Mua nhà đẹp giá rẻ
- Định giá bán nhà miễn phí
- Bán nhà giá cao, nhanh chóng
- Hướng dẫn vay tiền phân lời thấp
- Chọn ngân hàng điều kiện dễ dàng

THÀNH TÂM - UY TÍN - NHANH CHÓNG

Xin liên lạc : LÂM BẢO HÒA
Real Estate Sale Consultant
TEL. Bus: (818) 705-4000
Home: (818) 706-1252

Thành Tâm
VIDEO PHOTO

*** NHẬN QUAY PHIM VÀ CHỤP HÌNH ***

- Video photo engagement, Wedding, Birthday, Party ect...
- Lễ hỏi, Lễ cưới, Sinh nhật, Họp bạn v.v...
- Ghép hình và phim Lễ hỏi vào phim Lễ cưới
- Làm phim lại cho những phim đã quay xong
- Quay, chụp ghép hình phim cảnh trực tiếp
- Kỷ thuật tân kỳ, ánh sáng hoàn hảo
- Nhận giúp vui văn nghệ và Dance.

XIN GỌI : BUS : (213) 258-4104
RES : (213) 257-5066
Beeper : (818) 450-3498

CÓ PHIM VIDEO MẪU VÀ HÌNH MẪU

flowers
BY *Thuy*

170 E. ALEGRIA AVE.
SIERRA MADRE, CA 91024
TEL. (818) 355-9637 * 355-7758

THỦY RIOS phụ trách.

* Nhận cắm hoa đám cưới, đính hôn, đám ma, tiệc tùng.
* Nhận làm hoa trang trí nhà cửa, văn phòng, tiệm ăn, khai trương tiệm.
* Đủ loại hoa tươi, hoa lụa, hoa khô
* Tùy theo ý thích của khách hàng và đủ kiểu Mỹ, Nhật.
* GIAO HÀNG MIỄN PHÍ.

協和行
HIP WOO HONG

733 A NEW HIGH ST. (CHINATOWN)
LOS ANGELES, CA 90012
PHONE: Bus (213)628-0041

ĐẠI HẠ GIÁ CÁC MÓN HÀNG NHÂN SÂM, CAO LY SÂM VÀ CÁC THỨC ĂN Á ĐÔNG.

(Trước cửa chợ MAN WAH và VIỆT HOA)
– ĐẶC BIỆT: Đông Y Sĩ Hứa Tư Thất tốt nghiệp Quốc Y Chuyên Khoa Trung Quốc, Trên 30 năm kinh nghiệm, đã có phòng mạch THỌ KHANG DƯỢC PHÒNG đường Hồng Bàng chợ An Đông.
– Phục vụ thường trực ,xem mạch miễn phí cho quý đồng hương.

– CHUYÊN TRỊ: Thần kinh suy nhược mất ngủ thận suy, bệnh tâm trí, bệnh đái đường, bệnh kinh đau, bệnh bạch đái Gan, bao tử và những chứng bệnh nội khoa khác.
– TẠP HÓA: Thực phẩm Đông Phương nhiều loại đặc biệt – Sâm và Nhung đủ loại

TIỆM THUỐC BẮC VÀ TẠP HÓA
HIP WOO HONG
Kính Mời

TRUNG TÂM Y-NHA-DƯỢC VAN NUYS

B.S LÊ PHƯỚC LỘC

RICHARD LE M.D

6900 Van Nuys Blvd, Suite # 7., Van Nuys, CA 91405

Tel : (818) 989-2406 - 989-2407

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

AMERICAN BOARD OF PEDIATRICS - HỘI VIÊN Y SĨ ĐOÀN HOA KỲ TỪ 1985 TỐT NGHIỆP MICHEAL REESE HOSPITAL, CHICAGO. HÀNH NGHỀ Ở NEW ORLEANS TỪ 1984-85, NGUYÊN NỘI TRÚ TULANE MED. CENTER NEW ORLEANS. NGUYÊN THƯỜNG TRÚ WHITE MEM.MED CENTER/LA.

GIỜ LÀM VIỆC :

Thứ Hai - Thứ Sáu	: 9AM - 7PM
Thứ Bảy	: 9AM - 5PM
Chủ Nhật	: Nghỉ

CHUYÊN TRỊ :

* Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng tiêu hóa, hô hấp, tim mạch, xương khớp, biến dưỡng, nội tiết, thận gan, thiếu máu.
* Các bệnh người lớn : Đau đầu, đau khớp, đau ngực, phong thấp, ho suyễn, táo bón và các bệnh người già cao huyết áp, đau lưng, nhức khớp, ù tai, ăn khó tiêu, mất ngủ v.v...
* Các bệnh phụ khoa : Kinh nguyệt không đều, ngừa thai, thử thai, khám thai v.v...
* Các bệnh thanh thiếu niên : Mụn, bệnh ngoài da, Hoa Liễu.
* Thương tích nghề nghiệp : Gãy xương.

ĐẶC BIỆT :

* Khám định kỳ trẻ em sơ sinh.
* Chích ngừa và khám nhập học.
* Khám sức khoẻ định kỳ theo CHDP.
* Lập giấy y khoa tiền hôn phối.
* Nhận làm bác sĩ gia đình.
* Hợp tác với chương trình Bông Sữa (WIC).
* Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện vùng Van Nuys/ Sherman Way/ Panorama và San Fernando Valley.

ĐỊA ĐIỂM :

* Cạnh PHAN'S PHARMACY.
* Cạnh NHA SĨ LÊ THÀNH HOÀ & PHAN THỊ MỸ HẠNH.

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM
KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - DỤNG CỤ TỐI TÂN

BÁC SĨ MAI THANH HỒNG, M.D

CHUYÊN MÔN KHOA NHI ĐỒNG TẠI LONG BEACH

2146 E. Anaheim St., Long Beach, CA 90804

Tel. (213) 439-7227 * 24 hrs.

GIỜ LÀM VIỆC :

THỨ HAI - THỨ SÁU	: 9:30 AM - 6:00 PM
THỨ BẢY	: 10:00 AM - 2:00 PM

- AMERICAN BOARD OF NEONATOLOGY
DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF PEDIATRICS
- Cựu Nội Trú Bệnh Viện Nhi Đồng Sàigòn
Bác Sĩ Điều Trị Bệnh Viện Nhi Đồng, Quảng Đông

* CHUYÊN MÔN BỆNH TRẺ SƠ SINH CẤP CỨU (Neonatology) VÀ BỆNH NHI ĐỒNG (Pediatrics).

* BỆNH THANH THIẾU NIÊN.

** Bác Sĩ Điều Trị Tại St. Mary Medical Center, Long Beach Memorial, Long Beach Community Hospital, Huntington Memorial Pasedena.*

** Cộng Tác Chương Trình Bông Sữa WIC.*

** Đích Thân Săn Sóc Trẻ Sơ Sinh Tại Bệnh Viện.*

Bác Sĩ NGUYỄN HỮU TUÂN, M.D

Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ GIA ĐÌNH

CHUYÊN TRỊ: Bệnh nội thương người lớn và trẻ em Bệnh phụ nữ, thăm thai ngừa thai Khám sức khoẻ tổng quát, nhập học và chích ngừa Săn sóc sức khỏe gia đình Hợp tác với chương trình bông sữa WIC

CANOGA PARK, CA 91343
22030 Sherman Way # 211 - (góc Topanga Canyon blvd)
(818) 884-7424
Giờ khám bệnh: Sáng: THỨ HAI, TƯ, BẢY. 9:00AM - 1:00PM
Chiều: THỨ BA, NĂM, SÁU. 2:30PM - 6:00PM

VAN NUYS, CA 91405
6850 Van Nuys Blvd # 125 - (giữa Phan Pharmacy &
(818) 994-2498 Valley Federal Savings Bank)
Giờ khám bệnh: Sáng: THỨ BA, NĂM, SÁU. 9:00AM - 12:30PM
Chiều: THỨ HAI, TƯ, BẢY. 2:00PM - 6:00PM

* Đặc biệt cho quý vị làm việc vùng SAN FERNANDO VALLEY.
* Văn phòng chúng tôi có nhận thêm Bảo-Hiểm của các hãng: Blue Cross, Blue Shield, Cigna, Prudential Plus, Metlife California Care, Maxicare, Amerimed, Care America, Equicor, Health Plan of America etc... Muốn biết thêm chi tiết về các hãng Bảo-Hiểm trên, xin liên lạc với văn phòng bác sĩ.

NHẬN MEDI-CAL & BẢO HIỂM PHONE KHẨN CẤP
THƯỜNG TRỰC NGÀY ĐÊM : (818)994-2498 & 884-7424

1/ Khi cần nằm bệnh viện, Bác-Sĩ đích thân chăm sóc theo dõi với sự hợp tác hổ trợ của các Bác-Sĩ chuyên khoa tận tâm, uy tín, khả năng.
2/ Quý bệnh nhân chỉ có Medi-cal chúng tôi sẽ cố gắng thu xếp để giới thiệu đến Bệnh-Viện-Tư, Bác-Sĩ Chuyên-Khoa... nhận Medical (tránh phải nhập Viện-Công (county Hospital của State Hospital).
3/ Nhận chửa trị và lập hồ sơ về tai nạn lao động, tai nạn xe cộ v.v...
4/ Hoan hỉ, sẵn sàng giải đáp các câu hỏi thắc mắc về :
- vấn đề y tế của quý vị, - vấn đề y khoa phòng ngừa v.v...

Bác Sĩ Lã Hoàng Trung

DIPLOMATE OF THE AMERICAN BOARD OF PEDIATRICS
BỆNH SƠ SINH, BỆNH TRẺ EM & THANH THIẾU NIÊN

14571 Magnolia Street., Suite # 210
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 894-3103

GIỜ LÀM VIỆC

THỨ HAI - THỨ SÁU 9AM - 5:30PM
THỨ BẢY 10AM - 4PM

MAY
PHARMACY

ÁI LUCIA TRẦN
Registered Pharmacist
14571 MAGNOLIA AVE # 104
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 893-2697 * 531-3560

WARNER-BRISTOL
PHARMACY

TRẦN ĐỨC HIẾU
Registered Pharmacist
1120 W. WARNER
SANTA ANA, CA 92707
(714) 549-3666

- Bán thuốc theo toa Bác-Sĩ
- Bán đầy đủ các loại thuốc thông thường
- Nhận Medical và các loại bảo hiểm
- Nhận Visa Master Card

Giờ mở cửa :
THỨ HAI đến THỨ BẢY 9:30AM - 7:00PM

BÁC SĨ NHA KHOA

LÊ THÀNH HÒA

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

PHAN THỊ MỸ HẠNH

** KHÁM RĂNG TỔNG QUÁT ĐỊNH KỲ*
** TRỊ CÁC BỆNH VỀ RĂNG - MIỆNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*

* Nhận Medical và Bảo hiểm

ALHAMBRA
407 W. MAIN ST.
ALHAMBRA, CA. 91801
(818) 281-6642
Giờ làm việc:
Thứ hai đến Thứ bảy: 9 AM – 6 PM

VANNUYS
6900 VANNUYS BLVD. Suite: 14
VANNUYS, CA. 91504 –(818) 904-0224
(cùng building với PHAN Pharmacy)
Giờ làm việc:
Thứ hai đến Thứ sáu : 10 AM – 6 PM
Thứ bảy ..... : 10 AM – 4 PM

BÁC SĨ NHA KHOA

HUỲNH THỊ HẠNH

- *Tốt nghiệp Nha khoa Đại học Saigon*
- *Nguyên Giảng viên Đại học MN Bộ môn chữa răng và làm răng giả*

□ Chuyên trám răng và làm răng giả đủ loại
□ Chữa bệnh nướu răng
□ Làm bonding và tẩy trắng răng

BÁC SĨ NHA KHOA

QUẢN ĐỊNH

- *Tốt nghiệp Nha khoa Đại học Saigon*
- *Tốt nghiệp Chuyên khoa Nội Nha Đại học Minnesota (Master of Sciences in Endodontics)*
- *Nguyên Giáo sư Đại học Nha khoa Minnesota (75-89)*

□ Chuyên chữa những răng cần lấy gân máu

14571 MAGNOLIA, SUITE 202, WESTMINSTER, CA. 92683
TEL: **714-897-9985**
GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai - Thứ Bảy: 10 — 6
Xin vui lòng lấy hẹn trước

Bác Sĩ CHÂU VĂN KIỆT

9411 BOLSA AVE., Suite B. * WESTMINSTER, CA 92683
ĐIỆN THOẠI : (714) 531-4591

Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ CHUYÊN CHÂM CỨU

CHUYÊN TRỊ : Nội và ngoại thương người lớn, trẻ em.

- **Các bệnh đau nhức mỏi, nhức đầu, đau lưng, lạnh hai chân, tê thấp, bại xụi, cơ thể bạc nhược, sổ mũi kinh niên, thận suy.**
- **Thăm thai, bệnh phụ nữ.**
- **Khám sức khỏe tổng quát, chích ngừa, khám sức khỏe nhập học.**
- **Khám và cấp bông sữa cho trẻ em và sản phụ (chương trình WIC).**

ĐẶC BIỆT : LO CÁC TAI NẠN LƯU THÔNG, LAO ĐỘNG
NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

Giờ khám bệnh: THỨ HAI - THỨ BẢY : 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều

XIN GỌI ĐIỆN THOẠI ĐỂ LẤY HẸN

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM

DANH'S PHARMACY

9182 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 892-4407 • 891-2218

LINH'S PHARMACY

9191 BOLSA AVENUE, SUITE 102
WESTMINSTER, CA 92683
TEL: (714) 891-3644

- **Nhà thuốc tây Việt Nam đầu tiên tại Hoa Kỳ**
- **Trung tâm nhận gởi quà về Việt Nam**
- **Trung tâm nhận gởi thuốc tây từ Pháp và Mỹ về Việt Nam**
- **Thuốc tây với phẩm chất tinh vi, giá khó ai bì.**

●●●

Thuốc trị RỤNG TÓC - ANABION -

* Tóc bị gãy, chẻ ngọn * Làm sợi tóc phát triển mạnh
* Nuôi dưỡng nền tóc đẹp óng ánh * Nam nữ đều dùng

Bác Sĩ CUNG CHÚC TÂN XUÂN

BÙI NGỌC ĐIỆP

THẠC SĨ Y KHOA NỘI THƯƠNG HOA KỲ
THẠC SĨ CÁC BỆNH VỀ MÁU & UNG THƯ

○

*** TRỊ: Nội khoa, Tổng quát: Người lớn và Trẻ em.**
*** CHUYÊN TRỊ: Tiểu đường, áp huyết cao, phong thấp, ho suyễn, đau tim, bao tử, ruột, gan, thận, xương.**

□

ĐẶC BIỆT:

- **Bệnh về máu (thiếu máu, dư máu, máu loãng, máu đông)**
- **Ung thư (vú, phổi, bao tử, xương)**

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Phòng mạch Garden Grove
(Giữa Brookhurst và Euclid)
□□□□□□□
10292 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643

Tel: (213) 924-0258 *** XIN VUI LÒNG HẸN TRƯỚC**
(714) 537-7358

Phan's
PHARMACY

6900 VAN NUYS BLVD
VAN NUYS, CA. 91405
Tel: (818) 988-6191

SAN FERNANDO VALLEY, VAN NUYS, NORTH HOLLYWOOD, BURBANK, NORTHRIDGE, CANOGA PARK V.V....

* THUẬN DƯỜNG (GIỮA 3 LỘ CHÍNH VÀ XE BUÝT)
* BÁN TRỤ SINH, THUỐC TRỊ ÁP HUYẾT CAO, TIM, LOÉT BAO TỬ, TÊ THẤP, THẦN KINH v.v.... MIỄN TOA CỦA BÁC SĨ ĐỂ GỞI VỀ VIỆT NAM.
* THUỘC "MEDICAL BUILDING" CÓ NHIỀU BÁC SĨ VÀ BÃI DẬU XE RỘNG RÃI
* NGAY PHỐ THƯƠNG MẠI CHÍNH – GIỮA SHERMAN WAY VÀ VICTORY BLVD, GẦN VALLEY HOSPITAL.
* ĐẠI DIỆN LÃNH GỞI QÚA VỀ SGN, ĐÀNẴNG HÀ NỘI BẰNG HÀNG KHÔNG AIR FRANCE

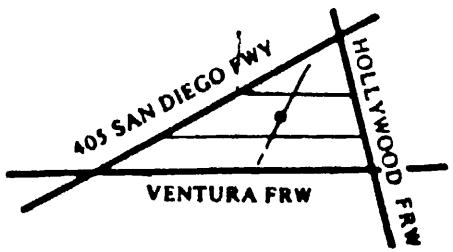

BÁC SĨ NHA KHOA
HỒ VĂN PHÚ

* *Nha Khoa Gia Đình : trám, nhổ, chữa tủy răng*
* *Khám răng định kỳ*
* *Nha Khoa Phòng Ngừa*
* *Làm răng giả các loại*
* *Sửa răng thẩm mỹ*

TẠI

CHINATOWN CENTER
625 W. College St. #104
Los Angeles, CA. 90012
Phone: (213) 617-0096
Kế cận French Hospital và chợ Ái Hoa

SOUTH BAY CENTER
15024 Prairie Ave.
Hawthorne, CA. 90250
Phone: (213) 978-8993

XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LẤY HẸN TRƯỚC
NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

FIRST FINANCIAL EXPRESS

18541 SHERMAN WAY # 201
RESEDA, CA 91335
TEL : (818) 996-0770
Fax : (818) 996-2026

CONVENTIONAL - FHA - VA

DIRECT LENDER

ĐẶC BIỆT REFINANCE KHÔNG TỐN TIỀN

CASH OUT 80% LTV

HOME IMPROVEMENT LOAN
$17,500
- 7 DAYS APPROVAL -

80%
NO QUALIFY
— NO VOE
— NO VOD
— NO CREDIT

2/1 BUY DOWN
1st year 8.75
2nd year 9.75
3rd year 10.75

JUMBO FIXED
10.625 (30 years)
10.500 (15 years)

FIXED 15 năm
9.50% GPM 5.50%
Note Rate 9.75%

FIXED 30 năm
9.875% GPM 6.89%
P&I Factor
Note Rate 10.375%

Lê Công Hải
Broker/Owner
Res.(818) 343-2794

Hoàng Ngọc Môn
Manager/Owner
Res.(818) 347-9619

Trịnh Văn Thuần
Realtor Associate
Res.(818)344-7073

Trang Nguyễn
LOAN OFFICER
Res.(818) 343-2794

Hai (Don) Lưu
LOAN OFFICER
Res.(805) 254-7256
Beeper.(818) 596-9656

Kent Cường Huỳnh
黃世强
Res.(818) 341-6401
Page # (818) 712-1633

Peter Nam Phạm
LOAN OFFICER
Res. (818) 718-0781

Tâm Minh Lê
LOAN OFFICER
Res.(818) 341-1528

Sofia Atmadjaja
LOAN OFFICER
Res.(818) 992-6889

Đạt Tiến Nguyễn
LOAN OFFICER
Res.(818) 883-7163

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
MARK A. RONEY

Phục vụ quý vị tại RESEDA và các vùng phụ cận chuyên lo về tai nạn xe cộ

- ÂN CẦN
- TẬN TÂM
- KINH NGHIỆM
- NHANH CHÓNG

KHI CHẲNG MAY GẶP PHẢI TAI NẠN XIN LIÊN LẠC

TANYA MỸ NGUYỄN

PHỤ TÁ PHÁP LÝ
18625 SHERMAN WAY, # 203
RESEDA, CA 91335
TEL. (818) 881-9236
THAM KHẢO MIỄN PHÍ

Đặc Biệt Phụ Trách:

- Thị Thực Chữ Ký ($5.00)
- Thông Hành (passport)
- Nhập Tịch ($25.00)
- Đoàn Tụ Gia Đình(ODP)
- Thẻ Xanh ($25.00)
- Hôn Thú
- Re-entry permit
- Ly-Thân & Ly Dị
- Bảo Lãnh Thân Nhân Từ Quốc Gia Khác
- Nhận Dịch : Bằng Cấp, Khai Xanh, và Chứng Từ